



PHẠM VĂN TUYẾN (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN THỊ ĐÔNG (Chủ biên)
PHẠM ĐÌNH BÌNH – NGUYỄN HẢI KIÊN

Mĩ thuật

1

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHẠM VĂN TUYẾN (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN THỊ ĐÔNG (Chủ biên)
PHẠM ĐÌNH BÌNH – NGUYỄN HẢI KIÊN

Mĩ thuật



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735 | **Fax:** 024.37547911

Email: nxb@hnue.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Biên tập:

NGUYỄN THUỶ LINH – NGUYỄN ĐỨC HUY

Thiết kế sách:

ĐINH THỊ BÌNH

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM

Sửa bản in:

BÙI THỊ BÍCH HƯỜNG

MĨ THUẬT 1 - SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: VGMT0010020N

ISBN: 978-604-54-5911-9

In 15.000 cuốn, khổ 17 x 24cm,

Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4941-2019/CXBIPH/03-156/ĐHSP

Quyết định xuất bản số:/QĐ-NXBĐHSP ngày/...../2020

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2020

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 26/12/2018, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm Chương trình tổng thể cùng 27 chương trình môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có Chương trình môn Mỹ thuật. Đây là căn cứ để các cơ sở giáo dục quản lý và tổ chức dạy học, đánh giá kết quả giáo dục trong nhà trường phổ thông theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đồng thời, các chương trình này cũng là cơ sở để các Nhà xuất bản biên soạn sách giáo khoa và các tài liệu thiết yếu.

Bộ sách giáo khoa lớp 1 mang tên “Cánh Diều” gồm 8 môn học, được Nhà xuất bản Đại học Sư phạm và Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cùng Công ty Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2019.

Để tạo thuận lợi cho giáo viên trong tổ chức dạy học nội dung sách giáo khoa môn Mỹ thuật lớp 1 thuộc bộ sách Cánh Diều, chúng tôi biên soạn sách giáo viên môn Mỹ thuật lớp 1.

Nội dung cuốn sách gồm hai phần:

Phần một: Một số vấn đề chung về chương trình và phương pháp dạy học môn Mỹ thuật lớp 1.

- I. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực môn Mỹ thuật
- II. Yêu cầu cần đạt và nội dung môn Mỹ thuật lớp 1
- III. Phương pháp dạy học môn Mỹ thuật lớp 1
- IV. Thiết bị dạy học môn Mỹ thuật lớp 1
- V. Đánh giá kết quả giáo dục môn Mỹ thuật lớp 1

Phần hai: Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên và tổ chức dạy học sách giáo khoa môn Mỹ thuật lớp 1.

A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

- I. Thời lượng dạy học

II. Cấu trúc chủ đề và bài học trong sách giáo khoa môn Mĩ thuật lớp 1

III. Quy trình tổ chức nội dung định hướng trong sách giáo viên môn Mĩ thuật lớp 1

B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

Chủ đề 1: Môn Mĩ thuật của em

Chủ đề 2: Màu sắc và chấm

Chủ đề 3: Sự thú vị của nét

Chủ đề 4: Sáng tạo với chấm, nét, màu sắc

Chủ đề 5: Sáng tạo với các hình cơ bản, lá cây

Chủ đề 6: Những hình khối khác nhau

Chủ đề 7: Trường học yêu thương

Trong quá trình biên soạn không thể tránh khỏi thiếu sót, nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các giáo viên, cán bộ quản lí, các nhà chuyên môn và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

Xin trân trọng cảm ơn!

Các tác giả

Cánh Diều

Phần một

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP

DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC MÔN MĨ THUẬT

1. Mục tiêu môn Mĩ thuật

Trong chương trình giáo dục phổ thông, môn Mĩ thuật được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Giai đoạn giáo dục cơ bản gồm: cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở; Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp có cấp trung học phổ thông.

Đối với cấp tiểu học, Mĩ thuật là môn học bắt buộc, được dạy từ lớp 1 đến lớp 5. Chương trình môn Mĩ thuật với mục tiêu giúp học sinh (HS) bước đầu hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm; biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng về thế giới xung quanh, từ đó hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; bước đầu làm quen, tìm hiểu và cảm nhận vẻ đẹp của sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật, hình thành năng lực tự chủ và tự học; góp phần hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Yêu cầu cần đạt

Môn Mĩ thuật nhằm góp phần hình thành và phát triển cho HS năm phẩm chất chủ yếu, được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, đó là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, với mức độ phù hợp với lứa tuổi HS từng lớp.

Môn Mĩ thuật trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thống nhất yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật ở ba cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), với ba thành phần: Quan sát và nhận thức thẩm mĩ; Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ; Phân tích và đánh giá thẩm mĩ. Các thành phần năng lực đặc thù này là những biểu hiện của năng lực thẩm mĩ trong giáo dục mĩ thuật. Việc hình thành và phát triển các thành phần năng lực đặc thù này cho HS cũng chính là đã góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, cũng như đóng góp vào hình thành, phát triển các năng lực

đặc thù khác như: năng lực ngôn ngữ, năng lực khoa học, năng lực tính toán, năng lực tin học, năng lực công nghệ,...

Chương trình môn Mĩ thuật quy định yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù đối với HS tiểu học thông qua các biểu hiện sau:

2.1. Quan sát và nhận thức thẩm mĩ

– Quan sát thẩm mĩ

+ Nhận biết được một số yếu tố thẩm mĩ cơ bản trong đời sống và ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

+ Nhận biết được một số yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ.

+ Nhận biết được dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

– Nhận thức thẩm mĩ

+ Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ.

+ Nhận biết được chủ đề của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

+ Bước đầu nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong đời sống.

+ Biết liên tưởng được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ với thực hành sáng tạo.

2.2. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ

– Sáng tạo thẩm mĩ

+ Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mĩ ở mức độ đơn giản.

+ Vận dụng được một số hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mĩ.

+ Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo ở mức độ đơn giản.

+ Sử dụng được một số công cụ, thiết bị trong thực hành sáng tạo.

– Ứng dụng thẩm mĩ

+ Biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo ở mức độ đơn giản.

+ Biết trưng bày, giới thiệu sản phẩm mĩ thuật của cá nhân và nhóm học tập.

+ Biết vận dụng sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.

2.3. Phân tích và đánh giá thẩm mĩ

– Phân tích thẩm mĩ

+ Chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mĩ ở mức độ đơn giản.

- + Biết tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- + Mô tả được một số yếu tố, dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.
- *Đánh giá thẩm mĩ*
- + Bước đầu đánh giá được đối tượng thẩm mĩ thông qua một số yếu tố và nguyên lí tạo hình.
- + Bước đầu học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mĩ.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG MÔN MỸ THUẬT LỚP 1

Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Mỹ thuật trong chương trình lớp 1 tập trung vào một số thể loại mỹ thuật thuộc hai mạch nội dung Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên tiếp cận và làm quen một số yếu tố và nguyên lí tạo hình, thông qua kết hợp các hoạt động thực hành, thảo luận dựa trên định hướng những chủ đề gắn với đời sống thực tiễn. Theo đó, các yêu cầu cần đạt và nội dung môn Mỹ thuật lớp 1 cụ thể như sau:

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
MỸ THUẬT TẠO HÌNH	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:</i> – Biết được mỹ thuật có ở xung quanh. – Biết được một số đồ dùng, màu vẽ và vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. – Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:</i> – Đọc được tên một số màu trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được chấm bằng nhiều cách khác nhau, biết sử dụng chấm trong tạo hình và trang trí sản phẩm. – Tạo được một số loại nét khác nhau, biết sử dụng nét để mô phỏng đối tượng.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình:</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình:</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại:</i> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật. – Hội hoạ. – Đồ hoạ (tranh in). – Điêu khắc.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
– Tạo được hình, khối dạng cơ bản. – Sử dụng được vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. – Sắp xếp được sản phẩm của cá nhân tạo thành sản phẩm nhóm học tập. – Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, đất nặn, giấy màu,... trong thực hành, sáng tạo. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Trưng bày và nêu được tên sản phẩm, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân, của bạn bè. – Nêu được tên một số màu; bước đầu mô tả, chia sẻ được cảm nhận về hình ảnh chính ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	Hoạt động thực hành và thảo luận: <i>Thực hành:</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận:</i> Lựa chọn, kết hợp: – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của HS. Định hướng chủ đề: Lựa chọn, kết hợp: – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo. – Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu ở sản phẩm thủ công. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Biết cách sử dụng công cụ phù hợp với vật liệu và an toàn trong thực hành, sáng tạo. – Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm. – Vận dụng được nét để tạo nên sản phẩm. – Tạo được sản phẩm từ vật liệu dạng hình, khối.	Yếu tố và nguyên lý tạo hình Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình:</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lý tạo hình:</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại: Thủ công Lựa chọn, kết hợp: – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
– Sử dụng được chấm, nét, màu sắc khác nhau để trang trí sản phẩm. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Trưng bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm. – Biết chia sẻ ý định sử dụng sản phẩm và bảo quản một số đồ dùng học tập.	<i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành:</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D. <i>Thảo luận:</i> Lựa chọn, kết hợp: – Sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thực hành của HS. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Đồ chơi, đồ dùng học tập.

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

Trong quá trình tổ chức dạy học môn Mĩ thuật lớp 1, giáo viên (GV) có thể sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thích hợp với những nội dung, địa điểm và không gian khác nhau. Cần chú trọng lồng ghép, tích hợp nội dung lí thuyết trong thực hành, thảo luận; kết hợp kiến thức, kĩ năng của môn Mĩ thuật với kiến thức, kĩ năng của một số môn học, hoạt động giáo dục khác (Ví dụ: Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Toán, Âm nhạc,...) một cách phù hợp, thiết thực. Chú trọng dạy học trải nghiệm, dạy học tích hợp, dạy học mở; vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm, kích thích HS: *Sáng tạo từ quan sát; Sáng tạo từ trí nhớ; Sáng tạo từ tưởng tượng*. Đồng thời, chú ý đến phong cách học của từng HS trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học⁽¹⁾:

- Phong cách học toàn diện: HS thường chú ý đến cái chung, tổng thể và sự khái quát trước khi đi vào chi tiết. Những HS này thường thích làm việc theo nhóm, trong một không gian mở, hấp dẫn và không khí vui vẻ.

⁽¹⁾ Theo lí thuyết giáo dục về giảng dạy Mĩ thuật của tác giả Kirster Fugl, Đại học Sealand – Đan Mạch, 2009 và Tài liệu dạy học Mĩ thuật dành cho giáo viên tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án SAEPS, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016.

– Phong cách học theo thứ tự: HS thích tìm hiểu thông tin theo từng bước, từ chi tiết đến tổng thể thống nhất; muốn những thông tin được trình bày theo một chuỗi trình tự và thích có sự xác định thứ tự trước sau rõ ràng cũng như mức độ ưu tiên. Những HS này thường muốn làm việc một mình, trong một không gian yên tĩnh.

– Phong cách học linh hoạt: HS thường biết điều chỉnh cách học của mình thích ứng với hoàn cảnh. Các em có khả năng kết hợp, xen kẽ giữa hai phong cách với nhau: (phong cách học toàn diện và phong cách học theo chuỗi tiến trình) để thích ứng với môi trường và thích ứng với những con người trong tình huống học.

Bên cạnh đó, các phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học cần tạo cơ hội để HS được học tập bằng nhiều cách thức hoạt động, thông qua các giác quan trong việc làm thích ứng thông tin:

- Giác quan thính giác: HS học tốt hơn bằng cách lắng nghe và thảo luận.
- Giác quan thị giác: HS học tốt hơn thông qua nhìn/quan sát đối tượng.
- Giác quan xúc giác: HS học tốt hơn khi làm việc bằng đôi tay của mình trong các hoạt động thực hành.
- Giác quan vận động: Phát triển cơ thể là một phần của quá trình học. HS học tốt hơn khi vận động cơ thể trong những tình huống cụ thể.

Dưới đây là một số phương pháp và kĩ thuật dạy học không chỉ đặc trưng trong giáo dục mỹ thuật mà còn phổ biến trong giáo dục nói chung, có tác dụng phát huy tính tích cực, chủ động; kích thích hứng thú, thúc đẩy nhận thức và phát triển khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo ở HS; giúp các em hình thành, phát triển năng lực đặc thù của môn học; cũng như góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất, năng lực chung và đóng góp vào hình thành các năng lực đặc thù khác dựa trên quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

1. Một số phương pháp dạy học

1.1. Phương pháp quan sát

1.1.1. Bản chất

Phương pháp quan sát là phương pháp trong đó GV tổ chức HS sử dụng giác quan để quan sát đối tượng, giúp các em thu thập thông tin và hình thành hiểu biết cần thiết về đối tượng.

Đối với dạy học mỹ thuật, quan sát đối tượng thẩm mỹ là hoạt động được diễn ra thường xuyên trong quá trình học tập (thực hành sáng tạo, thảo luận, đánh giá,...); do vậy, quan sát là một trong các thành tố góp phần phát triển nhận thức, bồi dưỡng khả năng cảm thụ thẩm mỹ ở HS; cũng như kích thích HS hình thành ý tưởng thẩm mỹ cho thực hành sáng tạo và ứng dụng thực tiễn.

1.1.2. Đặc điểm của hoạt động quan sát trong dạy học mỹ thuật

Trong dạy học mỹ thuật, HS thực hiện hoạt động quan sát khi GV trình bày đồ dùng trực quan, sử dụng phương tiện dạy học trong tổ chức các hoạt động: thực hành, thảo luận, nhận xét, chia sẻ cảm nhận,... và đánh giá kết quả học tập.

Quan sát trong dạy học mỹ thuật cần tiến hành từ bao quát đến cụ thể, từ tổng quát đến chi tiết, từ cái chung đến cái riêng và luôn nhận xét, so sánh, đối chiếu, rút ra kết luận. Quan sát gắn với tư duy, quan sát vừa là điều kiện, vừa là kết quả của quá trình học – thực hành mỹ thuật, sáng tạo và đánh giá thẩm mỹ. Tuy nhiên, trong dạy học mỹ thuật lớp 1, GV cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt cũng như nội dung dạy học cụ thể để tổ chức hoạt động quan sát và đưa ra yêu cầu, nhiệm vụ quan sát phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi của HS và đối tượng quan sát.

1.1.3. Quy trình thực hiện

– Lựa chọn đối tượng quan sát:

GV cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt, nội dung dạy học và khả năng tổ chức lớp học của bản thân để lựa chọn đối tượng quan sát phù hợp với mức độ nhận thức của HS và điều kiện dạy học thực tiễn. Đối tượng quan sát thường sử dụng trong dạy học mỹ thuật là các hình ảnh trong tự nhiên, đời sống và các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

– Xác định mục đích quan sát:

Trong quá trình quan sát, không phải lúc nào HS cũng thu nhận được thông tin về đối tượng. Vì vậy, với mỗi đối tượng thẩm mỹ, GV cần xác định rõ ràng, cụ thể mục đích của việc quan sát để đưa ra nhiệm vụ quan sát cho HS.

– Tổ chức và hướng dẫn HS quan sát:

Tùy vào nội dung, mục đích quan sát và điều kiện dạy học thực tiễn, GV có thể tổ chức cho HS quan sát cá nhân, theo nhóm hoặc toàn lớp. Kết hợp hướng dẫn, gợi mở các em huy động các giác quan trong quan sát, cảm nhận về đối tượng; tạo điều kiện và khuyến khích HS quan sát các hoạt động thực tiễn trong nhà trường và đời sống xung quanh. Đồng thời, cần phối hợp, sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học khác, như: vấn đáp, thảo luận, liên hệ thực tế, sử dụng tình huống có vấn đề,... một cách phù hợp và hiệu quả ở những thời điểm, nội dung dạy học cụ thể trong tiến trình giáo dục.

– Tổ chức cho HS chia sẻ thông tin thu nhận được về đối tượng quan sát:

GV có thể tổ chức cho HS trình bày thông tin, chia sẻ cảm nhận của mình hoặc của nhóm,... dựa trên nội dung và cách thức GV tổ chức quan sát.

1.1.4. Ví dụ minh họa

Quan sát là hoạt động chủ đạo trong học mỹ thuật và được thực hiện trong toàn bộ quá trình dạy – học ở mỗi bài học như: quan sát đối tượng để rút ra nhận thức; quan sát để tìm hiểu, khám phá cách thực hành, chia sẻ ý kiến, bày tỏ cảm nhận nhận xét, đánh giá,...

1.1.5. Một số lưu ý

Dạy học mỹ thuật cần bồi dưỡng cho HS cách quan sát làm cơ sở để HS phát triển nhận thức, vận dụng thực hành sáng tạo và đánh giá thẩm mỹ dựa trên những đặc thù của môn học, hướng đến những giá trị chuẩn mực chung của xã hội, của cuộc sống.

1.2. Phương pháp trực quan

1.2.1. Bản chất

Phương pháp trực quan là phương pháp GV sử dụng những đồ dùng trực quan, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ trong quá trình dạy học.

Sử dụng phương pháp trực quan sẽ giúp HS huy động được sự tham gia của nhiều giác quan vào quá trình nhận thức; đồng thời, kích thích hứng thú, sự tập trung và khơi gợi trí tò mò, thích tìm hiểu, khám phá của HS vào hoạt động học tập; nhờ đó giúp các em phát triển tư duy, trí tưởng tượng hình ảnh, khả năng phát hiện vấn đề, phát triển nhận thức, hình thành ý tưởng thẩm mỹ.

1.2.2. Đặc điểm của đồ dùng trực quan trong dạy học mỹ thuật

Tổ chức dạy học thông qua đồ dùng trực quan là một trong những đặc trưng cơ bản của dạy học mỹ thuật nói chung, đặc biệt là dạy học mỹ thuật cấp tiểu học.

Trong dạy học mỹ thuật, đồ dùng trực quan thường là những hình ảnh, tranh, đồ dùng, vật mẫu, hình minh họa, video clip,... do GV, HS, phụ huynh HS (nếu có thể) tự làm hoặc sưu tầm. Phương tiện kỹ thuật là hệ thống thiết bị hỗ trợ dạy học như: máy chiếu, máy tính, máy ảnh,... dùng để chuyển tải, lưu giữ,... các hình ảnh trực quan, minh họa nội dung,... làm tăng sự chú ý của HS và tăng hiệu quả trong dạy học.

Mỗi đồ dùng trực quan như hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống,... được sử dụng trong dạy học mỹ thuật đều chứa đựng lượng kiến thức nhất định về mỹ thuật, cũng như chứa đựng những thông tin, những tri thức về đời sống, văn hoá, xã hội.

1.2.3. Quy trình thực hiện

GV có thể vận dụng linh hoạt các hoạt động sau:

- Lựa chọn đồ dùng trực quan, phương tiện kỹ thuật.

Đây là khâu chuẩn bị của GV (có thể hướng dẫn HS cùng chuẩn bị) trước khi lên lớp tiến hành tổ chức các hoạt động dạy – học. Việc chuẩn bị này cần lưu ý một số vấn đề sau:

- + Căn cứ vào nội dung, kiến thức bài học để lựa chọn, phân loại đồ dùng trực quan, ví dụ: đồ dùng trực quan để minh họa, củng cố, giải thích hay dùng để khai thác, cung cấp kiến thức mới, rèn luyện kỹ năng, bồi dưỡng phẩm chất,...

- + Đồ dùng trực quan được lựa chọn cần bảo đảm tính khoa học, tính thẩm mỹ và an toàn trong tổ chức dạy học; đồng thời mang tính đặc trưng, điển hình và phù hợp với phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, điều kiện dạy học thực tiễn.

- + Đối với dạy học môn Mỹ thuật lớp 1, GV cần lựa chọn những đồ dùng trực quan có hình dạng, cấu trúc, đường nét, màu sắc,... đơn giản, gần gũi trong đời sống và môi trường xung quanh; bảo đảm minh họa rõ ràng cho nội dung dạy học cũng như yêu cầu cần đạt, giúp HS dễ hiểu, dễ tiếp cận; kích thích sự hứng thú học tập, thực hành sáng tạo và gợi mở liên hệ với thực tiễn.

- Tổ chức dạy học:

- + Giới thiệu đồ dùng trực quan và tổ chức cho HS quan sát đồng thời giao nhiệm vụ học tập: Tùy vào loại đồ dùng trực quan (tranh, ảnh, vật thật, mô hình,...) và nội dung, mục đích dạy học để lựa chọn cách giới thiệu phù hợp với không gian lớp học (treo, dán trên bảng; trình chiếu thông qua phương tiện kỹ thuật; đặt trên bục hoặc tại vị trí các nhóm học tập;...) và bảo đảm tất cả HS đều quan sát, thực hiện được nhiệm vụ dựa trên đồ dùng trực quan.

- + Tổ chức cho HS chia sẻ thông tin thu nhận được thông qua đồ dùng trực quan: GV có thể tổ chức cho cá nhân HS hoặc đại diện nhóm học tập trình bày, chia sẻ thông tin thu nhận được dựa trên nhiệm vụ học tập và đồ dùng trực quan.

- + Tóm lược thông tin từ đồ dùng trực quan, rút ra kết luận: Dựa trên những trình bày, chia sẻ của HS, GV tóm lược, gợi mở, nêu vấn đề, giảng giải, thị phạm minh họa,... giúp HS hiểu biết về vấn đề học tập (kiến thức, kỹ năng,...) một cách rõ ràng và cụ thể hơn.

1.2.4. Ví dụ minh họa

Nội dung sách giáo khoa (SGK) Mỹ thuật lớp 1 ưu tiên sử dụng kênh hình làm trọng tâm, do vậy các hình ảnh trực quan như: sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, công cụ, vật liệu, họa phẩm, minh họa hướng dẫn cách thực hành,... được sử dụng ở tất cả các hoạt động học tập trong mỗi bài học, như: *Quan sát, nhận biết; Thực hành, sáng tạo; Cảm nhận, chia sẻ; Vận dụng.*

1.2.5. Một số lưu ý

Trong tổ chức dạy học, để tạo sự phong phú, đa dạng về đồ dùng trực quan, ngoài các hình ảnh minh họa giới thiệu trong SGK, GV cần chủ động sưu tầm hoặc tự làm, chuẩn bị đồ dùng trực quan trên cơ sở bảo đảm đáp ứng được yêu cầu cần đạt, phù hợp với nội dung giáo dục và ý tưởng dạy học; đồng thời, GV nên khuyến khích, động viên và giao nhiệm vụ cụ thể cho HS/nhóm HS cùng chuẩn bị, sưu tầm dựa trên điều kiện thực tiễn; cũng như tăng cường khai thác các nguồn lực sẵn có ở địa phương, như tư liệu (tranh, ảnh, di sản văn hoá nghệ thuật,...) và vật liệu, chất liệu,... làm đồ dùng trực quan; kết hợp tư vấn, tham mưu với nhà trường, địa phương trong việc thiết kế, tạo lập các đồ dùng trực quan, công cụ thực hành, mua sắm các thiết bị hỗ trợ dạy học,...

Trong sử dụng và hướng dẫn HS làm việc với đồ dùng trực quan, GV không nên xem đó là những khuôn mẫu và yêu cầu HS tuân thủ thực hiện; cần đảm bảo các nguyên tắc sử dụng như: đúng mục đích, đúng lúc, đúng chỗ; đúng tốc độ và cường độ,... Đồng thời, cần kết hợp vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học như: quan sát, gợi mở – vấn đáp, thảo luận trên lớp, thuyết minh, giải thích,... làm cho mỗi đồ dùng trực quan không chỉ tác động trực tiếp đến tri giác và nhận thức của HS, mà còn tạo sự tương tác giữa GV với HS, giữa HS với HS trong quá trình dạy học.

1.3. Phương pháp dạy học kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật

1.3.1. Bản chất

Dạy học kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật trong tổ chức dạy học mỹ thuật là một trong những điểm mới trong đổi mới phương pháp giáo dục của Chương trình môn Mỹ thuật 2018.

Dạy học kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật là hình thức tổ chức cho HS kết hợp học tập cá nhân với học tập hợp tác trong luyện tập, thực hành sáng tạo và trao đổi, thảo luận. Quá trình học tập này bổ sung cho nhau để làm sâu sắc hơn việc học mỹ thuật của HS.

Theo đó, tham gia vào hoạt động thảo luận kết hợp thực hành, HS đồng thời vừa là người sáng tạo nghệ thuật, vừa là người thưởng thức nghệ thuật; giúp các em phát triển khả năng cảm thụ thẩm mỹ và nuôi dưỡng tình yêu nghệ thuật, cuộc sống.

1.3.2. Đặc trưng của hoạt động kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật

a) Thảo luận nghệ thuật

Tham gia thảo luận nghệ thuật là hình thức học tập hợp tác giúp HS:

– Nhận biết, quan sát, suy nghĩ và nói chuyện về sản phẩm của chính các em và quá trình thực hành.

– Có cơ hội được tiếp cận và trao đổi về các tác phẩm của nghệ sĩ và sự sáng tạo của họ.

– Có thể khám phá, phát triển nhận thức, kỹ năng và tạo ra các ý tưởng cho sáng tạo nghệ thuật.

– Học cách mô tả, phân tích, giải thích và đánh giá hình ảnh trong các hình thức khác nhau.

– Phát triển đánh giá đối với nghệ thuật và hiểu biết vai trò của nghệ thuật trong đời sống xã hội.

– Phát triển khả năng phản biện thẩm mỹ và giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề.

b) Sáng tạo nghệ thuật

Tham gia vào quá trình thực hành sáng tạo nghệ thuật giúp HS:

– Tạo ra được các sản phẩm mỹ thuật biểu đạt cảm xúc, suy nghĩ, thể hiện sự hiểu biết và ý tưởng của mình theo các hình thức khác nhau.

– Có cơ hội tìm tòi, thử nghiệm nhiều hình thức, chất liệu,... phương pháp thực hành khác nhau.

– Có thể học hỏi kinh nghiệm, học tập những ý tưởng khác nhau.

– Phát triển hiểu biết về nghệ thuật, tổ chức thông tin, thu nhận được giải quyết vấn đề và quyết định những gì và làm thế nào tốt nhất để thể hiện thông qua các sản phẩm của mình/của nhóm học tập.

1.3.3. Quy trình thực hiện

Trong tổ chức HS thảo luận kết hợp thực hành sáng tạo, GV linh hoạt vận dụng cách thức tổ chức dạy học như sau:

– Bố trí HS theo nhóm học tập, tùy vào nội dung và yêu cầu cần đạt để tổ chức HS thực hành tạo sản phẩm cá nhân hoặc phối hợp tạo sản phẩm nhóm.

– Giao nhiệm vụ thực hành cho cá nhân, nhóm; gợi mở nội dung trao đổi, thảo luận, chia sẻ, nêu vấn đề,... giữa các thành viên ở mỗi nhóm khi thực hành.

– Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng mức độ làm việc của các thành viên trong nhóm và giữa các nhóm với nhau, dựa trên nhiệm vụ học tập và yêu cầu cần đạt của bài học.

1.3.4. Ví dụ minh họa

Định hướng nội dung trao đổi, thảo luận,... cho HS trong tiến trình dạy học. Ví dụ: Em đã nhìn thấy những loài thực vật, động vật nào trong thiên nhiên? Em có thể vẽ tranh về thiên nhiên theo cách nào dưới đây?... (Bài 8: *Thiên nhiên quanh em*);

Em sẽ sáng tạo hình ảnh gì từ lá cây? Sản phẩm được tạo từ lá cây nào?... (Bài 11: *Tạo hình với lá cây*);...

1.3.5. Một số lưu ý

– Trong tổ chức dạy học mỹ thuật, cần coi trọng tổ chức phương pháp này nhằm tích cực hoá hoạt động học tập, thực hành của HS.

– Các nội dung gợi mở, định hướng cho HS thảo luận cần gắn với mục tiêu, yêu cầu cần đạt trong nội dung thực hành, sáng tạo của bài học.

– GV cần nắm được mức độ tham gia thảo luận, trao đổi, chia sẻ thông tin, học hỏi kinh nghiệm,... và khả năng hợp tác của HS trong lớp để kịp thời động viên, khích lệ và hướng dẫn, hỗ trợ các em hoặc sử dụng tình huống có vấn đề thử thách HS vượt qua dựa trên mức độ thực hiện nhiệm vụ của HS, giúp HS từng bước phát triển học tập và đáp ứng yêu cầu cần đạt đã đặt ra.

Đặc trưng của tổ chức dạy học kết hợp thảo luận và thực hành là thông qua hoạt động nhóm học tập, do vậy GV cần khai thác, vận dụng hiệu quả phương pháp tổ chức nhóm học tập (phương pháp dạy học hợp tác) trong tổ chức học hoạt động thực hành và thảo luận cho HS.

Đồng thời, cần kết hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức và các kỹ thuật dạy học như: phương pháp quan sát; phương pháp trực quan; phương pháp gợi mở – vấn đáp, nêu vấn đề, sử dụng tình huống có vấn đề, liên hệ thực tiễn; phương pháp trò chơi học tập, dạy học trải nghiệm,...; kỹ thuật động não; kỹ thuật khăn phủ bàn; kỹ thuật sơ đồ tư duy; kỹ thuật tia chớp; kỹ thuật ủng hộ, tranh luận và phản hồi; kỹ thuật bể cá;... cũng như có thể vận dụng một số hình thức tổ chức hoạt động sáng tạo cho HS từ dự án “Hỗ trợ giáo dục Mỹ thuật tiểu học SAEPS” như: Vẽ cùng nhau và sáng tạo câu chuyện, xây dựng cốt truyện,...

1.4. Phương pháp tổ chức trò chơi trong học tập

1.4.1. Bản chất

Trò chơi học tập là hoạt động kết hợp hoạt động học và hoạt động chơi của HS được diễn ra theo trình tự. Nội dung và cách thức chơi gắn với yêu cầu cần đạt của bài học/hoạt động dạy học cụ thể. Trò chơi học tập thường diễn ra trong thời gian, không gian nhất định của một giờ học và mọi HS đều thu nhận được những nội dung học tập chứa đựng trong trò chơi phù hợp với trình độ và lứa tuổi.

Tổ chức trò chơi học tập giúp HS thay đổi trạng thái, cách thức học tập; tạo không khí học tập vui vẻ, thân thiện, thúc đẩy hứng thú và phát triển tâm lý học tập thoải mái ở HS; giúp các em mạnh dạn, tự tin, thể hiện tinh thần đoàn kết, hợp tác, ý thức trách nhiệm, tôn trọng kỉ luật trong hoạt động chơi và học; nhờ đó làm tăng hiệu quả học tập ở HS.

1.4.2. Đặc trưng tổ chức trò chơi trong dạy học kĩ thuật

Nội dung học tập kĩ thuật luôn gắn lí thuyết với thực hành, sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ, do vậy, trò chơi học tập có thể kết hợp, đan xen trong toàn bộ quá trình dạy học. Ví dụ:

- Tổ chức trò chơi khởi động, giới thiệu bài học.
- Tổ chức trò chơi khám phá *Những điều mới mẻ* (theo từng nội dung, hoạt động học tập).
- Trò chơi khám phá nội dung *Vận dụng* (nếu thực hiện nội dung này trên lớp).

1.4.3. Quy trình thực hiện

- GV giới thiệu trò chơi: tên, cách chơi, luật chơi, thời gian, địa điểm chơi và một số yêu cầu cụ thể khác (nếu có).
- Tổ chức cho HS chơi thử (nếu cần thiết).
- Tổ chức cho HS tiến hành chơi thật.
- Sau khi trò chơi kết thúc, GV cùng HS tổng kết, đánh giá kết quả dựa trên nhiệm vụ học tập và động viên, khích lệ HS tiếp tục phát huy.
- Tổ chức cho HS chia sẻ cảm nhận về trò chơi, liên hệ nội dung bài học đã đối chiếu với yêu cầu cần đạt.

1.4.4. Ví dụ minh họa: Trò chơi “Hộp giấy bí mật” (Bài 14: *Đồ dùng học tập thân quen*, phần khởi động, giới thiệu bài).

1.4.5. Một số lưu ý

- Trò chơi học tập phải dễ tổ chức và thực hiện, phù hợp với chủ đề bài học cũng như đặc điểm và trình độ HS lớp 1; phù hợp với quỹ thời gian và điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời không gây nguy hiểm cho HS.
- Tổ chức trò chơi học tập cần phải có mục đích rõ ràng; nội dung trò chơi phải gắn với sự hình thành, phát triển năng lực kĩ thuật và góp phần bồi dưỡng phẩm chất, hình thành phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù phù hợp với bài học, môn học của học sinh.
- Để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, GV cần tạo điều kiện và khích lệ HS tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu (hoặc một số khâu của trò chơi) như: chuẩn bị, tiến hành trò chơi, đánh giá sau khi chơi.
- Trò chơi phải được tổ chức luân phiên và thay đổi hợp lí để không gây nhàm chán cho HS.
- Không đặt vấn đề thắng/thua giữa các đội/nhóm.

– Tổ chức trò chơi cho HS cần quan tâm tới các yếu tố phong tục, tập quán của địa phương làm cho hoạt động chơi giàu ý nghĩa hơn trong nhận thức và giúp các em thể hiện tình cảm, tình yêu quê hương, đất nước.

– Tổ chức trò chơi học tập cần kết hợp vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học như: quan sát, trực quan, làm việc nhóm, kể chuyện, sắm vai, biểu đạt ngôn ngữ cơ thể,... một số kĩ thuật dạy học như: kĩ thuật học tập hợp tác, tia chớp, sơ đồ tư duy,... Ngoài ra, GV có thể vận dụng một số hình thức hoạt động thực hành sáng tạo từ Dự án SAEPS như: xây dựng cốt truyện, vẽ cùng nhau và sáng tạo câu chuyện,...

2. Một số kĩ thuật dạy học

2.1. Kĩ thuật động não (công não)

Kĩ thuật động não nhằm huy động những ý tưởng mới mẻ, độc đáo của các thành viên khi nhóm thảo luận về một chủ đề, nội dung học tập hoặc tìm phương án giải quyết, thu thập khả năng lựa chọn và ý nghĩa khác nhau,...

Kĩ thuật động não có hai hình thức: động não viết và động não công khai.

Trong tổ chức dạy học vận dụng kĩ thuật động não, GV cần xác định nội dung học tập cụ thể cho mỗi nhóm. Sau khi mỗi thành viên nêu ý kiến, ý tưởng, cả nhóm cùng thảo luận, thống nhất và trình bày hoặc thực hiện.

Lưu ý:

- Không đánh giá, phê phán khi HS trình bày ý tưởng.
- Cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.
- Khuyến khích số lượng các ý tưởng.
- Trong tổ chức, nếu GV thiếu sự bao quát và đưa ra chủ đề thảo luận không rõ ràng, sẽ dễ dẫn đến các ý kiến tản mạn, thiếu tập trung và đôi khi có thể lạc đề.

2.2. Kĩ thuật khăn phủ bàn (khăn trải bàn)

Kĩ thuật khăn phủ bàn là kĩ thuật tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác, kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm, nhằm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực.
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của mỗi cá nhân HS.
- Phát triển mô hình học tập có sự tương tác giữa HS với HS, giữa cá nhân với nhóm.
- Rèn kĩ năng suy nghĩ, quyết định và giải quyết vấn đề.
- HS đạt được mục đích học tập cá nhân cũng như hợp tác.

– Nâng cao mối quan hệ giữa HS, tăng cường sự hợp tác, giao tiếp; giúp HS học cách chia sẻ kinh nghiệm và tôn trọng lẫn nhau, góp phần nâng cao hiệu quả học tập.

Tuỳ theo số lượng các thành viên trong nhóm và nhiệm vụ học tập, GV có thể tổ chức cho HS cùng chia sẻ thông tin và thống nhất trên một khuôn khổ giấy (khăn phủ bàn). Hoặc GV có thể phát cho HS những mảnh giấy nhỏ (mảnh khăn phủ bàn nhỏ) để ghi ý kiến của cá nhân, sau đó các thành viên trong nhóm cùng thảo luận, thống nhất và có thể ghi chép lại trên những công cụ, vật liệu thích hợp (bảng, giấy, sổ,...). GV cần lưu ý, nội dung hoặc câu hỏi thảo luận là nội dung hoặc câu hỏi mở.

2.3. Kỹ thuật tia chớp

Kỹ thuật tia chớp là kỹ thuật huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi hoặc vấn đề nào đó, hoặc tiếp thu thông tin phản hồi về nội dung học tập, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng ý kiến của mình về câu hỏi hoặc/vấn đề,...

Kỹ thuật tia chớp thường được sử dụng trong hoạt động nhóm hoặc toàn lớp, có thể áp dụng ở bất kì thời điểm nào của tiết học với các mục đích khác nhau như: củng cố bài, tổ chức trò chơi, phát hiện vấn đề,...

Tổ chức dạy học thông qua kỹ thuật tia chớp thường thực hiện như sau:

- GV hoặc HS: Nêu nhiệm vụ học tập, cách thực hiện và đánh giá.
- GV hoặc HS: Giới thiệu nội dung học tập (hình ảnh trực quan, vật mẫu, mô hình,...).
- GV hoặc HS: Tổ chức nhóm/lớp quan sát, thảo luận và nêu ý kiến nhanh (trả lời câu hỏi hoặc giải thích,...).
- GV hoặc HS: Tóm lược nội dung học tập (chốt kiến thức, kỹ năng,...) thông qua hoạt động.
- GV cần xác định rõ mục đích sử dụng kỹ thuật (giới thiệu bài hay nhận biết, củng cố kiến thức, kỹ năng,...).

Để đạt được hiệu quả mong đợi trong vận dụng kỹ thuật này, nội dung học tập đưa ra để HS tham gia thảo luận, phát hiện,... cần rõ ràng, cô đọng, giúp các em dễ nhận biết và có thể trả lời ngắn gọn; nếu thời gian tổ chức kéo dài, sẽ hạn chế hứng thú ở HS.

2.4. Kỹ thuật sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy là kỹ thuật dạy học nhằm tổ chức và phát triển tư duy; đồng thời đây cũng là phương tiện ghi chép sáng tạo và hiệu quả giúp HS sắp xếp ý nghĩ. Kỹ thuật này giúp các em mở rộng, đào sâu và kết nối, bao quát được các ý tưởng trên một phạm vi về một vấn đề, nhiệm vụ hay một nội dung chủ đề/bài học cụ thể.

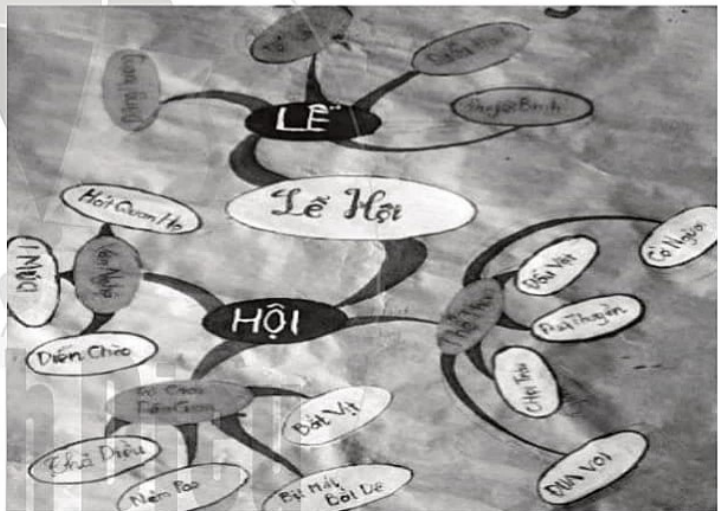
Kĩ thuật sơ đồ tư duy có thể có cách gọi khác, ví dụ: Lược đồ tư duy – Bản đồ tư duy – Bản đồ khái niệm.

Sơ đồ tư duy có thể trình bày trên giấy, trên bảng,... hay thực hiện trên máy tính trong hoạt động học tập cá nhân hoặc hoạt động học tập nhóm. Thông qua hoạt động này, HS có thể:

- Phát triển tư duy logic và khả năng phân tích tổng hợp.
- Dễ tiếp thu, thực hiện, nắm rõ nội dung và nhớ lâu.

Sơ đồ tư duy có thể ứng dụng trong nhiều nội dung dạy học khác nhau như: tóm tắt, ôn tập, trình bày tổng quan một chủ đề, chuẩn bị nội dung viết thu hoạch, sắp xếp ý tưởng thể hiện cho một chủ đề/đề tài, xây dựng kế hoạch học tập,...

Lập sơ đồ tư duy thường được xuất phát từ một chủ đề/nội dung khái quát/rộng (từ khoá cấp 1), từ đó tìm/xác định các nội dung cụ thể/hẹp của chủ đề/bài học (từ khoá cấp 2) và có thể tiếp tục xác định các nội dung khác/chi tiết liên quan đến chủ đề/bài học (từ khoá cấp 3, cấp 4,...). Sự sắp xếp này sẽ tạo ra một “bức tranh tổng quát” mô tả một cách đầy đủ, rõ ràng về nội dung bài học/chủ đề; làm cơ sở để HS thực hiện chủ đề/bài học, lựa chọn một vấn đề/một nội dung trong mỗi từ khoá (cấp 1, cấp 2, cấp 3,...) để tìm hiểu, giải quyết.



IV. THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

1. Phòng học bộ môn

– Ở những nơi có điều kiện thuận lợi, nhà trường có thể bố trí phòng dành riêng cho hoạt động dạy học mỹ thuật. Vị trí phòng học mỹ thuật cần tương đối độc lập với các phòng học khác trong nhà trường.

– Trang thiết bị trong phòng học:

- + Bàn ghế HS phù hợp với việc di chuyển trong lớp học.
- + Bảng vẽ cá nhân, dụng cụ để trưng bày sản phẩm mỹ thuật.
- + Bục đặt mẫu vẽ có thể điều chỉnh được kích thước khi cần thiết.

- + Giá vẽ có thể điều chỉnh kích thước phù hợp với chiều cao của từng HS.
- + Tủ, giá để lưu giữ sản phẩm thực hành và các dụng cụ, công cụ học tập.
- + Phương tiện hỗ trợ: máy tính, đèn chiếu (overhead), máy chiếu (projector),...

2. Đồ dùng dạy học mỹ thuật

- Khô cơ bản; sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật (nguyên mẫu hoặc ảnh chụp); tranh ảnh tư liệu mỹ thuật.
- Tranh ảnh, video clip minh họa kiến thức mỹ thuật (trong tự nhiên, đời sống).
- Đồ dùng cá nhân, đồ chơi, đồ dùng học tập,... (nguyên mẫu hoặc ảnh chụp).
- Hoạ phẩm, công cụ, vật liệu sẵn có (màu vẽ, giấy thủ công, hồ dán, băng dính, lá cây, sợi dây, vỏ hộp giấy,...).

3. Tự làm và sưu tầm thiết bị, đồ dùng dạy học

3.1. Tác dụng của việc tự làm và sưu tầm đồ dùng dạy học trong dạy học mỹ thuật

- Gắn nội dung bài học với thực tiễn cuộc sống ở địa phương.
- Thể hiện sự sáng tạo, nhiệt tình của GV trong quá trình chuẩn bị dạy học.
- Tạo sự đa dạng, phong phú thêm cho nguồn thiết bị dạy học, phục vụ kịp thời cho nhu cầu dạy học.
- Việc tự làm đồ dùng, thiết bị phục vụ dạy học mỹ thuật cần được tiến hành một cách có kế hoạch, có nội dung cụ thể cho từng học kì, từng năm học.

3.2. Nguyên tắc thiết kế thiết bị, đồ dùng dạy học tự làm

- Phù hợp với đặc điểm và nguyên tắc dạy học môn học, chú trọng đến tính mục đích, góp phần giải quyết nhiệm vụ học tập của HS, mà không chỉ đơn thuần là minh họa cho bài học.
- Bảo đảm tính khoa học, tính thẩm mỹ, tính sư phạm, tính tiện lợi và an toàn.
- Đảm bảo phù hợp với tâm lí lứa tuổi và sự phát triển nhận thức của HS.
- Phù hợp với định hướng đổi mới phương pháp dạy học Mỹ thuật trong trường học.

3.3. Nguồn sưu tầm tư liệu, thiết kế thiết bị, đồ dùng dạy học mỹ thuật

- Sản phẩm in ấn, xuất bản: sách báo, tạp chí, tranh ảnh,...
- Sử dụng phương tiện công nghệ và truyền thông: máy tính, máy ảnh, điện thoại cá nhân,... (kết nối mạng Internet).
- Vận dụng nguồn tư liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương: sản phẩm thủ công; tư liệu hình ảnh, hiện vật; đồ dùng tái chế; vật liệu từ nghề thủ công, sản xuất

nông nghiệp, công nghiệp; chất liệu (hoạ phẩm,...). GV và nhà trường có thể huy động HS, phụ huynh HS và cộng đồng cùng tham gia công việc sưu tầm, thiết kế đồ dùng, thiết bị phục vụ dạy học mỹ thuật.

3.4. Quy trình thiết kế thiết bị, đồ dùng dạy học

- Phân tích nội dung chủ đề, yêu cầu cần đạt của bài học, chủ đề dạy học.
- Xây dựng kế hoạch bài học: phân tích tiến trình tổ chức, phương pháp dự kiến, xác định phương tiện, thiết bị cho mỗi hoạt động dạy học, điều kiện của lớp học có đảm bảo sử dụng được phương tiện hay không,...
- Chế tạo thiết bị, đồ dùng.
- Sử dụng thử nghiệm đảm bảo thiết bị, đồ dùng vận hành tốt, đạt được mục đích sử dụng. Ghi chép lại hướng dẫn sử dụng.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

1. Định hướng chung

- Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, thời lượng dành cho đánh giá định kì là 10%, các cơ sở giáo dục và GV chủ động bố trí trên cơ sở yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học, cũng như phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung, hình thức tổ chức, thời điểm đánh giá (cuối kì 1, cuối kì 2, cuối năm học,...).
- Có thể vận dụng, kết hợp đánh giá thông qua một số hình thức như: ôn tập; nội dung bài test; bài thực hành cá nhân/nhóm; hoạt động trải nghiệm; trưng bày, thuyết trình, giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật; báo cáo kết quả dự án học tập,...
- Chú ý đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS trong học tập và những tình huống cụ thể trong thực tiễn, mức độ đơn giản.
- Không nên coi trọng mức độ HS hoàn thành sản phẩm (đặc biệt trong đánh giá thường xuyên), không nên so sánh giữa HS này với HS khác, hoặc giữa các nhóm HS.
- Đánh giá cần dựa trên năng lực và sự tiến bộ của mỗi HS hoặc nhóm HS trong quá trình học tập/thực hành, sáng tạo và thảo luận.
- Đánh giá để giúp HS cải thiện kết quả học tập, kích thích hứng thú và nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ, tình yêu nghệ thuật; cũng như bảo đảm HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực mỹ thuật; hạn chế tối đa tính chủ quan, áp đặt của người đánh giá.
- *Kết hợp* đánh giá *định tính* và đánh giá *định lượng*; sử dụng công cụ đánh giá tin cậy, đảm bảo toàn diện, khách quan, chính xác; kết hợp, vận dụng linh hoạt các

phương pháp và hình thức đánh giá; quan tâm đến những HS có sự khác biệt so với các HS khác về tâm lý, sở thích, về khả năng và điều kiện tối thiểu học tập; thông tin cho HS biết về thời điểm, hình thức, công cụ và các tiêu chí đánh giá. Với cấp tiểu học, GV chủ yếu sử dụng đánh giá định tính.

– Để thống nhất với đổi mới phương pháp dạy học trong chương trình (lồng ghép, kết hợp hoạt động thực hành và thảo luận), trong đánh giá cần kết hợp đánh giá sản phẩm với nội dung bài viết (ít từ hoặc nhiều từ), ví dụ: viết lời giới thiệu, lời chia sẻ cảm nhận, giải thích, mô tả cách thực hiện, liên hệ tính ứng dụng của sản phẩm, tác phẩm,...

2. Mục tiêu

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Mỹ thuật cấp tiểu học tuân thủ định hướng đánh giá trong Chương trình tổng thể và thống nhất với mục tiêu đánh giá của chương trình môn học ở cả ba cấp học, đó là: cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của từng HS; giúp HS làm quen với tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân và có khả năng điều chỉnh hoạt động học tập; giúp GV biết được những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có hướng dẫn kịp thời cho HS và điều chỉnh kế hoạch, hoạt động dạy học một cách phù hợp; giúp nhà quản lý hiểu rõ chất lượng giáo dục, làm căn cứ để có những điều chỉnh và nâng cao chất lượng giáo dục; giúp cha mẹ HS hiểu rõ những tiến bộ của con và có những biện pháp phối hợp giáo dục với nhà trường. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS.

3. Nội dung và tiêu chí đánh giá

– Đánh giá kết quả giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất: Dựa trên quá trình và ý thức học tập của HS, trong đó cần xuất phát từ các phẩm chất và năng lực gắn với môn học như: chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,... bày tỏ cảm xúc, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, biểu hiện thái độ, hành vi ứng xử trước đối tượng thẩm mỹ; thể hiện niềm tự hào về truyền thống văn hoá nghệ thuật của quê hương, đất nước; thẳng thắn trong chia sẻ, nhận xét kết quả học tập, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật của bạn bè và người khác; thể hiện ý thức làm đẹp cho bản thân và môi trường xung quanh,...

– Đánh giá kết quả hoạt động quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Là đánh giá khả năng quan sát, tham gia thảo luận, nêu và phản hồi ý kiến; khả năng cảm thụ thẩm mỹ, thu nhận (đọc, hiểu) thông tin ở đối tượng quan sát; khả năng chia sẻ hiểu biết về nghệ thuật, liên hệ quan sát với trí nhớ, tưởng tượng và ý tưởng thực hành.

– Đánh giá kết quả hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: Dựa trên sản phẩm và quá trình thực hành kết hợp tham gia thảo luận của HS. Chú ý đánh giá sự chia sẻ

ý tưởng và sáng kiến thể hiện, khả năng lựa chọn và sử dụng hoạ phẩm, công cụ, vật liệu sẵn có,... khả năng vận dụng phương pháp thực hành và các yếu tố, nguyên lí tạo hình; khả năng làm việc độc lập và hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ; khả năng thể hiện ý tưởng, tính ứng dụng của sản phẩm phục vụ học tập và đời sống,...

– Đánh giá kết quả hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mĩ: Chú ý đánh giá khả năng cảm nhận thẩm mĩ thông qua trao đổi, phát biểu ý kiến và phản hồi, chia sẻ vốn hiểu biết, kinh nghiệm thực hành và khả năng học hỏi, thể hiện tình cảm, thái độ, sự thẳng thắn và tôn trọng trong thưởng thức, nhận xét, đánh giá sản phẩm, tác phẩm.

4. Hình thức đánh giá

Chương trình môn Mĩ thuật kết hợp hài hoà giữa đánh giá thường xuyên (quá trình) và đánh giá tổng kết (định kì).

Đánh giá thường xuyên được thực hiện trong toàn bộ tiến trình giáo dục và tích hợp trong các hoạt động dạy học, do GV phụ trách môn học tổ chức dựa trên kết quả đánh giá của GV, HS đánh giá đồng đẳng, HS tự đánh giá.

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm gần hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối năm học, cuối cấp học), do cơ sở giáo dục tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình. Đánh giá định kì dựa trên các bài kiểm tra như: sản phẩm thực hành mĩ thuật, kết quả dự án học tập, bài tự luận, bài test..., trong đó cần lưu ý trọng tâm đổi mới phương pháp dạy học của chương trình là kết hợp, lồng ghép thực hành và thảo luận trong tổ chức dạy học.

Phần hai

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

I. THỜI LƯỢNG DẠY HỌC

Thời lượng của bài học (theo số tiết học): Đây là đề xuất của nhóm tác giả, GV có thể điều chỉnh thời lượng phù hợp với thực tế dạy học bảo đảm tổng thời lượng thống nhất với quy định trong chương trình là 35 tiết/năm học (bao gồm kiểm tra, đánh giá) đối với lớp 1.

Phân bố nội dung ở mỗi tiết học: Trên cơ sở thời lượng của bài học (với bài học có từ 2 tiết trở lên) trong các chủ đề, GV chủ động phân bố nội dung cho mỗi tiết học phù hợp với thực tế dạy học, bảo đảm đạt được mục tiêu đã đặt ra.

Phân bố thời lượng cho từng hoạt động dạy học cụ thể trong mỗi bài học: Dựa trên thực tiễn dạy học, GV chủ động phân chia thời lượng phù hợp cho mỗi hoạt động, bảo đảm sự hài hoà giữa nội dung các hoạt động, sao cho hoạt động thực hành và thảo luận là trọng tâm của tiến trình dạy học.

Giải thích thuật ngữ (trang 77, 78 – SGK): nhằm làm rõ hơn một số từ ngữ thuộc lĩnh vực mỹ thuật có liên quan đến nội dung bài học trong SGK. Trong quá trình tổ chức dạy học, GV có thể sử dụng phần nội dung này để cung cấp cho HS những thông tin cần thiết về các thuật ngữ mỹ thuật; đồng thời, hướng dẫn các em cách tra cứu. Từ đó, hình thành, phát triển khả năng tự học, tự tìm tòi, khám phá ở HS.

II. CẤU TRÚC CHỦ ĐỀ VÀ BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

– Tên chủ đề: Bao quát nội dung là định hướng nội dung chính. Mỗi chủ đề có thể gồm một hoặc nhiều bài.

– Tên bài học: Nhấn mạnh đến nội dung cần thể hiện của bài học. Cấu trúc nội dung mỗi bài học gồm:

- + **Giới thiệu bài:** Nhằm định hướng nội dung chính của bài học.
- + **Những điều mới mẻ:** Chú trọng tổ chức các hoạt động: Quan sát, nhận biết; Thực hành, sáng tạo và thảo luận; Trưng bày sản phẩm và nhận xét, chia sẻ cảm nhận.
- + **Vận dụng:** Nhằm gợi mở HS có thêm ý tưởng sáng tạo về chủ đề bài học và ứng dụng bài học vào thực tiễn.

III. QUY TRÌNH TỔ CHỨC NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG TRONG SÁCH GIÁO VIÊN MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

Cấu trúc nội dung mỗi bài học trong sách giáo viên (SGV) môn Mỹ thuật lớp 1 gồm:

- Mục tiêu bài học.
- Chuẩn bị của HS và GV.
- Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học chủ yếu.
- Các hoạt động dạy học, gồm:
 - + Hoạt động: Ôn định lớp.
 - + Hoạt động: Khởi động, giới thiệu bài học.
 - + Hoạt động: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*.
 - + Hoạt động: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung *Vận dụng*.
 - + Hoạt động: Tổng kết bài học.
 - + Hoạt động: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo.

Dựa trên tài liệu SGK và SGV môn Mỹ thuật lớp 1, GV có thể linh hoạt tổ chức dạy học, đáp ứng được mục tiêu của chương trình và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Mục tiêu bài học: Hướng đến góp phần hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực chung và một số năng lực đặc thù khác ở HS, thông qua các biểu hiện cụ thể gắn với nội dung bài học; trọng tâm là hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật được quy định trong Chương trình môn Mỹ thuật 2018.

Bên cạnh đó, dựa trên nét đặc trưng riêng về đời sống, văn hoá, nghệ thuật ở mỗi địa phương, GV có thể lồng ghép nội dung giáo dục gắn với địa phương, trên cơ sở bảo đảm phù hợp với nội dung dạy học, thiết thực với HS và thống nhất với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học đã đặt ra.

Chuẩn bị của HS và GV: Bao gồm các phương tiện, đồ dùng dạy học cần có để sử dụng trong tổ chức các hoạt động dạy học. Ngoài ra, căn cứ vào thực tiễn dạy học ở địa phương, GV có thể sưu tầm, chuẩn bị và hướng dẫn HS chuẩn bị đồ dùng học tập hoặc có thể phối hợp với phụ huynh HS cùng chuẩn bị. Đồng thời dựa vào nguồn tư liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương, GV có thể chủ động thay thế một số đồ dùng, phương tiện dạy học phù hợp tương tự, bảo đảm nội dung, yêu cầu cần đạt của bài học đã đặt ra.

Sưu tầm, chuẩn bị các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật phục vụ dạy học bằng nhiều cách và nguồn tài liệu khác nhau. Tuy nhiên, GV nên lựa chọn các tác phẩm đã được công bố, đánh giá của các nhà chuyên môn, các nhà giáo dục, cũng như có tính phổ biến và điển hình, phù hợp với nội dung dạy học, bảo đảm đạt được mục đích giáo dục và yêu cầu cần đạt của bài học. Trong các nguồn tài liệu đó, GV nên lựa chọn, sử dụng các tác phẩm trưng bày ở các bảo tàng uy tín trong và ngoài nước cũng như các tác phẩm được giới thiệu trên các trang truyền thông chính thức của các bảo tàng đó.

Nếu điều kiện dạy học cho phép sử dụng thiết bị công nghệ, GV có thể chuẩn bị máy tính kết nối Internet, máy chiếu và khai thác tính năng của một số thiết bị khác như điện thoại, máy ảnh,... để hỗ trợ các hoạt động dạy học một cách phù hợp và hiệu quả.

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học chủ yếu: Đây là những gợi ý để GV lựa chọn, vận dụng trong tổ chức các hoạt động dạy học. Trong thực tế, tùy thuộc vào khả năng tổ chức của GV và điều kiện dạy học, GV có thể bổ sung, lựa chọn, vận dụng những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thích hợp, để bảo đảm đạt được mục tiêu bài học và yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Mỹ thuật lớp 1.

Tiến trình tổ chức hoạt động: Đây là những gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học dựa trên cấu trúc nội dung các bài học trong SGK Mỹ thuật lớp 1; GV có thể thiết kế hoạt động thay thế, phù hợp với điều kiện dạy học và khả năng tổ chức lớp học của bản thân, trên cơ sở bảo đảm được nội dung, mục tiêu và yêu cầu cần đạt của bài học.

Tiến trình tổ chức hoạt động bao gồm:

Hoạt động 1: Ổn định lớp

Tạo tâm thế cho HS sẵn sàng học tập.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Gợi mở nội dung bài học và kích thích hứng thú học tập ở HS vào bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

Bao gồm nội dung các hoạt động dựa trên các thành phần của năng lực mỹ thuật phù hợp với HS lớp 1: quan sát, nhận biết; thực hành sáng tạo và thảo luận; trưng bày sản phẩm và trao đổi, chia sẻ cảm nhận.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung *Vận dụng*

Nhằm gợi mở ý tưởng sáng tạo cho HS.

Nội dung thiết kế ở mục này ở mỗi bài học trong SGK Mỹ thuật 1 là nội dung không bắt buộc GV phải tiến hành tổ chức dạy học, không bắt buộc học HS phải thực hiện trên lớp hoặc ở nhà; tùy vào thực tiễn dạy học, GV có thể linh hoạt tổ chức.

Ví dụ:

- Có thể hướng dẫn HS tự học nếu các em có hứng thú và mong muốn thực hiện.
- Có thể tổ chức HS thực hiện vào buổi học 2 trong ngày.
- Có thể tổ chức HS thực hiện trên lớp, nếu HS đã hoàn thành nội dung các hoạt động tại mục *Những điều mới mẻ* và thời gian của tiết học trên lớp vẫn có thể thực hiện được nội dung *Vận dụng*.

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

Củng cố nội dung chính của bài học và đánh giá kết quả học tập.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

Hình thành thói quen tự học, chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến trường, vào lớp học của HS.

B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

Chủ đề 1 MÔN MĨ THUẬT CỦA EM

Bài 1. MÔN MĨ THUẬT CỦA EM

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và phát triển cho HS tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm,... thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thích cái đẹp trong thiên nhiên, trong đời sống; yêu thích các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- Có ý thức chuẩn bị đồ dùng, vật liệu phục vụ bài học và bảo quản các đồ dùng học tập của mình, của bạn, trong lớp, trong trường,...

2. Năng lực

Bài học góp phần từng bước hình thành, phát triển các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết một số đồ dùng, vật liệu cần sử dụng trong tiết học; nhận biết tên gọi một số sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- Nêu được tên một số đồ dùng, vật liệu; gọi được tên một số sản phẩm mỹ thuật trong bài học; lựa chọn được hình thức thực hành để tạo sản phẩm.
- Bước đầu biết chia sẻ về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật do bản thân, bạn bè, những người xung quanh tạo ra trong học tập và đời sống.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết tự chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự lựa chọn nội dung thực hành.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát biểu về các nội dung của bài học với GV và bạn học.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết quan sát, phát hiện vẻ đẹp ở đối tượng quan sát; biết sử dụng các đồ dùng, công cụ,... để sáng tạo sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

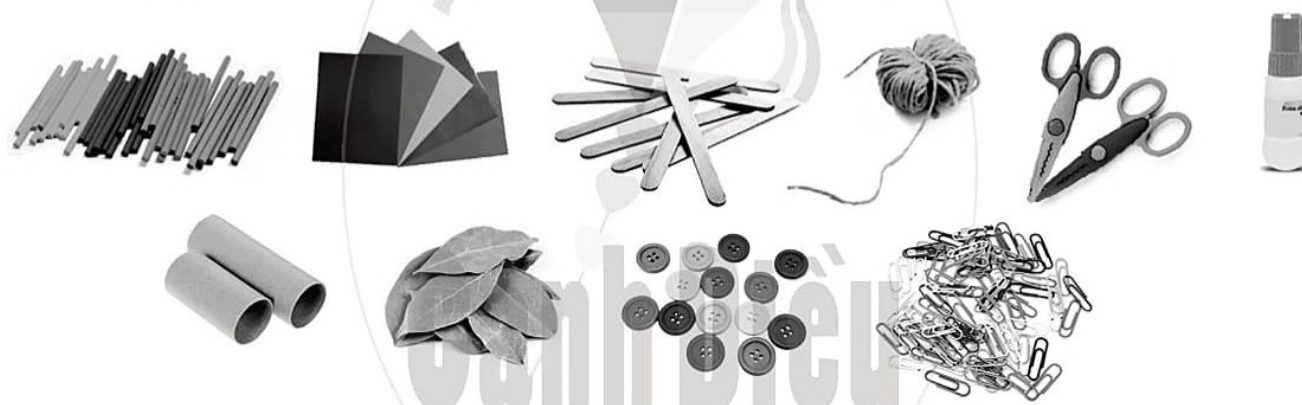
– Năng lực ngôn ngữ: Hình thành thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận theo chủ đề.

– Năng lực thể chất: Biểu hiện ở hoạt động tay trong các kĩ năng thao tác sử dụng đồ dùng như vẽ tranh, cắt hình, nặn, hoạt động vận động.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: GV và phụ huynh cùng phối hợp hướng dẫn HS tự chuẩn bị:

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.
- SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1, giấy vẽ,...
- Ảnh, bức tranh về sản phẩm thủ công (nếu có thể).



2. Giáo viên: Đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1

– SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; hình ảnh (hoặc vật thật) minh họa nội dung bài học (đồ thủ công, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, vật liệu đặc trưng vùng miền,...).

- Phương tiện, họa phẩm cần thiết cho các hoạt động: vẽ, cắt dán, ghép hình, nặn.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi,... (khuyến khích có).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Nêu và giải quyết vấn đề, gợi mở, luyện tập,...

2. Kĩ thuật dạy học: Khăn trải bàn, động não, tia chớp,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV tạo tâm thế học tập cho HS thông qua một số gợi ý sau:

- Kiểm tra sĩ số HS.
- *Gợi mở* HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.
- *Kích thích* HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Giới thiệu một số đồ dùng, sản phẩm, tác phẩm thông qua đồ dùng dạy học hoặc lựa chọn bài hát có nội dung về hoạt động tạo hình, video clip liên quan. GV chủ động sáng tạo những phương pháp mới cho riêng mình theo định hướng mục tiêu của bài.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

- Tiếp tục sử dụng các hình ảnh (hoặc video clip).
- Đặt các câu hỏi liên quan đến hình ảnh trang 3 SGK, ví dụ:

- + Đây là hoạt động gì?
- + Em đã từng làm việc này chưa?
- + Đây là màu gì? Sự khác nhau của các màu?

Cảm giác màu phù hợp theo mùa...?

- Gợi ý HS kể/gọi tên các đồ dùng và kết nối các tên với hình ảnh trong trang 4 SGK.

- Gợi ý HS kể/gọi tên và cho HS bổ sung, mở rộng các loại vật liệu dùng cho môn Mỹ thuật ở trang 5.

- Hướng dẫn HS gọi đúng tên một số sản phẩm mỹ thuật quanh em tại trang 6 SGK.

- Tổng kết lại thông tin bằng cách cho HS nêu ý kiến hoặc trả lời. GV trình chiếu hình ảnh trong trang sách (nếu sử dụng máy chiếu).



3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo

– Tổ chức cho HS trao đổi và phát biểu về các sản phẩm phần thực hành, sáng tạo tại trang 6. Mục đích chính là HS hình dung được sơ bộ cách thực hành. Không nên dạy rập khuôn, hoặc hướng dẫn quá kĩ.

– Nêu câu hỏi đồng thời giới thiệu cách tạo ra sản phẩm nếu có thể. Cần quan tâm đến kết quả phát biểu của HS.

3.2.2. Thực hành và thảo luận

Tổ chức cho HS sáng tạo theo nhóm. Ví dụ: Mỗi em nặn một phần của đồ vật và ghép lại thành sản phẩm hoàn chỉnh; cùng xé dán một bức tranh với những hình khác nhau; chọn vật liệu và ghép hình theo những thứ HS chuẩn bị được.

Lưu ý:

- Đây là bài đầu tiên nên cần tránh tình trạng đưa ra quy trình, mẫu theo kiểu hướng dẫn các bước thực hành.
- Không yêu cầu sự hoàn hảo ở sản phẩm của HS; đề cao sự đa dạng.

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

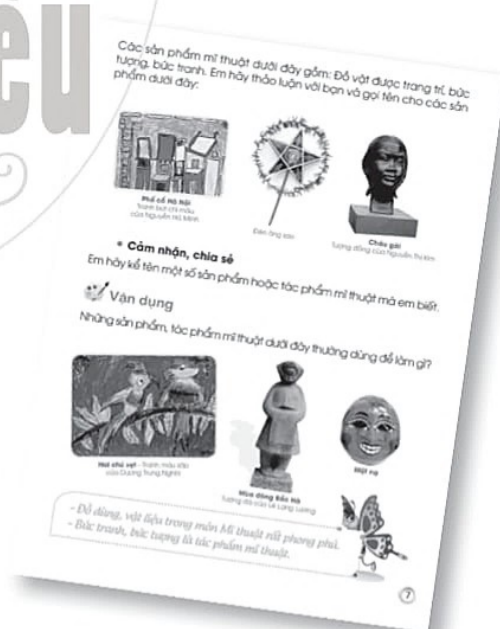
Do tính chất của bài đầu tiên chủ yếu là giới thiệu và hình thành nhận thức nên việc tổ chức cho HS thực hiện hoạt động này đóng vai trò quan trọng. GV cần lưu ý các vấn đề sau đây:

– Lựa chọn kĩ thuật dạy học phù hợp, sao cho HS có càng nhiều ý kiến nêu ra càng tốt.

– Tổ chức linh hoạt hoạt động ghép tên với ảnh sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật ở trang 7. Ví dụ: Chuẩn bị hình ảnh tương tự và bảng tên treo trên bảng và để HS chọn nối,...

– Tổ chức cho HS thảo luận là chính. Không quá đi sâu nội dung kiến thức. Tạo cơ hội cho HS được chia sẻ về sản phẩm của mình, của bạn dựa trên: kể tên vật liệu, chất liệu, hình thức tạo hình,...

– Các nội dung chính GV nên chốt và nhắc nhở.



Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

GV gợi mở HS nhận biết ứng dụng của một số sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật quen thuộc ở trang 7 SGK và có thể sưu tầm thêm. Ví dụ: Mặt nạ dùng làm gì?...

Các hướng vận dụng kiến thức nên là:

- Nêu và giải quyết vấn đề: Vận dụng hiểu biết để suy đoán vấn đề.
- Kết quả chính: Bước đầu phân biệt danh từ nghệ sĩ, nghệ nhân, sản phẩm, tác phẩm.

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

Hệ thống lại các nội dung kiến thức chính bao gồm:

- Các hoạt động trong môn Mỹ thuật.
- Những đồ dùng, vật liệu môn Mỹ thuật.
- Gợi nhắc HS tên gọi của các loại hình (tranh, tượng), tên gọi của người làm nghề mỹ thuật (họa sĩ, nhà điêu khắc, nghệ nhân chạm khắc,...).
- Ý nghĩa của môn Mỹ thuật, các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

GV nhắc HS:

- Xem trước Bài 2 SGK.
- Chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu theo yêu cầu ở mục Chuẩn bị trong Bài 2, trang 8 SGK.

Chủ đề 2

MÀU SẮC VÀ CHẤM

Bài 2. MÀU SẮC QUANH EM

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học hình thành và phát triển ở HS nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực..., thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thiên nhiên, yêu thích nét đẹp của màu sắc.
- Biết chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập, tham gia các hoạt động nhóm. Trung thực trong nhận xét, chia sẻ, thảo luận.
- Không tự tiện sử dụng màu sắc, hoạ phẩm,... của bạn.
- Biết giữ vệ sinh lớp học, ý thức bảo quản đồ dùng học tập, trân trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật của mình, của mọi người.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết và gọi tên được một số màu sắc quen thuộc; biết cách sử dụng một số loại màu thông dụng; bước đầu biết được sự phong phú của màu sắc trong thiên nhiên, trong cuộc sống và trong sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- Sử dụng màu sắc ở mức độ đơn giản. Tạo được sản phẩm với màu sắc theo ý thích.

– Phân biệt được một số loại màu vẽ và cách sử dụng. Bước đầu chia sẻ được cảm nhận về màu sắc ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật và liên hệ cuộc sống.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập, tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát biểu về các nội dung của bài học.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết quan sát, nhận ra sự khác nhau của màu sắc.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng được ngôn ngữ diễn tả về màu sắc theo cảm nhận.

– Năng lực khoa học: Biết được trong tự nhiên và cuộc sống có nhiều màu sắc khác nhau.

– Năng lực thể chất: Biểu hiện ở hoạt động tay trong các ở kĩ năng thao tác, sử dụng công cụ bằng tay như sử dụng kéo, hoạt động vận động.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: GV và phụ huynh cùng phối hợp giúp HS tự chuẩn bị:

– SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; giấy vẽ, hộp màu, giấy màu, vật liệu,...

– Các sản phẩm khác nhau có màu sắc phong phú.

2. Giáo viên

– Phương tiện, hoạ phẩm chủ yếu là màu vẽ, giấy màu và đất nặn nhiều màu.

– Minh hoạ giới thiệu cách sử dụng một số loại màu vẽ thông dụng.

– Chuẩn bị tốt các nội dung về màu sắc và ý nghĩa của nó.

– Một số bức tranh rõ màu chủ đạo, màu sắc khác nhau.



*Công viên địa chất vùng Zhangye
Danxia thuộc tỉnh Cam Túc,
Trung Quốc (nguồn Internet)*



*Dãy núi Willkanuta ở Peru –
một phần của dãy Andes
(nguồn Internet)*

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Nêu và giải quyết vấn đề, hướng dẫn thực hành, gợi mở, tích hợp.

2. Kĩ thuật dạy học: Bê cá, động não.

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV tạo tâm thế học tập cho HS thông qua một số gợi ý sau:

- Kiểm tra sĩ số HS; có thể kiểm tra bài cũ bằng các câu hỏi đơn giản.
- Gợi mở HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.
- Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

- GV có thể vận dụng một trong các hoạt động gợi ý sau:

Cách 1: Giới thiệu một số đồ dùng có màu sắc bắt mắt để tập trung sự chú ý của HS.

Cách 2: Lựa chọn một bài hát thiếu nhi về màu sắc (tích hợp).

Cách 3: Sử dụng đồ dùng trực quan dạng giấy bóng kính để pha màu như hình thức làm ảo thuật hoặc sử dụng vòng tròn màu và quay để sinh ra màu mới.

Cách 4: Sử dụng một đĩa CD hướng đến ánh sáng để tạo ra bảy sắc cầu vồng. GV để mặt đĩa CD màu trắng dưới ánh sáng, từng góc nhìn sẽ có thể thấy màu biến đổi do ánh sáng tác động. Nêu vấn đề và kết luận: Ta nhìn thấy màu sắc nhờ ánh sáng.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

- Tiếp tục sử dụng các hình ảnh (hoặc video clip) theo phương án khởi động.
- Đặt các câu hỏi liên quan đến hình ảnh trong bài học ở trang 8, 9 SGK:
 - + Quả, cây ở trang 8 có màu gì?
 - + Em có nhìn thấy quả này có màu khác không? Đây là màu gì?...
- Gợi ý cho HS nhớ lại các màu đã từng biết qua hệ thống các câu hỏi phát vấn ngắn. Ví dụ: Lá bàng có màu gì? Quả cà chua màu gì nhỉ?,... Sau đó chỉ ra sự khác nhau của thời điểm (quả chín, quả xanh,...).
- Sử dụng kỹ thuật dạy học tia chớp để giúp HS gọi tên các màu (theo vòng tròn) và cho bổ sung, mở rộng các loại màu mà các em nhớ được.
- Giúp HS gọi đúng tên các màu. Không nên giới thiệu đến màu cấp 3.
- Đặt nhiều câu hỏi để hướng HS đến nhận biết sự phong phú của màu sắc trong thiên nhiên, trong cuộc sống và trong tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật.

– Tổng hợp thông tin bằng cách cho HS nêu ý kiến hoặc trả lời với các màu chính trong bảy sắc cầu vồng. Nhận biết và gọi tên các màu trong nhóm màu cấp 2.

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo

– Tổ chức cho HS trao đổi, phát biểu về cách sử dụng (cầm bút) và bảo quản các loại màu khác nhau.

– GV giới thiệu cách sử dụng màu và minh họa, giải thích. Ví dụ:

+ Màu sáp dễ gãy nên cần vẽ nhẹ tay, có thể chồng màu nhiều lần.

+ Màu dạ cần tránh việc vẽ lên mảng màu còn ướt vì sẽ làm bẩn đầu bút.

Lưu ý: Hướng dẫn hoặc thị phạm minh họa sử dụng tô/vẽ chồng màu ở mức độ đơn giản.

3.2.2. Thực hành, sáng tạo

Tổ chức cho HS sáng tạo theo nhóm. Ví dụ:

– Lựa chọn 1: Mỗi thành viên nặn một phần của đồ vật từ một màu khác nhau và ghép lại thành sản phẩm hoàn chỉnh.

– Lựa chọn 2: Cùng xé dán một bức tranh với những hình khác nhau.

– Lựa chọn 3: Chọn vật liệu và ghép hình theo những đồ dùng, vật liệu HS chuẩn bị được.

– Lựa chọn 4: Vẽ một bức tranh đơn giản bằng màu có sẵn.

Lưu ý:

– Cần tránh tình trạng đưa ra các quy trình, các mẫu theo kiểu hướng dẫn các bước thực hành. Chỉ nên gợi ý và theo dõi, giúp đỡ HS khi cần thiết.

– Không yêu cầu sự hoàn hảo ở sản phẩm của HS, cần cao sự đa dạng.

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

Do tính chất bài học chủ yếu tập trung làm quen với màu sắc và cách sử dụng nên hoạt động này chủ yếu thiết kế cho HS chia sẻ cảm nhận về màu sắc trong sản phẩm của mình hoặc của các bạn trong lớp. GV cần lưu ý các vấn đề sau đây:

– Lựa chọn kỹ thuật dạy học phù hợp, sao cho HS có càng nhiều ý kiến nêu ra càng tốt.

– Chủ yếu đưa HS vào thảo luận cùng nhau là chính. Không quá chú trọng đến nội dung kiến thức vì màu sắc còn học lại nhiều lần.

– Các nội dung chính do GV tổng kết và nhắc nhở.

Hoạt động 4: Hướng dẫn cho HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

Các hướng vận dụng kiến thức GV có thể gợi mở HS:

- Sử dụng màu sắc để làm đẹp hơn cho cuộc sống.
- Liên hệ với màu sắc để nhận biết tín hiệu giao thông.

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

Hệ thống lại các nội dung kiến thức chính bao gồm:

- Màu sắc có ở xung quanh ta.
- Một số loại màu vẽ thông dụng.
- Những đồ dùng vẽ màu, vật liệu môn mỹ thuật có màu.
- Tên gọi một số màu sắc quen thuộc.
- Những ý nghĩa cơ bản ban đầu của màu sắc trong môn Mỹ thuật và trong cuộc sống.

Cách củng cố bài cũng nên linh hoạt vì đây là nội dung rất thú vị. GV cần tìm cách kết thúc bài học sao cho ý nghĩa và vui vẻ. Có thể sử dụng nội dung *Vận dụng* trong SGK để phát triển nội dung. Ví dụ tạo một trò chơi với đèn giao thông như gợi ý sau:

- Đèn giao thông có mấy màu?
- Theo em, màu nào thì các phương tiện được di chuyển? Màu nào các phương tiện giao thông phải dừng lại?

Lưu ý: Có thể gợi mở HS sử dụng tiếng Anh để nói tên một số màu.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

Xem trước bài 3 và chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu như yêu cầu trong SGK. GV cần có yêu cầu cụ thể phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn và điều kiện của vùng miền.

Bài 3. CHƠI VỚI CHẤM

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và phát triển đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mỹ thuật ở HS. Biểu hiện cụ thể như sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.
- Biết giữ vệ sinh lớp học như nhặt giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế,...
- Biết bảo quản sản phẩm của mình, tôn trọng sản phẩm do bạn bè và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được chấm xuất hiện trong cuộc sống và trong mỹ thuật.
- Tạo được chấm bằng một số cách khác nhau; biết vận dụng chấm để tạo nét, tạo hình theo ý thích.
- Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu học tập; tự giác tham gia học tập, biết lựa chọn cách tạo chấm để thực hành.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, chia sẻ cảm nhận trong học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, giấy màu, hoạ phẩm (hoặc mực bút máy, phẩm nhuộm,...) trong thực hành, sáng tạo.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi, thảo luận trong học tập.
- Năng lực thể chất: Biết vận động bàn tay, ngón tay trong thực hiện các thao tác tạo sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; giấy màu, hoạ phẩm, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo, bìa giấy, đất nặn, sỏi (hoặc mực bút máy, phẩm nhuộm,...).

2. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; giấy màu, kéo, bút chì; hình ảnh minh hoạ nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, luyện tập, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn,...

2. Kỹ thuật dạy học: Động não, bể cá,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV tạo tâm thế học tập cho HS thông qua một số gợi ý sau:

- Kiểm tra sĩ số và chuẩn bị bài học của HS.
- Có thể kiểm tra bài cũ về nội dung màu sắc.
- Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

- GV tham khảo một số cách dưới đây:

Cách 1: Viết một số chữ cái hoặc một số từ (ngữ), tên địa danh, tên trường, tên người,... có sử dụng dấu “chấm” hoặc thanh “nặng” trong tiếng Việt, kết hợp viết minh hoạ và giảng giải, tương tác với HS.

Lưu ý: Các ví dụ viết minh hoạ cần gần gũi, quen thuộc, gắn với địa phương và trường, lớp; nên kết nối với nội dung dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 tại thời điểm dạy học bài này.

Ví dụ: Chữ “i”; từ “hoạ sĩ”, “bài học”; môn Tự nhiên và Xã hội, môn Tiếng Việt, tên địa phương (nếu có như yêu cầu); tên riêng của người (ví dụ tên một số HS trong lớp),...

Cách 2: Sử dụng một số hình ảnh trong tự nhiên, đời sống (cây có đốm lá hình giống các chấm, pháo hoa, tuyết rơi, con chó đốm, con cánh cam, hộp đựng bút,...).

– Nêu câu hỏi, giúp HS nhận ra chấm ở hình ảnh.

Lưu ý: Những hình ảnh đưa ra cần gần gũi, quen thuộc với HS.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

* Hình ảnh trang 14 SGK Mỹ thuật 1 và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có).

– Tổ chức cho HS làm việc nhóm và yêu cầu: HS nêu kích thước, màu sắc của các chấm trong hình.

– Gọi nhắc: Chấm có kích thước, màu sắc khác nhau.

* Hình ảnh trang 15 SGK Mỹ thuật 1. GV có thể chuẩn bị thêm hình ảnh. Ví dụ: con cánh cam, pháo hoa, tuyết rơi,...

– Tổ chức cho HS thảo luận nhóm và yêu cầu các em:

+ Giới thiệu tên các hình ảnh minh hoạ.

+ Nêu hình dạng, màu sắc của các chấm ở mỗi hình ảnh.

– GV gọi mở HS quan sát lớp học để tìm chấm.

– GV giới thiệu thêm thông tin về: con sao biển, con hươu sao, trang phục váy,...

– GV giới thiệu các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, kết hợp tương tác với HS:

+ Bức tranh “Hoa hướng dương” của bạn Đình Quang: Sử dụng chấm để tạo hình bông hoa hướng dương trong tranh.

+ Bức tranh “Chiều chủ nhật trên đảo Grăn-đơ Da-to” (trích đoạn) của hoạ sĩ Sơ-rát (Georges Pierre Seurat).

• GV giới thiệu hoạ sĩ Sơ-rát (1859 – 1891): Là người Pháp, ông là người rất thích sử dụng chấm để sáng tạo các tác phẩm mỹ thuật.

• GV gọi mở, nêu câu hỏi giúp HS nhận ra chấm được hoạ sĩ sử dụng là chính để thể tán lá cây, thảm cỏ, mặt đất, trang phục (váy, mũ, áo,...), con vật,... trong bức tranh.

Lưu ý: GV có thể giới thiệu thêm một số tác phẩm khác cùng phong cách (nếu điều kiện thực tế cho phép). Ví dụ:

– Tác phẩm của hoạ sĩ Sơ-rát:



*Tháp Ép-phen
Seurat (Sơ-rát)*



*Cây thông xanh – Trô-pê
Pall Signac (Pôn Si-nhắc)*

– Tác phẩm của một số họa sĩ khác:



*Bờ sông Xen
Pillet (Pi-lét)*



*Dạ khúc
Pollock (Pôn-lốc)*



*Chân dung tự họa –
Van Gogh (Van-gốc)*

– GV gợi mở HS nhớ về những gì đã nhìn thấy và quan sát các hình ảnh, đồ vật, đồ dùng,... xung quanh có sử dụng chấm, cần kết hợp hình ảnh trực quan. Ví dụ:

- + Trong lớp: trên tường, các bảng biểu,...
- + Trên đồ dùng học tập, trang phục của mình, của bạn.
- + Đồ dùng trong gia đình: lọ hoa, bát, đĩa, khăn trải bàn,...
- + Hình ảnh thiên nhiên: Mặt Trời, Mặt Trăng, mây,...

Ví dụ:



– GV tóm tắt nội dung quan sát:

+ Trong thiên nhiên, trong cuộc sống có nhiều hình ảnh biểu hiện chấm.

+ Có thể sử dụng các chấm để tạo các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật hoặc trang trí, làm đẹp cho các đồ dùng, đồ vật theo ý thích.

– GV sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề,... để kích thích HS tham gia thực hành sáng tạo với chấm. Ví dụ: Các em có muốn tạo chấm để tạo một sản phẩm mỹ thuật theo ý thích? Làm thế nào để chúng ta tạo được các kiểu chấm này? Từ các kiểu chấm này em sẽ tạo sản phẩm mỹ thuật nào?...

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách tạo chấm và sử dụng chấm để tạo nét, tạo hình

a) Cách tạo chấm

– Tổ chức cho HS quan sát một số hình ảnh minh họa và trả lời câu hỏi trong trang 16 SGK: “Có những cách nào để tạo ra chấm?”.

– GV giới thiệu một số cách tạo chấm, kết hợp thị phạm minh họa (có thể tổ chức cho HS cùng thực hiện một số cách tạo chấm bằng vật liệu, họa phẩm sẵn có). Ví dụ:

+ Tạo chấm từ giấy: Cắt hoặc xé tạo chấm khác nhau.

+ Tạo chấm từ bút màu: Dùng bút màu chấm trên giấy tạo các chấm.

+ Tạo chấm từ ngón tay: Dùng ngón tay có màu (hoặc mực bút máy, phẩm màu,...) và ấn (chấm) ngón tay trên giấy tạo chấm (có thể dùng công cụ khác như bông tăm).

+ Tạo chấm từ đất nặn: Lấy đất nặn vê tròn hoặc ấn dẹt tạo chấm.



Tạo chấm từ giấy



Tạo chấm từ ngón tay



Tạo chấm từ bút màu

– Có thể giới thiệu thêm một số hình ảnh sản phẩm mỹ thuật có sử dụng các vật liệu, công cụ sẵn có làm chấm, như: nam châm, viên sỏi, khay áo, hạt đậu,...

– Gợi nhắc HS: có nhiều cách tạo chấm, có thể tạo chấm từ: giấy, bút màu, ngón tay có màu, đất nặn và các vật liệu, công cụ sẵn có.

b) Cách sử dụng chấm để tạo nét và hình

– Tổ chức HS quan sát và gọi mở nhận ra các chấm sắp xếp tạo nét, tạo hình ở một số hình ảnh minh họa trong SGK trang 16 và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có) bằng vật liệu, đồ dùng học tập, họa phẩm và yêu cầu HS:

+ Nhận ra cách sắp xếp chấm tạo nét xoắn ốc.

+ Nhận ra cách sắp xếp chấm tạo nét lượn sóng.

+ Nhận ra cách sắp xếp nét tạo hình tròn.

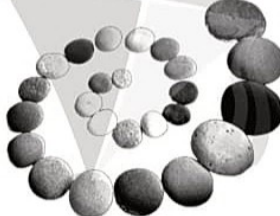
– Gọi mở rõ hơn cách tạo nét, tạo hình từ chấm. Ví dụ:

+ Nét lượn sóng, nét xoắn ốc: vẽ nét bằng bút chì/bút màu, xếp các chấm theo nét, vẽ tạo nét bằng các chấm.

+ Hình tròn: vẽ hình tròn bằng bút chì/bút màu, xếp các chấm theo nét, vẽ tạo hình tròn bằng các chấm.



Sử dụng nam châm



Sử dụng viên sỏi



Sử dụng họa phẩm

– GV có thể giới thiệu thêm cách tạo chấm bằng cách vẽ/in các vật có hình dạng khác nhau như: hình tròn, hình elip, hình vuông, chữ nhật,...

3.2.2. Thực hành, sáng tạo

Sắp xếp HS ngồi theo nhóm và giao nhiệm vụ:

– HS làm việc cá nhân: Tạo chấm và sử dụng chấm tạo sản phẩm cho riêng mình.

GV sử dụng hình minh họa trong SGK, kết hợp hình ảnh sưu tầm, nêu vấn đề và giới thiệu một số cách sử dụng chấm để tạo sản phẩm, khuyến khích HS lựa chọn cách thể hiện theo ý thích.

Ví dụ:



– HS thảo luận nhóm: Mỗi cá nhân quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi với bạn về sản phẩm của mình, của bạn. GV có thể gợi ý một số nội dung để HS trao đổi trong nhóm, khích lệ HS nêu câu hỏi với bạn. Ví dụ:

+ Bạn sẽ tạo chấm bằng cách nào?

+ Kích thước, màu sắc ở các chấm tạo được của các bạn trong nhóm giống nhau hay khác nhau?

+ Chấm của em/của bạn vừa tạo được có màu gì?...

+ Bạn thích sản phẩm của bạn nào trong nhóm? Vì sao?...

GV quan sát HS thực hành, nắm bắt thông tin HS thực hiện nhiệm vụ và thảo luận; kết hợp trao đổi, nêu vấn đề và hướng dẫn HS, hỗ trợ HS một số thao tác thực hành (nếu cần thiết). Ví dụ: sử dụng công cụ, vật liệu, chất liệu giấy,... để tạo chấm, cách sắp xếp chấm tạo nét, tạo hình,...

– GV cần vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo; khích lệ HS chia sẻ, vận dụng sản phẩm phục vụ trong học tập hoặc trong cuộc sống. Ví dụ: Sản phẩm của nhóm em có thể treo/dán trưng bày hoặc trang trí ở đâu?,...

– HS tạo sản phẩm nhóm (nếu thời gian cho phép thực hiện): GV có thể gợi mở HS một số cách tạo sản phẩm từ các chấm do mỗi cá nhân tạo ra, hoặc sử dụng vật liệu sẵn có. Ví dụ:



*Tạo hình cây bằng
viên sỏi làm chấm*



*Tạo hình bông hoa/cành hoa
bằng chấm giấy*

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm cảm nhận, chia sẻ

– GV có thể tổ chức HS trưng bày sản phẩm theo cách thức dưới đây. Ví dụ:

+ Sử dụng bảng cá nhân đặt trên giá hoặc sử dụng bảng của lớp.

+ Trưng bày theo nhóm học tập.

+ Trưng bày theo nội dung thể hiện ở sản phẩm.

– GV tổ chức HS quan sát sản phẩm, gọi mở HS trao đổi, chia sẻ. GV tham khảo một số gợi ý sau:

- + Em thích sản phẩm của bạn nào (hoặc nhóm nào)?
- + Có những màu sắc nào ở các sản phẩm?
- + Sản phẩm của em (hoặc của nhóm em) có gì khác với sản phẩm của các bạn (hoặc các nhóm khác)?
- + Trong các sản phẩm trưng bày, sản phẩm nào do em (hoặc nhóm em) tạo ra?
- + Để tạo thành sản phẩm, em đã làm như thế nào?...

– GV đánh giá kết quả, kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành, trao đổi; kết hợp gọi mở HS liên tưởng đến sáng tạo các hình ảnh khác với chấm.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục Vận dụng

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh minh hoạ trang 17 SGK ở mục này và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có).

– Nêu vấn đề, gọi mở HS nhận ra cách tạo sản phẩm với chấm.

– Nếu thời lượng cho phép, GV có thể giới thiệu cách thực hành và khuyến khích HS thực hiện ở nhà (tùy vào sở thích, hứng thú của HS).



Hoạt động 5: Tổng kết bài học

- GV tóm tắt nội dung chính của bài học (đối chiếu với yêu cầu cần đạt đã đặt ra):
- + Chấm có thể tìm thấy ở xung quanh trong cuộc sống và trong mỹ thuật.
- + Có nhiều cách để tạo ra chấm.
- + Có thể dùng chấm để tạo sản phẩm mỹ thuật theo ý thích.
- Nhận xét, đánh giá: ý thức học tập, thực hành, thảo luận,... của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

GV nhắc HS:

- Đọc và quan sát các hình ảnh minh hoạ Bài 4 trong SGK.
- Chuẩn bị các đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục Chuẩn bị của bài học.
- Sưu tầm hình ảnh (hoặc vật thật) sẵn có ở gia đình và địa phương phù hợp nội dung được học ở Bài 4.

Chủ đề 3

SỰ THÚ VỊ CỦA NÉT

Bài 4. NÉT THẲNG, NÉT CONG

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phẩm chất như chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực,... thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thích cái đẹp thông qua biểu hiện sự đa dạng của nét trong tự nhiên, cuộc sống và tác phẩm mỹ thuật.
- Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,... phục vụ học tập, tự giác tham gia hoạt động học tập.
- Không tự tiện lấy đồ dùng học tập của bạn; chia sẻ ý kiến theo đúng cảm nhận của mình.
- Biết giữ vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết nét thẳng, nét cong và sự khác nhau của chúng.
- Tạo được sản phẩm đơn giản bằng nét thẳng, nét cong.
- Bước đầu chia sẻ được nhận biết về nét thẳng, nét cong ở đối tượng thẩm mỹ và sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập, chủ động trong hoạt động học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Thông qua trao đổi, thảo luận theo chủ đề.

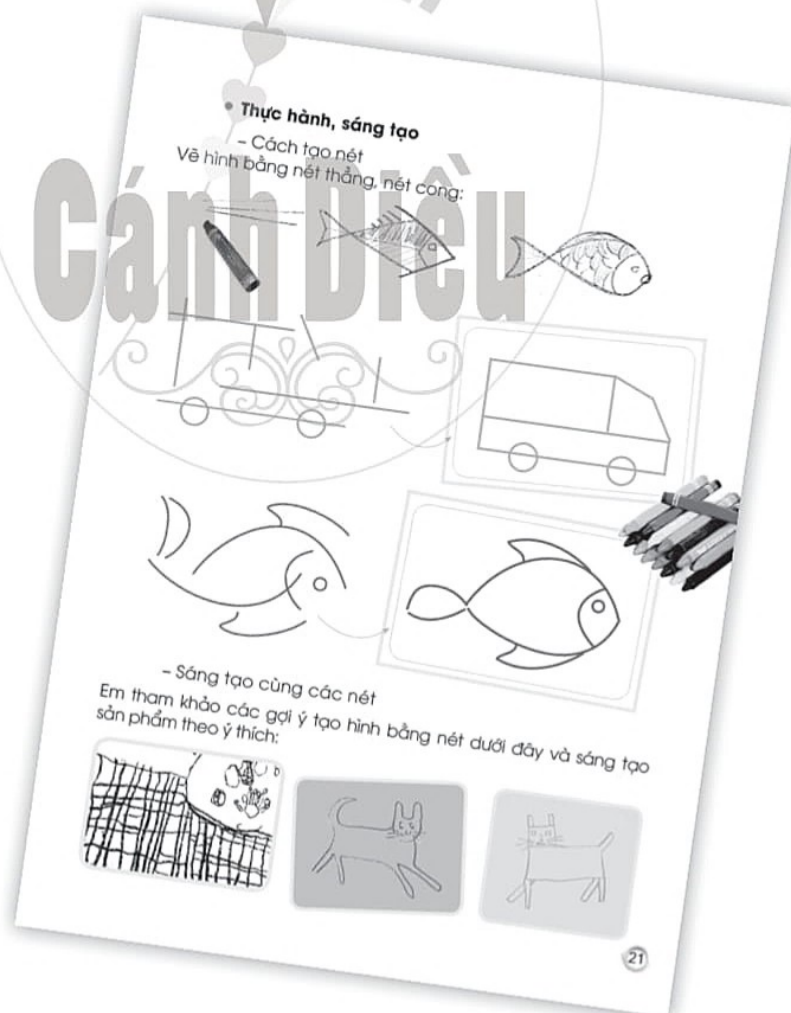
– Năng lực thể chất: Thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; đồ dùng, vật liệu như mục Chuẩn bị trang 18 SGK; màu vẽ, vật liệu dạng sợi, que tính, sợi dây,... (lưu ý yếu tố vùng miền, ví dụ: trang trí túi thổ cẩm).

2. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; Phương tiện, hoạ cụ, hoạ phẩm và vật liệu dạng que, dạng sợi, giấy màu,... Đồ dùng trực quan các dạng hình kỉ hà, hình nét cong đơn giản (lưu ý yếu tố vùng miền, ví dụ: trang trí túi thổ cẩm).

– Hình minh hoạ.



– Một số bức tranh, sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật sử dụng nét thẳng, nét cong. Lưu ý chuẩn bị tranh của danh họa Môn-đờ-ri-an, kiến trúc cầu cong, thẳng, mái vòm, toà tháp thẳng đứng,...

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Phát vấn/đặt câu hỏi, nêu và giải quyết vấn đề, trò chơi, thực hành, gợi mở,...

2. Kỹ thuật dạy học: Động não, bể cá,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV tạo tâm thế học tập cho HS thông qua gợi ý một số hoạt động sau:

- Nhắc HS ổn định trật tự.
- Kiểm tra bài cũ.
- Yêu cầu HS chuẩn bị sẵn sàng các đồ dùng, vật dụng cho bài học.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

– Giới thiệu một số đồ dùng, sản phẩm, tác phẩm thông qua đồ dùng dạy học hoặc minh họa trực tiếp trên bảng. GV gợi ý một số ví dụ triển khai khởi động, giới thiệu bài.

+ Ví dụ 1: Vẽ nét cong bằng nét thẳng.

Vẽ một nét ngắn.	Đây là nét gì?	Nét thẳng
Vẽ tiếp một nét ngắn nối vào lệch một chút.	Đây là nét gì?	Nét thẳng/hai nét thẳng
Vẽ tiếp 2, 3 nét nữa kế tiếp nhau để thành nét cong.	Bây giờ các em thấy gì?	Nét cong

+ Ví dụ 2: Gác một cây thước mỏng dài trên 2 đầu bàn và đặt một vật (ví dụ quyển sách) và quan sát hiện tượng thước kẻ nó sẽ cong ở giữa. Quyển sách nặng đã làm cong thước.

⇒ Kết luận đường thẳng, đường cong dễ dàng tạo ra được.

+ Ví dụ 3: Dùng dây nhảy trong môn Thể dục, sợi len hoặc dây thép kéo thẳng và uốn/đẽ chùng cho cong xuống.

⇒ Kết luận nét cong, thẳng tạo ra từ một thứ. Bài học ngày hôm nay sẽ tìm hiểu về nét thẳng, nét cong.

+ Ví dụ 4: •

Hình ảnh	Câu hỏi	Đáp án
Đứng nghiêm tư thế thẳng, đưa tay lên cao.	Tư thế đứng của thầy/cô thế nào?	Thẳng
Uốn cong người về trước hoặc sau.	Tư thế đứng của thầy/cô bây giờ thế nào?	Cong

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

– GV đưa ra các hình ảnh và gợi ý quan sát, ví dụ: Thầy/cô muốn tìm nét thẳng/cong, bạn nào nhìn thấy nào?...

– Đặt nhiều câu hỏi với độ khó tăng dần cho HS.

– Tổng hợp lại thông tin bằng cách cho HS nêu ý kiến hoặc trả lời với các nét được tìm thấy trong hình minh họa và đồ dùng.

– GV có thể sử dụng một số hình thức, phương pháp dạy học theo gợi ý sau:

+ *Cách 1*: Hỏi – đáp

Đặt các câu hỏi liên quan đến hình ảnh trong bài học (phần Quan sát, nhận biết) theo dạng phát vấn/hỏi đáp:

- Nét cong trong hình ở chỗ nào?
- Em có nhìn thấy những nét cong khác không?
- Ai có thể chỉ ra một vài nét thẳng?
- Xung quanh em có nét thẳng không?

+ *Cách 2*: Trò chơi tìm nét phù hợp để vẽ

GV sẽ đưa ra một đối tượng và yêu cầu HS trả lời như sau:

Hình ảnh	Nét dùng để vẽ	Hình ảnh minh họa
Ngôi nhà	Nét thẳng	
Ngọn núi	Nét cong	
Cây cầu treo	Thẳng và cong	
Ngôi chùa	Thẳng và cong	

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo

– Tổ chức HS trao đổi và phát biểu về cách vẽ các hình bằng nét thẳng, nét cong đơn giản.

– Hướng dẫn HS cách cầm bút, cách vẽ sao cho có thể vẽ được đường thẳng không dùng thước kẻ; cách vẽ nhiều nét phác để có một đường như ý muốn.

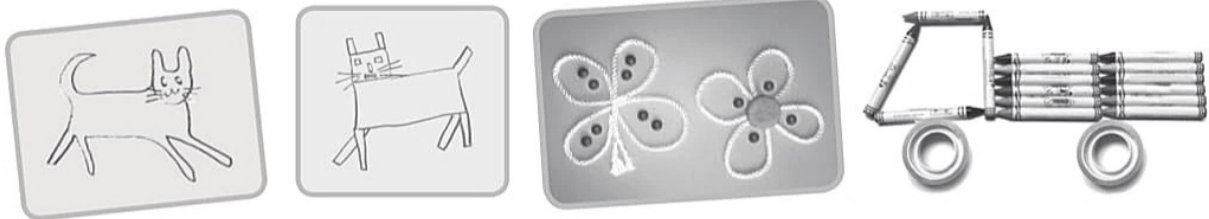
– Gọi mở HS tạo hình sản phẩm với que thẳng. GV cần chuẩn bị trước các đồ dùng vật liệu sẵn có (que tính, thước kẻ, que diêm,...).

3.2.2. Thực hành, sáng tạo

– Tổ chức cho HS sáng tạo theo nhóm. GV có thể lựa chọn cách tổ chức theo ý tưởng riêng, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu đặt ra. Các cách lựa chọn có thể là:



- + Tập vẽ các nét thẳng, nét cong đều nhau.
- + Sáng tạo các hình ảnh bằng nét thẳng, nét cong. GV hướng dẫn dùng một loại nét trước, không phối hợp nét.
- Hướng dẫn HS tìm ý tưởng mới thông qua tổ chức các trò chơi.



Lưu ý: – Không nên đưa ra các quy trình, các mẫu theo kiểu hướng dẫn các bước thực hành.

- Trong lớp cần có sự đa dạng hoạt động.
- Có thể tạo hình với một loại nét thẳng, nét cong hoặc kết hợp cả hai kiểu nét.

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

Để tổ chức cho HS thực hiện hoạt động này, GV cần lưu ý các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn kĩ thuật dạy học phù hợp, để HS nêu càng nhiều ý kiến càng tốt.
- Tập trung gợi mở HS chia sẻ cảm nhận của mình về sản phẩm của bản thân, của bạn trong nhóm/lớp. Liên hệ sự hiện hữu của nét thẳng, nét cong trong cuộc sống xung quanh.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

- GV gợi mở HS có thể tạo nét thẳng, nét cong với vật liệu, đồ dùng sẵn có (que kem, que tính, sợi dây,...)
- Nếu thời gian cho phép, GV có thể thị phạm minh họa, tổ chức HS làm trên lớp hoặc tự học ở nhà (nếu HS thích, mong muốn thực hiện).

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

Tóm tắt nội dung chính:

- Nét có dạng nét thẳng, nét cong trong tự nhiên, cuộc sống và tác phẩm mỹ thuật.
- Có thể tìm thấy nét thẳng, nét cong ở xung quanh.
- Có thể sử dụng một loại nét để vẽ, tạo hình theo ý thích. Ví dụ dùng bút sáp màu dạng nét thẳng để xếp chữ.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

Xem trước nội dung Bài 5 và chuẩn bị các đồ dùng như trong mục Chuẩn bị của SGK. GV cần có yêu cầu cụ thể phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn và điều kiện của vùng miền.

Bài 5. NÉT GẤP KHÚC, NÉT XOẮN ỐC

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng cho HS các phẩm chất như: chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mỹ thuật,... thông qua một số biểu hiện và hoạt động chủ yếu sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,... phục vụ học tập.
- Biết thu gom giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế,...
- Có ý thức bảo quản sản phẩm mỹ thuật của mình, của bạn; tôn trọng sản phẩm của bạn bè và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được nét gấp khúc, nét xoắn ốc.
- Tạo được nét gấp khúc, nét xoắn ốc; biết vận dụng các nét đó để tạo sản phẩm theo ý thích.

- Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để thực hành, sáng tạo; tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét sản phẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, giấy màu, hoạ phẩm để tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.
- Năng lực thể chất: Vận dụng sự khéo léo của bàn tay để thực hiện các thao tác như: cuộn, uốn, gấp,...

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

- 1. Học sinh:** SGK Mỹ thuật 1, Vở thực hành Mỹ thuật 1; giấy màu, màu vẽ, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo, bìa giấy,...

2. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; giấy màu, kéo, bút chì; hình ảnh trực quan; Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, vấn đáp, gợi mở, trò chơi, thực hành, thảo luận,...

2. Kỹ thuật dạy học: Động não, bể cá, đặt câu hỏi,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau để tạo tâm thế học tập cho HS:

- GV kiểm tra sĩ số và chuẩn bị bài học của HS.
- Kiểm tra sự hiểu biết của HS về nét thẳng, nét cong.
- GV kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV tham khảo các cách dưới đây:

– *Cách 1:* GV nêu vấn đề, liên hệ với cách viết một số chữ cái: A, Ô,...; các dấu thanh trong tiếng Việt, kết hợp thị phạm minh họa và tạo sự tương tác với HS.

– *Cách 2:* GV liên hệ nội dung Bài 4, tổ chức trò chơi “Tiếp sức”.

+ **Nhiệm vụ:** Mỗi HS trong nhóm vẽ kiểu nét gấp khúc, nét xoắn ốc đã biết hoặc theo ý thích, trí tưởng tượng bằng công cụ, họa phẩm sẵn có. GV lưu ý HS không nên vẽ nét giống nhau.

+ **Yêu cầu kết quả:** Sản phẩm của mỗi nhóm bao gồm các nét gấp khúc, nét xoắn ốc khác nhau.

+ **Đánh giá:** Mức độ tham gia của cá nhân, tốc độ làm việc, hiệu quả sản phẩm,...

Hoạt động 3: Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

3.1.1. Tìm hiểu kiểu nét gấp khúc, nét xoắn ốc

– Tổ chức HS theo nhóm học tập, yêu cầu:

+ Quan sát trang 23 SGK Mĩ thuật 1 và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có).

+ Thảo luận, nêu đặc điểm của mỗi kiểu nét.

– Gọi mở HS nhận ra sự khác nhau của hai kiểu nét này (Có thể kết hợp hướng dẫn HS dùng tay vẽ trên không hai kiểu nét này).

3.1.2. Quan sát, nhận biết nét gấp khúc, nét xoắn ốc

– HS làm việc nhóm, yêu cầu:

+ Quan sát hình minh hoạ trang 24, 25 SGK và hình ảnh, sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật do GV, HS chuẩn bị (nếu có).

+ Gọi mở HS nêu biểu hiện của nét gấp khúc, xoắn ốc ở các hình ảnh trực quan.

– Gọi mở HS tìm hiểu tác phẩm: “Cây đời” của hoạ sĩ Cờ-lim, chất liệu sơn dầu.

+ Nêu câu hỏi, giúp HS nhận ra nét xoắn ốc được hoạ sĩ sử dụng chủ yếu trong bức tranh.

+ Giới thiệu tác giả: Hoạ sĩ Cờ-lim (Gustav Klim) (1862 – 1918), là người Áo. Ông là người rất thích sử dụng nét xoắn ốc để sáng tạo các tác phẩm mỹ thuật.

– Có thể giới thiệu thêm một số sản phẩm, tác phẩm khác, ví dụ:

+ Một số tác phẩm của hoạ sĩ Cờ-lim:



Cây sự sống

Cây mùa thu

(Nguồn: <https://artsandculture.google.com>)

+ Một số sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật khác. Ví dụ:



*Tranh của hoạ sĩ
Ma-tit-xơ*



*Tranh của hoạ sĩ
Ma-tit-xơ*



Thổ cẩm

(Nguồn: Internet)

– Có thể gợi mở HS tìm các kiểu nét này ở xung quanh: trong lớp, trong trường, nơi công cộng,...

– Tóm tắt: nét gấp khúc, nét xoắn ốc có thể tìm thấy trong tự nhiên, trong đời sống và ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách tạo nét gấp khúc, nét xoắn ốc

– Tổ chức HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Quan sát hình minh họa trang 26 SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có).

+ Nêu thứ tự các bước thực hành tạo nét gấp khúc, nét xoắn ốc từ giấy.

– GV tổng hợp, thị phạm hướng dẫn và giảng giải các thao tác, kết hợp tương tác với HS. Ví dụ:

+ Chọn giấy màu để tạo màu cho nét.

+ Thực hiện các thao tác: vẽ/kẻ, xé, cuộn, dán, uốn,... để tạo nét gấp khúc, xoắn ốc.

3.2.2. Thực hành và thảo luận

a) Tổ chức cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm

– Giao nhiệm vụ cho HS:

+ Mỗi cá nhân tạo nét gấp khúc, nét xoắn ốc cho riêng mình.

+ Mỗi thành viên quan sát các bạn trong nhóm và cùng trao đổi trong thực hành. Ví dụ: màu sắc, kích thước của các nét, cách tạo nét, cách sử dụng hồ dán, kéo,...; chia sẻ cảm nhận, bày tỏ cảm xúc,... về sản phẩm đang làm của mình, của bạn.

– Quan sát HS thực hành và giải quyết tình huống. Ví dụ:

+ Hướng dẫn HS cách gấp, xé, cuộn, cắt, dán,... giấy; cách sử dụng kéo an toàn và bảo đảm vệ sinh cho trang phục, bàn ghế, lớp học.

+ Khích lệ HS quan sát, học hỏi kinh nghiệm và trao đổi, nhận xét, nêu câu hỏi,... trong thực hành. Ví dụ: Kích thước, màu sắc các nét của các bạn trong nhóm giống nhau hay khác nhau? Em vừa tạo được những nét gì?...

– GV cần nắm được mức độ tham gia thảo luận, trao đổi của mỗi nhóm, mỗi cá nhân,... và thực hiện các thao tác, kỹ năng sử dụng công cụ, họa phẩm,... để có thể khuyến khích, động viên, hướng dẫn HS hoặc điều chỉnh hoạt động phù hợp.

b) Tổ chức cho HS làm việc nhóm và thảo luận

– Giao nhiệm vụ: Tạo sản phẩm nhóm từ các sản phẩm của mỗi cá nhân.

– Có thể gợi mở HS một số cách tạo sản phẩm nhóm; kích thích nhóm HS chia sẻ sự lựa chọn cách sắp xếp tạo sản phẩm của nhóm. Ví dụ:

+ Sắp xếp các nét gấp khúc:

Cách 1: Dán nét gấp khúc tạo thành bức tranh.

Cách 2: Dán nổi nét gấp khúc tạo thành dây xúc xích.

+ Sắp xếp các nét xoắn ốc:

Cách 1: Kết hợp các nét xoắn ốc tạo “cây xanh”, “giỏ hoa”,...

Cách 2: Dán nét xoắn ốc trên giấy tạo bức tranh,...

Ví dụ:



+ Sắp xếp các nét gấp khúc và nét xoắn ốc:

Cách 1: Dán các nét trên giấy tạo bức tranh.

Cách 2: Dùng kẹp hoặc băng dính dán/kẹp nét trên sợi dây, dán trên mặt phẳng đứng (tường, giấy, bảng, bìa,...) tạo “rèm cửa”.

Ví dụ:



– Gọi mở các nhóm HS trao đổi vận dụng sản phẩm. Ví dụ: vị trí treo, dán, trưng bày,... sản phẩm ở đâu?

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

– GV có thể tham khảo sử dụng các thiết bị sẵn có để trưng bày như sau:

+ Sử dụng bục đặt mẫu để trưng bày sản phẩm 3D: giỏ hoa, giỏ cây,...

+ Sử dụng dây hoặc băng (cá nhân, bảng nhóm, bảng của lớp) để trưng bày tranh dán nét, dây xúc xích,...

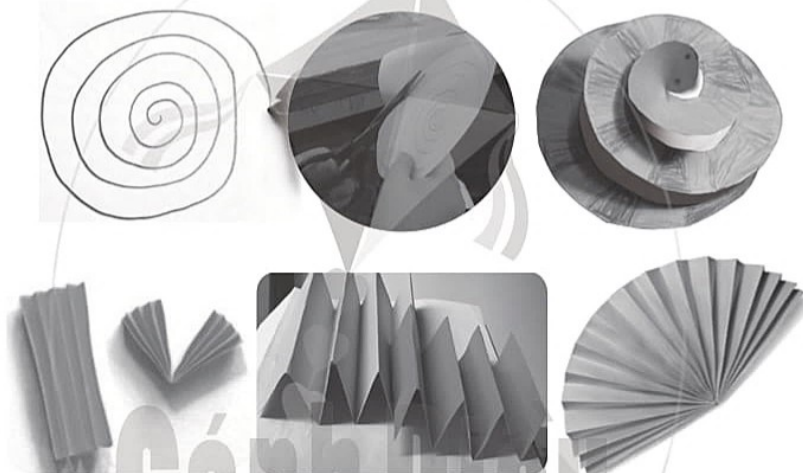
– Hướng dẫn HS quan sát sản phẩm, gọi mở HS nội dung trao đổi, chia sẻ cảm nhận về quá trình học tập, thực hành, thảo luận. Ví dụ:

+ Em thích sản phẩm của bạn nào/nhóm nào?

- + Có những màu sắc nào ở các sản phẩm?
- + Trong các sản phẩm trưng bày, nét nào do em tạo ra?
- + Em và các bạn tạo sản phẩm của nhóm như thế nào?...
- Đánh giá kết quả:
- + GV kích thích HS tự đánh giá và liên hệ vận dụng.
- + Gọi mở HS liên tưởng sáng tạo các sản phẩm khác với hai kiểu nét đã học.
- + Nhận xét mức độ thực hiện nhiệm vụ của các nhóm.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

Yêu cầu HS quan sát hình minh hoạ trang 27 SGK, gọi mở HS nhận ra cách tạo con rắn, làm cái quạt bằng giấy từ các kiểu nét này.



- GV có thể giới thiệu thêm hình ảnh sản phẩm được tạo nên từ hai kiểu nét đã học.

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

- Tóm tắt nội dung chính của bài học, kích thích HS ý tưởng sáng tạo.
- Đánh giá sự chuẩn bị và quá trình học tập của HS, liên hệ bồi dưỡng, phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm,... cho HS.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

Yêu cầu HS:

- Đọc nội dung Bài 6 SGK.
- Chuẩn bị các đồ dùng, công cụ theo yêu cầu ở mục Chuẩn bị của Bài 6. Yêu cầu HS tìm hiểu thêm hình dạng, đặc điểm một số con vật quen thuộc trong gia đình, ở địa phương.

Chủ đề 4

SÁNG TẠO VỚI CHẤM, NÉT, MÀU SẮC

Bài 6. BÀN TAY KÌ DIỆU

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mỹ thuật ở HS. Cụ thể biểu hiện ở một số hoạt động chủ yếu sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.
- Biết giữ vệ sinh lớp học như nhặt giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế,...
- Biết tôn trọng sản phẩm mỹ thuật do mình, bạn bè và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được hình dáng, đặc điểm của bàn tay.
- Biết vận dụng các thể dáng khác nhau của bàn tay để tạo sản phẩm theo ý thích; bước đầu biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm, như làm đồ chơi, đồ trang trí.
- Biết trưng bày, giới thiệu, nhận xét và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự giác chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động tạo thể dáng bàn tay để thực hành.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi, thảo luận với bạn, với thầy/cô trong học tập.
- Năng lực thể chất: Thông qua sự vận động của bàn tay để tạo thể dáng và thực hành tạo sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; các vật liệu, công cụ,... như mục Chuẩn bị ở SGK và sưu tầm đồ dùng, vật liệu sẵn có ở địa phương theo hướng dẫn của GV.

2. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; giấy màu, kéo, bút chì; hình ảnh minh họa nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi.

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, trò chơi, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, động não, bể cá,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua:

- Kiểm tra sĩ số và sự chuẩn bị đồ dùng vật liệu của HS.
- Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo các cách dưới đây:

Cách 1: Tổ chức HS nghe nhạc: Bài hát “Múa cho mẹ xem” (nhạc và lời Xuân Giao), yêu cầu HS vỗ tay theo nhịp nhạc. Kết thúc bản nhạc, GV đặt câu hỏi: Khi múa, em nhỏ đã tưởng tượng ra những con vật gì, động tác tay diễn tả ra sao?,... Dựa vào các câu trả lời của HS, GV có thể nêu rõ hơn tên các con vật có trong lời bài hát và liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

Cách 2: Tổ chức trò chơi “Con vật quen thuộc”.

– Nội dung: Nhìn động tác hoặc nghe tiếng kêu/âm thanh và đoán tên con vật.

– Hình thức: Làm việc nhóm với các nhiệm vụ:

+ Mỗi nhóm thảo luận lựa chọn một con vật và cử đại diện lên biểu đạt.

+ Quan sát các nhóm khác biểu đạt và đoán tên con vật.

– Cách chơi:

+ Lần lượt từng đại diện của mỗi nhóm lên thực hiện biểu đạt động tác hoặc âm thanh/tiếng kêu của một con vật quen thuộc. (GV có thể minh họa ví dụ hoặc cho HS làm thử).

+ Các nhóm khác quan sát, thảo luận và nêu tên con vật.

– Đánh giá kết quả: Nhóm nào có số lần đoán đúng tên con vật do các nhóm khác biểu đạt là tích lũy vào thành tích học tập của nhóm. GV có thể cho lớp bình chọn nhóm có sự biểu đạt ấn tượng nhất để động viên, khích lệ HS.

Từ kết quả trò chơi, GV liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

Cách 3: Sử dụng tình huống có vấn đề, gợi mở HS nêu:

– Đặc điểm bàn tay của mình, của mọi người.

– Kể một số công việc hằng ngày cần thực hiện bằng bàn tay.

GV giới thiệu rõ hơn đặc điểm cấu trúc, sự vận động của bàn tay và những công việc mà bàn tay có thể thực hiện trong sinh hoạt hằng ngày, từ đó liên hệ vào bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

– Tổ chức HS quan sát hình ảnh minh họa mục Quan sát, nhận biết ở trang 28, 29 SGK.

GV có thể tổ chức HS làm việc toàn lớp học theo nhóm học tập. Yêu cầu:

+ Nêu được tên con vật.

+ Mô tả và thực hiện cách tạo hình bàn tay để biểu đạt con vật (hình dạng hoặc một phần của con vật).

– Mời một số HS lên minh họa trước lớp, giới thiệu con vật (có thể theo tưởng tượng); gợi mở, hướng dẫn HS tạo hình bàn tay ở các thế dáng khác nhau như: nằm ngang, thẳng đứng, nghiêng,...; có thể kết hợp hướng dẫn HS dùng tay xoay trên không hoặc đặt trên bàn...

- Gọi nhắc: Sự khác nhau của bàn tay khi tạo dáng để tạo hình con vật.

Lưu ý: GV có thể sử dụng đèn pin để tạo bóng của bàn tay.

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành

– GV tổ chức HS quan sát hình minh họa nội dung “Cách tạo hình từ bàn tay” ở trang 29, 30 SGK và hình minh họa do GV chuẩn bị (nếu có).

– Sử dụng hệ thống câu hỏi, nêu vấn đề giúp HS nhận ra thứ tự các bước tạo hình một số con vật từ bàn tay.

– GV thị phạm minh họa, giảng giải và phân tích các thao tác, kết hợp tương tác với HS. Ví dụ:

+ Tạo hình con ốc sên:

Bước 1: Tạo thế dáng bàn tay: Nắm nhẹ bàn tay và đặt trên trang giấy.

Bước 2: Dùng bút chì (hoặc bút màu) vẽ nét hình bàn tay trên giấy.

Bước 3: Nâng bàn tay khỏi giấy và vẽ thêm nét xoắn ốc làm rõ hình con ốc sên.

Bước 4: Vẽ màu theo ý thích cho hình con ốc sên và cắt khỏi trang giấy. Sản phẩm đã hoàn thành.

+ Tạo hình con cá, con hươu cao cổ: GV có thể tiếp tục thị phạm hoặc mô tả, gọi mở HS các bước minh họa trong SGK.

– GV cần hướng dẫn, gọi mở HS có thể thực hiện trước hoặc sau với các bước và các thao tác: vẽ, in, cắt, trang trí,...

– GV nên chuẩn bị hình ảnh minh họa và hướng dẫn HS:

+ Lựa chọn vị trí tạo hình dáng con vật phù hợp với khổ giấy/vở bài tập.

+ Có thể vẽ hoặc tạo thêm chi tiết, hình ảnh như Mặt Trời, mây, sóng nước, cây,... ở xung quanh con vật, tạo chủ đề bức tranh theo ý thích.

+ Có thể kết tạo hợp nhiều hình bàn tay trên khổ giấy, tạo bức tranh bàn tay của riêng mình.

– Gọi nhắc: Có nhiều cách tạo con vật từ các thế dáng bàn tay của mình.

3.2.2. Thực hành và thảo luận

– GV nêu câu hỏi giúp HS nhận ra thế dáng bàn tay để tạo nên một số hình ảnh con vật ở trang 31 SGK. Gọi mở HS lựa chọn cách tạo thế dáng bàn tay của mình để tạo con vật yêu thích.

– GV sắp xếp HS ngồi theo nhóm. Giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc cá nhân:

- Tạo hình thể dáng bàn tay của mình.

- Vận dụng các bước thực hành để tạo con vật yêu thích bằng cách chấm, nét, màu sắc.

+ HS thảo luận nhóm: Mỗi cá nhân quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi với bạn về sản phẩm của mình, của bạn. GV có thể gợi ý một số nội dung trao đổi cho các nhóm hoặc ở mỗi nhóm/mỗi cá nhân, khích lệ HS nêu câu hỏi với bạn. Ví dụ:

- + Tên con vật, tên các màu sắc em sử dụng?

- + Có những kiểu nét nào được sử dụng để vẽ, trang trí,...?

- + Bạn thích hay không thích hình con vật nào? Vì sao?

– GV quan sát HS thực hành, nắm bắt thông tin HS thực hiện nhiệm vụ và thảo luận; kết hợp trao đổi, nêu vấn đề và hướng dẫn, hỗ trợ HS một số thao tác (nếu cần thiết) và gợi mở HS thực hành, ví dụ:

- + Tạo hình đối xứng.

- + Tạo thêm chi tiết cho bức tranh.

– GV có thể sử dụng tình huống có vấn đề, thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo; khích lệ HS chia sẻ vận dụng sản phẩm phục vụ học tập hoặc cuộc sống. Ví dụ: Sản phẩm có thể treo/dán trưng bày hoặc trang trí ở đâu?

Ngoài ra, GV có thể giới thiệu, gợi mở HS một số cách tạo sản phẩm nhóm nếu thời gian cho phép. Ví dụ tham khảo:



3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

– GV có thể tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm theo những cách sau:

+ Sử dụng bảng cá nhân trưng bày tại góc học tập của nhóm.

+ Sử dụng bảng của lớp trưng bày sản phẩm toàn lớp.

+ Trưng bày theo nội dung thể hiện: con vật sống dưới nước, con vật sống trên cạn,...

– GV hướng dẫn HS quan sát các sản phẩm (toàn bộ hoặc theo nhóm/bộ phận trưng bày), gợi mở HS chia sẻ cảm nhận. Ví dụ:

+ Em thích hình ảnh con vật nào nhất. Vì sao?

+ Các sản phẩm của nhóm/cả lớp có những hình ảnh con vật nào?

+ Em đã làm thế nào để tạo sản phẩm của mình?

+ Hình con vật nào có nhiều nét vẽ hoặc chấm?

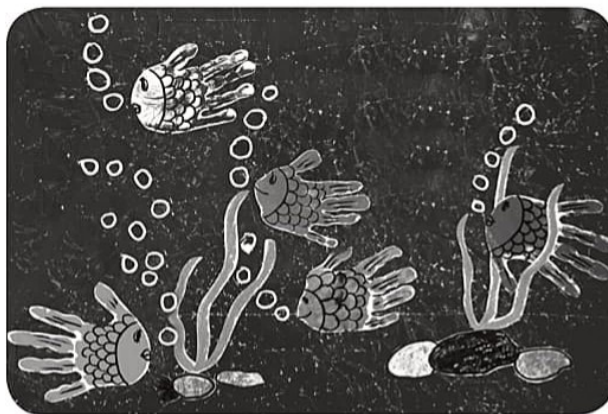
+ Sản phẩm của nhóm em được tạo như thế nào?

– GV có thể tổ chức lớp “bình chọn” hình ảnh con vật “ấn tượng” nhất và động viên, khích lệ HS.

– GV nhận xét kết quả, đánh giá ý thức thực hành, thảo luận của HS; kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành tạo sản phẩm. Có thể liên hệ với nội dung môn Tự nhiên và Xã hội để gợi mở, giới thiệu một số động vật sống dưới nước, sống trên cạn và vai trò của chúng; kết hợp bồi dưỡng phẩm chất, ý thức chăm sóc, bảo vệ động vật,... ở HS.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS, tìm hiểu nội dung Vận dụng

– Tổ chức cho HS quan sát một số hình ảnh minh họa mục *Vận dụng* trang 32 SGK, có thể kết hợp hình ảnh sưu tầm và gợi mở HS nhận ra một số cách tạo nên bức tranh con vật từ hình bàn tay và vật liệu, chất liệu khác.



– Nếu thời lượng cho phép, GV có thể giới thiệu cách làm và khuyến khích HS làm ở nhà (nếu HS có hứng thú).

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

– GV tóm tắt nội dung chính (đối chiếu với mục tiêu bài học):

- + Có nhiều con vật khác nhau, mỗi con vật có hình dáng và đặc điểm riêng.
- + Có thể sử dụng bàn tay để tạo hình ảnh các con vật khác nhau theo ý thích.
- + Có thể sử dụng nét, chấm, màu sắc và các thao tác in, vẽ, cắt,... để tạo sản phẩm chủ đề con vật.

– Nhận xét, đánh giá: Ý thức học tập, thực hành, thảo luận,... của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

– GV nhắc HS:

- + Xem nội dung Bài 7 và yêu cầu chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu học tập theo hướng dẫn ở mục Chuẩn bị trong SGK.
- + Sưu tầm, chuẩn bị vật liệu sẵn có ở địa phương.

Bài 7. TRANG TRÍ BẰNG CHẤM VÀ NÉT

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mỹ thuật ở HS,... thông qua một số biểu hiện và hoạt động cụ thể sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, vật liệu học tập.
- Biết nhặt giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế,...
- Biết bảo quản sản phẩm của mình, tôn trọng sản phẩm mỹ thuật do mình, do bạn bè và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được một số hình thức trang trí bằng chấm và nét ở đối tượng.
- Tạo được hình sản phẩm và sử dụng chấm, nét để trang trí theo ý thích; bước đầu biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm như làm đồ chơi, đồ dùng.
- Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự lựa chọn vật liệu, công cụ, hoạ phẩm,... để tạo hình và trang trí.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận với bạn và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, giấy màu, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Thông qua trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mỹ thuật 1, Vở thực hành Mỹ thuật 1; các vật liệu, công cụ,... như nội dung Chuẩn bị ở SGK và sưu tầm đồ dùng, vật liệu sẵn có ở địa phương theo GV đã hướng dẫn.

2. Giáo viên: SGK Mỹ thuật 1, Vở thực hành Mỹ thuật 1; giấy màu, kéo, bút chì; hình ảnh minh hoạ liên quan nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi.

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, trò chơi, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, bể cá, động não,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua một số gợi ý sau:

- GV kiểm tra sĩ số và sự chuẩn bị bài học của HS.
- Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

- GV nêu vấn đề, gợi mở nội dung bài học dựa trên một số cách dưới đây:

Cách 1: Chia HS thành hai đội, GV cung cấp một phần (1/4, 1/2) các hình ảnh được vẽ trang trí kết hợp giữa nét và chấm; yêu cầu HS đoán đó là hình ảnh gì. GV cung cấp toàn bộ hình ảnh, kết hợp gợi mở và giới thiệu nội dung bài học.

Cách 2: Giới thiệu hình ảnh một số đồ vật (hoặc vật thật), bao gồm hai loại: hình ảnh/vật thật chưa trang trí và hình ảnh vật thật đã được trang trí. Nêu vấn đề, gợi mở HS chia sẻ cảm nhận (đẹp, thích/không thích) với đặc điểm từng loại trên.

Hoạt động 3: Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

– Tổ chức học HS quan sát hình ảnh trang 33, 34 SGK (Quan sát, nhận biết) và hình ảnh đồ vật hoặc vật thật do GV, HS chuẩn bị. Yêu cầu:

- + Nêu tên một số đồ vật sẵn có chưa được trang trí.
- + Nêu tên một số sản phẩm, đồ vật đã được trang trí.
- + Giới thiệu các màu sắc, chấm, nét được trang trí ở sản phẩm/đồ vật.

– Gợi mở HS nhớ về những gì đã nhìn hoặc quan sát thấy các hình ảnh, đồ vật, đồ dùng,... ở xung quanh có sử dụng hình thức trang trí kết hợp chấm với nét. Ví dụ:

- + Trong lớp: trên tường, các bảng/giấy khen, đồng hồ,...
- + Trên đồ dùng học tập, trang phục,...
- + Đồ dùng trong gia đình: lọ hoa, bát, đĩa, khăn trải bàn, thảm,...

– Gợi nhắc: Trong cuộc sống có nhiều đồ vật được trang trí bằng chấm, nét, màu sắc.

- Các đồ vật khi được trang trí sẽ đẹp hơn.
- Gợi mở HS chia sẻ lựa chọn vật liệu cụ thể để trang trí.

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách tạo hình sáng tạo trang trí bằng chấm và nét

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ: Quan sát hình minh hoạ trong SGK (hoặc trên màn hình máy chiếu nếu có).

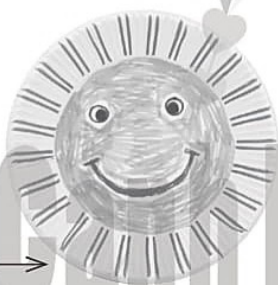
– Sử dụng câu hỏi gợi mở để HS nêu được cách thực hành tạo hình đồ vật/con vật và trang trí bằng chấm và nét.

– GV giới thiệu và thị phạm minh hoạ, kết hợp giảng giải, tương tác với HS về cách thực hiện:

+ Tạo hình và trang trí từ vật liệu sẵn có. Ví dụ: hình ảnh con cá, cái ô ở trang 34, 35 SGK.

- Lựa chọn vật liệu để tạo hình.
 - Tạo hình đồ vật/con vật dựa trên vật liệu đã có.
 - Trang trí cho hình vừa tạo được bằng chấm và nét.
- + Trang trí trên vật liệu sẵn có, ví dụ:

Vẽ/dán thêm chi tiết từ vật liệu sẵn có hình tròn.



Vẽ/dán thêm chi tiết từ vật liệu dạng khối trụ.



3.2.2. Thực hành, sáng tạo và thảo luận

– GV sắp xếp cho HS ngồi theo nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Làm việc cá nhân: Lựa chọn vật liệu, đồ vật,... để trang trí; chọn kiểu trang trí:

- Sử dụng kích thước chấm giống nhau hoặc khác nhau.
- Sử dụng các nét khác nhau.
- Kết hợp sử dụng chấm và nét.

+ Làm việc nhóm: Mỗi thành viên quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi, góp ý, nhận xét với bạn về tiến trình thực hành và sản phẩm. Có thể đặt câu hỏi, nêu ý kiến,... với bạn, với thầy/cô,... Ví dụ một số nội dung có thể cùng trao đổi:

- Kích thước, màu sắc của các chấm, nét ở các sản phẩm của các bạn trong nhóm.

- Cách sáng tạo chấm, nét của bạn như thế nào?
- Bạn thích/chưa thích sản phẩm nào? vì sao?
- Có những loại nét, kiểu chấm nào ở các sản phẩm trong nhóm?

– GV quan sát HS thực hành, nắm bắt thông tin HS thực hiện nhiệm vụ và thảo luận; kết hợp trao đổi, nêu vấn đề và hướng dẫn, hỗ trợ HS một số thao tác thực hành (nếu cần thiết) và gợi mở HS thực hành. Ví dụ:

- + Có thể sử dụng đất nặn để tạo chấm và trang trí.
- + Có thể cắt, xé giấy tạo chấm để tạo chấm, nét và trang trí.
- + Có thể vẽ nét, chấm trang trí màu trực tiếp trên vật liệu.

– GV gợi mở HS tạo bức tranh từ các hình vừa tạo được và trang trí (có thể tổ chức tạo sản phẩm nhóm học tập, nếu thời gian cho phép). Ví dụ:

- + Dán các sản phẩm (con vật) thành bức tranh có chủ đề đại dương.
- + Dán các sản phẩm (con vật) thành bức tranh có chủ đề khu vườn.



GV có thể sử dụng tình huống có vấn đề, thử thách, gợi ý HS thể hiện ý tưởng; khích lệ HS chia sẻ cách vận dụng sản phẩm vào cuộc sống, như làm đồ chơi hay đồ dùng học tập,...

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

– Tùy vào không gian lớp học, GV có thể tham khảo một số cách trưng bày sản phẩm sau:

- + Sử dụng bảng để dán, trưng bày sản phẩm hình thức 2D.
- + Sử dụng bục đặt mẫu để trưng bày sản phẩm hình thức 3D.
- + Trưng bày sản phẩm theo nội dung thể hiện: con vật, đồ vật,...

– GV tổ chức HS quan sát sản phẩm, gợi mở HS trao đổi, chia sẻ trong nhóm dựa theo một số gợi ý sau:

- + Em thích sản phẩm của bạn nào? Vì sao?
- + Sự kết hợp kiểu nét nào với chấm em thích nhất?
- + Có những màu sắc nào ở các sản phẩm?
- + Sản phẩm của em/nhóm em có gì khác với sản phẩm của các bạn/các nhóm khác (kiểu/màu sắc giữa chấm và nét,...)?
- + Em đã tạo ra cách kết hợp giữa chấm và nét như thế nào?
- + Để tạo thành sản phẩm của nhóm, em và các bạn đã làm như thế nào?
- + Qua bài học này, em biết thêm điều gì trong thực hành sáng tạo với vật liệu có sẵn?

– GV có thể tổ chức lớp “bình chọn” sản phẩm thích nhất và động viên, khích lệ HS.

– Dựa trên sự trao đổi, chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành, kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành; gợi mở HS liên hệ với thực tiễn; thực hiện ý tưởng trang trí bằng chấm và nét cho các đồ vật, vật liệu khác,...

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh họa SGK ở nội dung *Vận dụng* và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có); gợi mở HS nêu cách tạo sản phẩm khác từ vật liệu có sẵn.

– Nếu thời lượng cho phép, GV trình bày rõ hơn cách trang trí chấm nét ở các sản phẩm và khuyến khích HS thực hiện ở nhà (nếu HS thích và mong muốn thể hiện).

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

– GV tóm tắt nội dung chính (đối chiếu với mục tiêu bài học):

- + Trong thực tế có nhiều đồ vật, vật liệu cần được làm đẹp.
- + Có thể vẽ chấm, nét hoặc cắt giấy tạo chấm, nét để trang trí cho đồ vật.
- + Các đồ vật sẽ đẹp hơn khi được trang trí.

– Nhận xét, đánh giá: Ý thức học tập, thực hành, thảo luận,... của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).

– GV có thể vận dụng trò chơi “Tiếp sức” để tổng kết bài học. Cụ thể, GV chia HS thành hai nhóm.

+ Vòng 1:

• HS trong nhóm 1 vẽ đồ vật/con vật (bằng phấn trên bảng hoặc màu trên bề mặt giấy).

- HS nhóm 2 sẽ vẽ trang trí đồ vật/con vật đó bằng chấm kết hợp với nét.
- + Vòng 2: Hai nhóm thực hiện nhiệm vụ ngược lại với vòng 1.
- + Kết thúc trò chơi, GV gọi mở HS chia sẻ cảm nhận, bình chọn sản phẩm và tổng kết bài học.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

- GV nhắc HS:
- + Xem nội dung Bài 8 và yêu cầu chuẩn bị các đồ dùng, dụng cụ học tập cần thiết ở mục Chuẩn bị SGK.
- + Sưu tầm tranh, ảnh về thiên nhiên.
- + Quan sát hình ảnh thiên nhiên ở địa phương.

Bài 8. THIÊN NHIÊN QUANH EM

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phẩm chất như: ý thức bảo vệ thiên nhiên, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật,... thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thiên nhiên và hình thành ý thức bảo vệ thiên nhiên xung quanh.
- Chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,... phục vụ học tập.
- Biết bảo quản bức tranh của mình; có ý thức tôn trọng bức tranh do bạn bè và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết cách vẽ tranh chủ đề thiên nhiên.
- Vẽ được bức tranh về thiên nhiên bằng các nét, màu sắc theo ý thích.
- Biết trưng bày, giới thiệu, chia sẻ cảm nhận về hình ảnh chính trong bức tranh của mình, của bạn và tranh của họa sĩ được giới thiệu trong bài học.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, hoạ phẩm để học tập, lựa chọn hình ảnh thiên nhiên theo ý thích để thể hiện.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết giới thiệu sản phẩm của mình; cùng bạn trao đổi, thảo luận trong học tập.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng hoạ phẩm để thực hành sáng tạo bức tranh về thiên nhiên.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi, thảo luận giới thiệu, nêu cảm nhận về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật giới thiệu trong bài học.

– Năng lực khoa học: Biết vận dụng hiểu biết về động vật, thực vật trong tự nhiên vào thể hiện bức tranh theo ý thích.

– Năng lực thể chất: Thực hiện các thao tác và thực hành với sự vận động của bàn tay.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mỹ thuật 1; Vở thực hành Mỹ thuật 1; màu vẽ, bút chì, tẩy chì,...

2. Giáo viên: SGK Mỹ thuật 1, Vở thực hành Mỹ thuật 1; hình ảnh minh hoạ nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, nêu và giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn,...

2. Kỹ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, động não, sơ đồ tư duy,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua một số gợi ý sau:

– GV kiểm tra sĩ số và sự chuẩn bị bài học của HS.

– Có thể kiểm tra bài cũ liên quan đến nội dung của Bài 7 để liên kết vào bài học.

– Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể lựa chọn các cách dưới đây:

Cách 1: Giới thiệu một số hình ảnh thiên nhiên: cây, bông hoa, con vật, mây, bầu trời, ngọn núi, con vật,...

– Nêu vấn đề, gợi mở HS nhận ra hình ảnh thiên nhiên quen thuộc. Có thể giải thích một số hiện tượng tự nhiên thường gặp.

– Gợi nhắc: thiên nhiên có nhiều động thực vật khác nhau liên hệ giới thiệu bài học.

Cách 2: Sử dụng một số bức tranh về các chủ đề khác nhau, trong đó có tranh vẽ về thiên nhiên,... và giới thiệu bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

3.1.1. Tìm hiểu hình ảnh minh họa trong trang 38 SGK

– GV tổ chức HS làm việc nhóm và đưa ra yêu cầu với HS:

+ Nêu nội dung của hình ảnh.

+ Kể tên một số loài thực vật, động vật quen thuộc.

– GV giới thiệu thêm một số hình ảnh thực vật, động vật khác. Nêu câu hỏi để HS nói tên màu sắc, mô tả biểu hiện của nét xuất hiện trong hình ảnh.

3.1.2. Tìm hiểu sản phẩm, tác phẩm trong trang 39 SGK *Mỹ thuật 1* và do GV chuẩn bị (nếu có)

– GV tổ chức HS thảo luận nhóm và yêu cầu HS:

+ Nêu tên mỗi bức tranh.

+ Nêu hình ảnh thiên nhiên nhìn thấy rõ nhất ở mỗi bức tranh.

+ Kể tên một số màu sắc trong các bức tranh.

– GV tóm tắt nội dung HS trình bày, thảo luận và giới thiệu rõ hơn nội dung của một số bức tranh (kết hợp tương tác với HS):

+ Tranh: “Đồi cọ” của họa sĩ Lương Xuân Nhị; chất liệu: màu bột. GV có thể giới thiệu vài nét về cây cọ (hình dáng, màu sắc, đường nét, nơi trồng nhiều loại cây này, liên hệ với một số loại cây ở địa phương có hình dạng gần giống cây cọ,...); kết hợp giới thiệu các hình ảnh, đường nét, màu sắc khác thể hiện trong bức tranh.

+ Tranh: “Nét đẹp biển khơi” của bạn Chu Thị Linh (Hà Nam); chất liệu: giấy màu. GV có thể giới thiệu, kết hợp gợi mở HS kể tên các màu sắc, hình ảnh thiên

nhiên có trong bức tranh, như: sóng nước, mây, thuyền, hình dáng con người, con vật,... và liên hệ các nét vẽ, kích thước hình ảnh khác nhau trong tranh.

+ Tranh: “Trong rừng” của bạn Lại Khánh Linh (Hà Nội); chất liệu: màu sáp. GV có thể liên hệ màu sáp sẵn có của HS trong lớp. Tương tự với các tranh khác, GV giúp HS nhận ra nội dung thể hiện ở bức tranh thông qua các hình ảnh như: cây, cành lá, tổ chim, đàn chim, bầu trời,... và các màu sắc, nét cong, nét thẳng,... khác nhau đã tạo nên bức tranh giống như một khu rừng vui vẻ.

+ Tranh sưu tầm khác (nếu có).

– GV tóm tắt nội dung quan sát, nhận biết; khích lệ HS chia sẻ lựa chọn hình ảnh thiên nhiên để vẽ. Ví dụ: Em sẽ vẽ hình ảnh về thực vật hay động vật trong thiên nhiên?,...

Lưu ý: GV sử dụng sơ đồ tư duy để gợi mở cho HS một số hình ảnh trong thiên nhiên có thể lựa chọn để thể hiện trong bức tranh.

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách vẽ tranh

– GV tổ chức HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Quan sát hình minh họa ở trang 39, 40 SGK (hoặc sử dụng thiết bị công nghệ).

+ Nêu các cách vẽ tranh.

– GV giới thiệu rõ hơn cách vẽ tranh, có thể kết hợp vẽ minh họa và giảng giải:

+ Vẽ to hình ảnh thiên nhiên em yêu thích vào phần giữa của trang vở/trang giấy.

+ Vẽ thêm các hình ảnh khác vào những chỗ giấy còn trống và vẽ màu kín bức tranh.

– **Lưu ý:** GV hướng dẫn HS chọn một trong hai cách để thực hành:

+ **Cách 1:** Vẽ hình ảnh thiên nhiên bằng nét của bút chì đen trước, sau đó vẽ màu vào các hình ảnh và vẽ màu kín bức tranh.



+ **Cách 2:** Vẽ hình ảnh thiên nhiên bằng nét màu trước, sau đó vẽ màu vào các hình ảnh và vẽ màu kín bức tranh.



3.2.2. Thực hành và thảo luận

– GV bố trí HS ngồi theo nhóm và giao cho HS nhiệm vụ:

+ Vẽ một bức tranh cho riêng mình về hình ảnh thiên nhiên theo ý thích.

+ Quan sát các bạn thực hành, cùng trao đổi và đặt câu hỏi với bạn, nội dung câu hỏi liên quan tới tên bức tranh, các hình ảnh vẽ trong bức tranh, hình ảnh nào vẽ bằng nét thẳng, hình ảnh nào vẽ bằng nét cong, màu sắc nào có trong bức tranh,...

– GV có thể nắm bắt việc HS tham gia trao đổi hoặc thu nhận thông tin trong thực hành thông qua: quan sát, trao đổi, nêu vấn đề, đặt câu hỏi,... về nội dung, chất liệu, đường nét, màu sắc,... ở một số bức tranh hoặc một bức tranh cụ thể; cũng như khuyến khích HS nêu câu hỏi, bày tỏ cảm xúc trong thực hành.

– GV có thể sử dụng tình huống có vấn đề, kích thích trí nhớ, trí tưởng tượng của HS về các hình ảnh thiên nhiên xung quanh và gợi mở HS lựa chọn, thể hiện, chia sẻ cảm xúc.

Lưu ý: Dựa trên ý tưởng và khả năng thể hiện của HS, GV có thể gợi mở HS bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với sở thích của HS theo nội dung của bài học.

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

– GV có thể tham khảo cách trưng bày dưới đây:

+ Trưng bày theo nhóm.

+ Trưng bày theo nội dung thể hiện trong các bức tranh.

– GV hướng dẫn HS quan sát và gợi mở nội dung trao đổi, cảm nhận, chia sẻ.

Ví dụ:

+ Tên bức tranh của em là gì?

+ Hình ảnh nào rõ nhất trong bức tranh của em, của bạn?

+ Em vẽ bức tranh của mình bằng những nét thẳng, nét cong như thế nào?

+ Bức tranh của em có những màu gì?

+ Em thích tranh của bạn nào?

+ Những hình ảnh nào trong bức tranh của các bạn mà em đã biết? Hình ảnh nào mà em chưa biết?...

– GV đánh giá kết quả thực hành, thảo luận:

+ Gọi mở HS nhớ lại và tự đánh giá quá trình thực hành, thảo luận.

+ Kích thích HS chia sẻ ý tưởng sử dụng bức tranh (treo ở đâu, tặng ai?...).

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

– Yêu cầu HS quan sát hình minh họa trang 41 SGK Mĩ thuật 1.

– Gọi mở HS nhận ra các hình ảnh thiên nhiên có thể được tạo nên từ những cách khác nhau như: cắt, xé, in, vẽ, trang trí chấm, nét, màu sắc,...

Nếu thời lượng cho phép, GV giới thiệu rõ hơn cách thực hành và tổ chức HS làm việc nhóm tại lớp hoặc thực hiện ở nhà (nếu HS thích và mong muốn thể hiện).

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

– Gọi mở HS tự đánh giá mức độ chuẩn bị và tham gia học tập;

– Nhận xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).

– Sử dụng tóm tắt nội dung cuối bài ở trang 41 SGK Mĩ thuật 1.

– Liên hệ bồi dưỡng các phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, ý thức bảo vệ thiên nhiên, chăm sóc cây xanh,...

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

– Yêu cầu HS xem lại các bài đã học từ Bài 1 đến Bài 8 trong SGK Mĩ thuật 1.

– Hướng dẫn HS xem kĩ nội dung Bài 9 trong SGK.

Bài 9. CÙNG NHAU ÔN TẬP HỌC KÌ 1

(1 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các đức tính: chăm chỉ, trách nhiệm, tôn trọng sản phẩm mĩ thuật ở HS.

2. Năng lực

2.1. Năng lực mỹ thuật

Nhận ra chấm, nét, màu sắc dễ tìm thấy trong tự nhiên, trong đời sống và có thể sử dụng để sáng tạo sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

2.2. Năng lực chung

– Nhận ra một số đồ dùng, vật liệu, họa phẩm,... là những thứ có thể tạo nên sản phẩm mỹ thuật trong thực hành, sáng tạo.

– Nêu được tên một số màu sắc, kiểu nét và chấm thể hiện ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi và chia sẻ với bạn về những điều đã học trong học kì 1.

– Năng lực ngôn ngữ: Biết sử dụng ngôn ngữ nói để giới thiệu về những điều đã được học trong học kì 1 và quan sát xung quanh.

– Năng lực thể chất: Thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mỹ thuật 1; Vở thực hành Mỹ thuật 1; giấy/bìa giấy, màu vẽ, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo,...

2. Giáo viên: SGK Mỹ thuật 1; Vở thực hành Mỹ thuật 1; hình ảnh trực quan minh họa nội dung bài học. Ví dụ: các cách tạo chấm, các loại nét khác nhau: cong, thẳng, gấp khúc, xoắn ốc, lượn sóng; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có nếu điều kiện cho phép).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, trò chơi, sử dụng tình huống có vấn đề, liên hệ thực tiễn,...

2. Kỹ thuật dạy học: Tia chớp, đặt câu hỏi, động não, sơ đồ tư duy.

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV tạo tâm thế học tập cho HS và có thể tham khảo một số gợi ý sau:

- GV kiểm tra sĩ số HS.
- GV kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV sử dụng hình ảnh hoạt động học tập và sản phẩm của HS ở các bài đã học, gợi mở HS:

- Kể tên một số sản phẩm mỹ thuật do mình đã tạo ra.
- Nêu một số hình thức thực hành đã tạo nên sản phẩm (cụ thể) của cá nhân (hoặc nhóm).

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS củng cố kiến thức đã học

GV thực hiện theo một trong hai cách sau:

- *Cách 1:* GV tổ chức HS thảo luận, yêu cầu:

+ Quan sát: hình minh họa trang 42, 43 SGK và một số sản phẩm của HS, hình ảnh do GV chuẩn bị.

+ Nêu yếu tố tạo hình thể hiện ở hình ảnh (trong tự nhiên, trong đời sống và trong sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật).

+ Giới thiệu cách thực hành tạo nên một sản phẩm cụ thể của bản thân hoặc của nhóm (vẽ, in, cắt, xé, ấn ngón tay,...).

GV tóm tắt: chấm, nét, màu sắc dễ tìm thấy trong tự nhiên, trong đời sống và có thể sử dụng để sáng tạo nên các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

– *Cách 2:* GV có thể vận dụng kỹ thuật dạy học tia chớp, thông qua trò chơi “Ai nhanh hơn”. Bố trí HS theo nhóm học tập, giới thiệu nhiệm vụ và cách chơi. Yêu cầu HS:

+ Lắng nghe nhiệm vụ/câu hỏi.

+ Quan sát hình ảnh trực quan là sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật thể hiện rõ các yếu tố tạo hình.

+ Nhóm thảo luận nhanh, đại diện nhóm trả lời (có thể bỏ qua thảo luận và trả lời ngay sau khi hình ảnh trực quan xuất hiện). Nội dung thảo luận, trả lời câu hỏi liên quan đến: các cách tạo chấm, tên các màu sắc, các kiểu nét, nội dung thể hiện ở hình ảnh,...

– Tổ chức cho HS tham gia trò chơi và đánh giá kết quả: Nhóm nào trả lời nhanh, có nhiều ý kiến trả lời đúng, sẽ được tích lũy vào thành tích học tập của nhóm.

Tổng kết: Có nhiều loại nét, nhiều cách tạo chấm và tên gọi màu sắc khác nhau. Chấm, nét, màu sắc dễ tìm thấy trong tự nhiên, trong đời sống và có thể sử dụng để sáng tạo sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

Hoạt động 4: Tổ chức cho HS thực hành sáng tạo và thảo luận

- Tổ chức HS làm việc nhóm với nhiệm vụ:
- + Mỗi nhóm tạo một sản phẩm mỹ thuật với khổ giấy bìa cho trước, có sẵn màu nền.
- + Lựa chọn nội dung thể hiện: hình ảnh thiên nhiên, con vật, đồ vật, đồ dùng,...
- + Vận dụng vật liệu, hoạ phẩm sẵn có để tự tạo chấm, nét bằng cách cắt, xé, dán,... tạo hình ảnh ở sản phẩm; hoặc vẽ, in chấm, nét tạo hình ảnh ở sản phẩm.
- Lưu ý GV hướng dẫn HS có thể lựa chọn cách thể hiện sau:
- + Thể hiện chấm và màu sắc ở sản phẩm.
- + Thể hiện một kiểu nét hoặc một số kiểu nét và màu sắc ở sản phẩm.
- + Sử dụng chấm, nét, màu sắc ở sản phẩm.

Ví dụ tham khảo:



Hoạt động 5: Tổng kết bài học

- GV có thể tham khảo một số gợi ý dưới đây để gợi mở HS chia sẻ:
- + Tên sản phẩm là gì?
- + Cách thực hành tạo nên sản phẩm của em là gì?
- + Sản phẩm thể hiện những yếu tố tạo hình nào?
- + Sản phẩm nào em thích nhất? Vì sao?
- GV hướng dẫn HS nhận xét, tự đánh giá kết quả làm việc và sản phẩm. Ví dụ:
- + Mức độ tham gia thảo luận, thực hành, hợp tác,... của các cá nhân.
- + Nêu các yếu tố chấm, nét, màu sắc mà nhóm đã thể hiện ở sản phẩm,...
- Tổng kết bài học.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học kì 2

Yêu cầu HS tìm hiểu nội dung các bài học tiếp theo ở học kì 2.

Chủ đề 5

SÁNG TẠO VỚI CÁC HÌNH CƠ BẢN, LÁ CÂY

Bài 10. NGÔI NHÀ THÂN QUEN

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trách nhiệm, tôn trọng sản phẩm mỹ thuật ở HS. Cụ thể biểu hiện ở một số hoạt động sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập đầy đủ.
- Biết giữ vệ sinh lớp học, bảo quản sản phẩm và đồ dùng học tập.
- Chia sẻ thẳng thắn suy nghĩ, cảm nhận của bản thân trong thảo luận, nêu ý kiến. Ý thức tôn trọng sản phẩm mỹ thuật do mình, do bạn bè và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được các hình cơ bản: hình vuông, hình tròn, hình tam giác.
- Tạo được hình cơ bản; biết vận dụng các hình cơ bản đó để tạo sản phẩm theo ý thích.
- Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động lựa chọn cách thực hành.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Mạnh dạn tham gia trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.

– Năng lực thể chất: Thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; các vật liệu, công cụ,... như nội dung Chuẩn bị ở SGK và sưu tầm đồ dùng, vật liệu sẵn có ở địa phương theo hướng dẫn của GV.

2. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; giấy màu, kéo, bút chì; hình ảnh minh họa nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có nếu điều kiện cho phép).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, luyện tập, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: Động não, đặt câu hỏi, bể cá, tia chớp,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua một số gợi ý sau:

- GV kiểm tra sĩ số và sự chuẩn bị bài học của HS.
- Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

- GV nêu vấn đề, gợi mở nội dung bài học dựa trên một số cách dưới đây:

Cách 1: Nghe bài hát “Các hình cơ bản” (Nhạc sĩ: Ngọc Lan). Yêu cầu HS nhắc lại tên các hình cơ bản có trong bài hát, kết hợp gợi giới thiệu nội dung bài học.

Cách 2: Giới thiệu một số đồ dùng học tập của HS hoặc ở trong lớp: cuốn sách, hộp bút, hộp phấn, bảng, đồng hồ, tờ giấy,... Đặt câu hỏi giúp HS gọi tên hình dạng các hình đó và liên hệ giới thiệu nội dung bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

3.1.1. Nhận biết hình cơ bản:

GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh minh hoạ SGK và thảo luận:

– Hình ảnh trang 44 SGK (có thể kết hợp đồ dùng trực quan là các hình vuông, tròn,...). Nhiệm vụ: Hãy trả lời một số câu hỏi gợi ý sau:

- + Em đã làm quen, đã biết những hình này chưa?
- + Em đã nhìn thấy những hình này ở đâu?
- + Ở mỗi hình này thể hiện các nét thẳng, nét cong như thế nào?

– Hình ảnh trang 45 SGK và đưa ra nhiệm vụ:

- + Giới thiệu tên các hình ảnh.
- + Tìm các chi tiết có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật ở hình ảnh trực quan.

* GV gợi nhắc: Đặc điểm của các hình vuông hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

3.1.2. Nhận biết hình dạng của hình cơ bản ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật (Nội dung này do GV và HS chuẩn bị, kết hợp hình minh hoạ trong SGK.)

* Tổ chức cho HS quan sát hình ảnh hoặc đồ vật, sản phẩm thật

– Hình ảnh, đồ vật ở xung quanh. Ví dụ:

- + Các đồ vật: đồng hồ, bàn ghế, cuốn sách,...
- + Các hình ảnh trong tự nhiên: Mặt Trời, bông hoa, ngọn núi,...
- Hình ảnh sản phẩm tác phẩm mỹ thuật:

+ Tranh của họa sĩ: Mát-lê-vích (Malevich). Họa sĩ là người Nga.

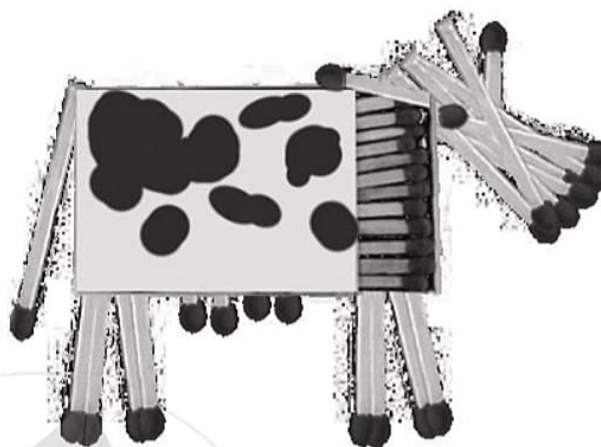
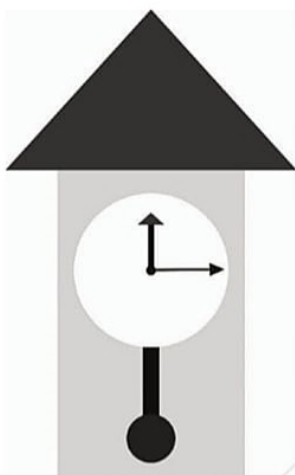


Ra đồng



*Người nông dân
trên cánh đồng*

- + Công trình kiến trúc: Kim tự tháp (Ai Cập).
- + Một số sản phẩm, tác phẩm khác:



GV tóm tắt:

- Trong thiên nhiên, trong cuộc sống có nhiều hình ảnh biểu hiện các hình: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
- Ta có thể sử dụng các hình cơ bản để tạo các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật hoặc trang trí làm đẹp cho các đồ dùng, đồ vật theo ý thích.
- GV sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề,... để kích thích HS mong muốn thực hành, sáng tạo với các hình cơ bản. Ví dụ: Làm cách nào để chúng ta tạo được các hình cơ bản? Em sẽ sáng tạo ra sản phẩm mỹ thuật nào từ các hình cơ bản? Em định sẽ dùng những hình nào để tạo ra sản phẩm đó?...

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo và thảo luận

3.2.1. Tìm hiểu cách tạo các hình cơ bản

- GV tổ chức HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ:
 - + Quan sát hình minh họa ở trang 46 SGK hoặc do GV chuẩn bị.
 - + Nêu thứ tự các bước thực hành tạo các hình cơ bản từ giấy.
- GV giới thiệu và thị phạm minh họa các bước, kết hợp vấn đáp, gợi mở và giảng giải cách thực hiện (dựa trên hình minh họa trang 46 SGK) như: gấp, kẻ, đếm số ô vuông, in, vẽ, cắt,... để tạo các hình.
- GV lưu ý: Có thể giới thiệu và gợi mở HS cách tạo hình cơ bản bằng cách: xếp que tính, cuộn sợi dây,... HS chọn màu giấy theo ý thích cho màu hình cơ bản mình sẽ tạo ra.

3.2.2. Thực hành, sáng tạo

a) Tổ chức cho HS tạo các hình cơ bản

– HS thực hành cá nhân: Vận dụng cách tạo các hình cơ bản ở trang 46 SGK để tạo các hình cơ bản cho riêng mình.

– HS thảo luận nhóm: Mỗi HS quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi với bạn về quá trình thực hành như: lựa chọn giấy, cách tạo các hình,...

GV quan sát, hướng dẫn HS sử dụng công cụ, vật liệu, chất liệu giấy như: sử dụng kéo an toàn, cách đếm các ô tạo cạnh cho hình vuông,... kết hợp trao đổi, nêu vấn đề, gợi mở hướng dẫn HS thực hành và hỗ trợ khích lệ HS khi cần thiết.

- Quan sát các bạn trong nhóm, trong lớp.
- Đưa ra nhận xét/ý kiến, về màu sắc, hình dạng,...
- Thử tạo các hình cơ bản bằng vật liệu khác.

b) Tổ chức cho HS tạo ngôi nhà và cảnh quan xung quanh

– GV sắp xếp HS ngồi theo nhóm và yêu cầu HS:

+ Vận dụng các hình cơ bản đã tạo được của các cá nhân sắp xếp tạo hình ngôi nhà.

+ Có thể xé, cắt, vẽ thêm: cây, mây, Mặt Trời, cỏ,... tạo cảnh quan xung quanh.

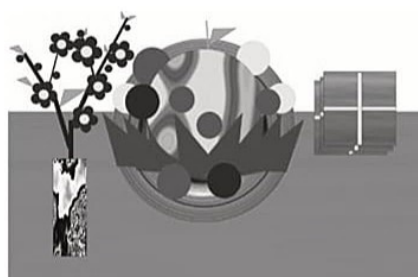
Lưu ý:

– HS có thể tham khảo hình minh họa ở trang 47 SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị (nên có).

– HS có thể tạo hình ngôi nhà và không gian xung quanh theo ý thích, phản ánh chính ngôi nhà mình đang ở hoặc thực tế ở địa phương.

– Gợi mở để HS trao đổi, chia sẻ cách ứng dụng sản phẩm (nơi trang trí, trưng bày,...).

c) Tổ chức HS tạo sản phẩm nhóm nếu thời gian cho phép thực hiện. Ví dụ một số sản phẩm minh họa:



3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

- Có thể gợi mở hoặc cho HS lựa chọn nơi trưng bày. Ví dụ:
 - + Dán trên bảng.
 - + Trưng bày ở các góc học tập trong lớp: góc tiếng Việt, góc thư viện,...
 - + Trưng bày theo nhóm học tập.
- GV tổ chức HS quan sát, trao đổi, chia sẻ. Một số gợi ý sau:
 - + Bức tranh ngôi nhà của em gồm có những hình cơ bản nào? Em làm thế nào để tạo được các hình đó?
 - + Em nêu một số màu sắc có trong bức tranh của mình?
 - + Em thích bức tranh của bạn nào/nhóm nào? Vì sao?
 - + Để tạo thành sản phẩm của nhóm, em và các bạn đã làm như thế nào?
- GV đánh giá kết quả thực hành, kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành, trao đổi; kết hợp gợi mở HS liên tưởng đến sáng tạo các hình ảnh khác các hình cơ bản.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục Vận dụng

- GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh họa trang 48 SGK ở mục *Vận dụng* và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có)
 - Nêu vấn đề, gợi mở HS nhận ra cách tạo hình cơ bản từ vật liệu (GV có thể liên hệ vật liệu có ở địa phương và tương đương với hình minh họa).
 - Nếu thời lượng cho phép, GV có thể giới thiệu cách thực hành và khuyến khích HS thực hiện ở nhà (nếu HS thích) hoặc tổ chức cho HS thực hành trên lớp.

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

- GV tóm tắt nội dung chính (đối chiếu với mục tiêu bài học):
 - + Các hình cơ bản gồm: hình vuông, hình tròn, hình tam giác.
 - + Mỗi hình cơ bản có đặc điểm riêng.
 - + Có thể sử dụng các hình cơ bản để tạo ngôi nhà và các sản phẩm khác theo ý thích.
- Nhận xét, đánh giá: ý thức học tập, sự chuẩn bị bài học và mức độ tham gia thảo luận, thực hành của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

GV nhắc HS:

- Đọc và quan sát các hình ảnh minh họa trong nội dung Bài 11.
- Chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu theo hướng dẫn ở mục Chuẩn bị của bài học.
- Sưu tầm lá cây sẵn có ở địa phương, lưu ý HS hạn chế hái lá cây xanh đang trên cây.

Bài 11: TẠO HÌNH VỚI LÁ CÂY

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS đức tính chăm chỉ, kiên trì, biết trân trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật và ý thức bảo vệ môi trường,... thông qua một số hoạt động và biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thích vẻ đẹp của thiên nhiên, bảo vệ cây xanh.
- Sưu tầm, chuẩn bị lá cây khô, đồ dùng, dụng cụ học tập, thực hành.
- Giữ và bảo quản sản phẩm mỹ thuật do mình tạo ra; tôn trọng sự sáng tạo của bạn bè và người khác.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được hình dạng, đường nét, màu sắc của một số lá cây trong tự nhiên.
- Lựa chọn được lá cây để sáng tạo thành sản phẩm theo ý thích; bước đầu biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm như làm đồ trang trí, đồ chơi.
- Trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự giác chuẩn bị lá cây và các đồ dùng, vật liệu để học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng công cụ phù hợp với thao tác thực hành để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Thông qua trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận,... trong tiến trình học tập.
- Năng lực khoa học: Biết vận dụng hiểu biết về hình dáng một số thực vật, động vật trong thiên nhiên vào thực hành, sáng tạo sản phẩm mỹ thuật.

– Năng lực thể chất: Thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động khéo léo của bàn tay.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành mĩ thuật 1; lá cây rụng, lá cây khô, giấy vẽ, màu vẽ, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo,...

2. Giáo viên: Lá cây rụng, lá cây khô, kéo, bút chì; hình ảnh minh họa nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có nếu điều kiện cho phép).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, trò chơi, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: Động não, bể cá, khăn trải bàn,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua một số gợi ý sau:

- GV kiểm tra sĩ số, kiểm tra hiểu biết của HS về hình cơ bản.
- Gợi mở HS giới thiệu những loại lá cây và đồ dùng,... đã chuẩn bị.
- Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

– GV có thể tham khảo một số cách tổ chức dưới đây:

Cách 1: Tổ chức cho HS nghe bài hát “Trâu lá đa” (Nhạc sĩ Hoài Bằng); GV gợi mở HS nêu hình ảnh chính và sự sáng tạo hình ảnh ở trong bài hát; GV cung cấp hình trực quan của con trâu làm từ lá đa, từ đó liên kết giới thiệu nội dung bài học.

Cách 2: GV liên hệ với Bài 10, tổ chức HS hoạt động nhóm thông qua trò chơi “Viết tên các loại lá”.

• **Nhiệm vụ:** Mỗi HS trong nhóm viết (bằng bút chì đen hoặc sáp màu, bút dạ trên bề mặt giấy) tên một số loại lá (đã biết hoặc nhìn thấy ở trong tự nhiên, trong cuộc sống).

- Đánh giá kết quả: Dựa trên số lượng tên lá viết được nhiều hay ít.

GV dựa trên kết quả của các nhóm và gọi mở vào bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

3.1.1. Nhận biết hình dạng của một số loại lá cây

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh ở trang 49 SGK và một số lá cây do GV, HS chuẩn bị. Giao cho HS nhiệm vụ thảo luận và tìm hiểu:

+ Nêu tên lá cây.

+ Lá cây nào có hình dạng giống hình tròn, hình tam giác mà em đã được học.

– GV gọi mở HS: Nhận ra hình dạng của từng loại lá bằng cách sử dụng công cụ như không tạo nét trực tiếp như thước kẻ, que chỉ, bút la-de,... để mô phỏng đường chu vi của lá cây. GV có thể hướng dẫn HS dùng bút chì vẽ mô phỏng hình lá cây trên giấy.

3.1.2. Liên tưởng hình ảnh lá cây với hình ảnh khác trong tự nhiên, đời sống

– Tổ chức HS quan sát hình ảnh trang 50 SGK và hình ảnh hoặc vật mẫu thật do GV/HS chuẩn bị. Ví dụ:



Giao cho HS nhiệm vụ thảo luận và tìm hiểu:

+ Tên mỗi lá cây và hình ảnh/vật thật tương đồng/tương tự (giống) với lá đó.

+ Trong các hình ảnh, lá cây và hình ảnh giống lá cây, hình nào em đã biết hoặc chưa biết?

– GV gọi mở để HS nhớ về những lá cây khác đã nhìn thấy hoặc đã quan sát và chia sẻ sự liên tưởng về chúng giống với các hình ảnh ở trong tự nhiên, trong đời sống (con vật hoặc các hình hoạ tiết ở trên đồ vật, sản phẩm nghệ thuật,...).

– GV tóm tắt nội dung quan sát:

+ Trong tự nhiên có rất nhiều cây và lá cây, mỗi loại lá có hình dạng, màu sắc riêng.

+ Có nhiều lá cây có hình dạng giống các hình cơ bản: hình tròn, hình tam giác (hình trái tim),...

+ Hình dạng của những chiếc lá có thể liên tưởng với những hình ảnh khác trong tự nhiên, trong cuộc sống và gợi cho chúng ta nhiều ý tưởng sáng tạo nên hình ảnh mới hoặc sản phẩm mỹ thuật.

– GV nêu vấn đề, gợi mở HS liên tưởng lá cây của mình đã chuẩn bị với hình ảnh khác. Ví dụ:

+ Em đã chuẩn bị những lá cây gì?

+ Em nhận ra hình lá cây của em chuẩn bị giống hình ảnh hay đồ vật, con vật,... nào mà em đã biết?

+ Em sẽ tạo nên hình ảnh gì từ hình lá cây đó?

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo và thảo luận

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo

– Tổ chức cho HS quan sát hình minh hoạ trang 51 SGK (hoặc do GV chuẩn bị trình chiếu). Giao cho HS nhiệm vụ thảo luận và tìm hiểu:

+ Em có biết lá cây bưởi trông như thế nào không?

+ Hãy nêu các bước tạo hình con voi từ lá bưởi?

– GV giới thiệu hình minh hoạ hoặc thị phạm các bước tạo hình ảnh mới từ lá cây; kết hợp tương tác với HS và gợi mở các bước thực hành chính có thể vận dụng để tạo nhiều sản phẩm mỹ thuật từ lá cây:

+ Chuẩn bị: Chọn lá cây có hình dạng, màu sắc gợi liên tưởng đến hình dáng của đồ vật, con vật, đồ dùng,... mà em biết và yêu thích.

+ Tạo hình ảnh theo tưởng tượng từ lá cây: dựa trên các bước ở hình minh hoạ trang 51 SGK và hoàn thành sản phẩm.

Lưu ý: GV gợi mở HS có thể trang trí thêm cho hình ảnh mới tạo được bằng chấm, nét theo ý thích.

– GV tóm tắt cách thực hành tạo hình sản phẩm từ hình của các lá cây thông qua thực hiện các thao tác: in, vẽ, cắt, xếp, dán,... và gợi mở HS chia sẻ lựa chọn lá cây và ý tưởng tạo hình.

3.2.2. Thực hành, sáng tạo

Tổ chức nhóm học tập cho HS với nhiệm vụ:

+ HS thực hành cá nhân: Lựa chọn lá cây và phù hợp với sự tưởng tượng, sáng tạo hình ảnh mới theo ý thích. Gợi mở HS vận dụng cách thực hành ở trang 51 SGK và tham khảo một số hình ảnh minh hoạ ở trang 52 SGK để thực hành, tạo ra sản phẩm.

+ HS tham gia làm việc nhóm: Mỗi thành viên thực hiện công việc của mình và quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi với bạn về sản phẩm của mình, của bạn và cách sử dụng công cụ, chất liệu,...

– GV quan sát HS thực hành, nêu vấn đề, kích thích HS chia sẻ ý tưởng tạo hình, gợi mở HS lựa chọn hình dáng lá cây phù hợp với ý tưởng,...; định hướng nội dung để HS trao đổi, chia sẻ và quan sát các bạn trong nhóm thực hành. Ví dụ:

+ Các sản phẩm trong nhóm gồm những hình gì?

+ Các hình ảnh tạo được trong nhóm gồm những hình ảnh gì (con vật hay đồ chơi, đồ dùng)?

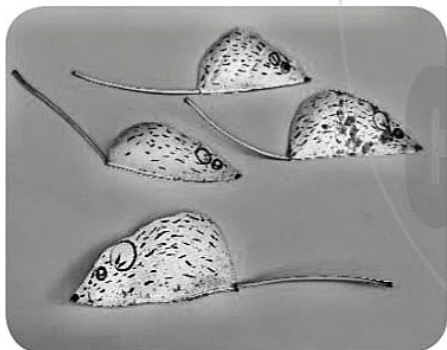
+ Em thấy hình ảnh nào ngộ nghĩnh, hấp dẫn?

– GV cần nắm bắt các thông tin, mức độ HS trao đổi, thực hành và nêu vấn đề, sử dụng tình huống có vấn đề hợp lý để gợi mở HS giải quyết.

– Hướng dẫn HS tạo sản phẩm nhóm: GV gợi mở HS một số cách tạo sản phẩm nhóm từ sản phẩm của mỗi cá nhân và gợi mở HS tham khảo, thực hiện. Ví dụ:

– Hình ảnh trực quan trong SGK và hình ảnh GV chuẩn bị.

+ Hình ảnh do GV chuẩn bị:



Xếp các sản phẩm tạo được cùng loại để tạo bức tranh



Xếp, dán các lá khác nhau để tạo bức tranh



In, cắt, dán các lá khác nhau kết hợp vẽ để tạo bức tranh

– GV gợi mở các nhóm HS trao đổi vận dụng.

Ví dụ: Sản phẩm của nhóm em có thể treo/dán trưng bày hoặc trang trí ở đâu?

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

– GV có thể tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm. Ví dụ:

+ Trưng bày theo nhóm.

+ Trưng bày theo nội dung thể hiện.

+ Trưng bày toàn lớp.

– GV tổ chức cho HS quan sát toàn bộ và lần lượt các sản phẩm, gọi mở HS trao đổi, chia sẻ trong nhóm, trước lớp. GV có thể tham khảo một số gợi ý dưới đây:

+ Sản phẩm của em/nhóm em có tên là gì?

+ Sản phẩm được tạo nên từ lá cây nào?

+ Em thích sản phẩm của ai/nhóm nào?

+ Sản phẩm của em/nhóm em có gì khác với sản phẩm của các bạn/các nhóm khác?

+ Trong các sản phẩm của nhóm, sản phẩm nào do em tạo ra?

+ Để tạo thành sản phẩm của em/nhóm, em và các bạn đã làm như thế nào?

– GV đánh giá kết quả thực hành, kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành tạo sản phẩm từ lá cây và liên hệ với thực tiễn; gọi mở HS liên tưởng đến việc sáng tạo thêm sản phẩm bằng hình thức tạo hình khác và liên hệ với nội dung *Vận dụng* trong SGK.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung *Vận dụng*

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh minh họa trong SGK và gọi mở HS nhận ra cách thức tạo hình khác để tạo sản phẩm từ lá cây.

– Nếu thời lượng cho phép, GV có thể giới thiệu cách thực hành và tổ chức làm trên lớp hoặc hướng dẫn HS tự học ở nhà (nếu HS thích, mong muốn thực hiện).

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học (đối chiếu với mục tiêu đã nêu):

+ Lá cây có rất nhiều hình dạng và màu sắc khác nhau.

+ Nhiều hình lá cây trong tự nhiên giống với các hình cơ bản: hình tròn, hình tam giác,...

+ Có nhiều cách để tạo ra sản phẩm mỹ thuật từ lá cây.

– Nhận xét, đánh giá: ý thức học tập, sự chuẩn bị bài học và mức độ tham gia thảo luận, thực hành, của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp). Kết hợp bồi dưỡng HS tính chăm chỉ, kiên trì trong sáng tạo; ý thức bảo vệ môi trường và chăm sóc cây xanh,...

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

GV yêu cầu HS:

– Xem và tìm hiểu trước nội dung Bài 12 SGK.

– Chuẩn bị các đồ dùng, dụng cụ theo yêu cầu ở mục Chuẩn bị trong Bài 12: đất nặn (hoặc đất sét và chất liệu tương đương sẵn có ở địa phương); đồ vật hình khối,... đồ chơi sẵn có trong gia đình (nếu có)...

Chủ đề 6

NHỮNG HÌNH KHỐI KHÁC NHAU

Bài 12. TẠO KHỐI CÙNG ĐẤT NẶN

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phẩm chất như đức tính chăm chỉ, trách nhiệm giữ gìn vệ sinh trường lớp,... thông qua một số biểu hiện và hoạt động cụ thể sau:

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.
- Biết vệ sinh lớp học, vệ sinh cá nhân, đồ dùng, dụng cụ học tập sau khi thực hành.
- Thẳng thắn trao đổi, nhận xét sản phẩm; biết bảo quản sản phẩm, trân trọng sản phẩm mỹ thuật do mình, do bạn và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được khối cầu (khối tròn), khối lập phương, khối trụ,...
- Tạo được khối cầu, khối lập phương, khối trụ từ đất nặn; biết liên kết các khối đã tạo ra để tạo sản phẩm theo ý thích. Bước đầu biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm như làm đồ chơi, đồ trang trí,...
- Biết trưng bày, giới thiệu, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn/nhóm.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, đất nặn để học tập; chủ động thực hành, tích cực tham gia thảo luận.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng đất nặn và dụng cụ để thực hành tạo khối, tạo sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Thông qua trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.

– Năng lực thể chất: Thể hiện sự khéo léo của đôi bàn tay khi thực hiện các thao tác lấy đất, nặn đất, cắt gọt đất để tạo khối.

– Năng lực tính toán: Thể hiện có khả năng cân nhắc tạo các bộ phận, chi tiết khác nhau có kích thước phù hợp ở sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; các vật liệu, công cụ,... như mục Chuẩn bị ở SGK và sưu tầm sẵn có ở địa phương theo GV đã hướng dẫn.

2. Giáo viên: Đất nặn các màu, dao nhựa cắt đất, bìa giấy làm đế xoay, khăn lau; một số khối cơ bản sẵn có và khối làm từ đất nặn, sản phẩm được ghép bởi các khối cơ bản, hình ảnh minh họa nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc tivi (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: Động não, bể cá, tia chớp,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân/nhóm, thảo luận nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua:

– GV kiểm tra sĩ số.

– Gợi mở HS giới thiệu những vật liệu, đồ dùng,... đã chuẩn bị.

– Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

– Có nhiều cách để GV giới thiệu bài học, GV có thể giới thiệu bằng cách tích hợp kiến thức của môn học khác hoặc qua kiểm tra bài cũ hay giới thiệu trực tiếp vào nội dung bài học thông qua tổ chức hoạt động trò chơi. GV tham khảo một số cách gợi ý:

+ *Cách 1:* Nêu vấn đề dựa trên cách sử dụng trực quan sinh động như: Sử dụng một số miếng bìa màu hình vuông, tròn, tam giác, chữ nhật,... GV vừa ghép các miếng bìa màu để tạo hình khối cơ bản vừa kết hợp gợi mở cho HS nêu tên các hình khối GV đã ghép được, từ đó liên kết giới thiệu nội dung bài học.

+ *Cách 2:* Sử dụng một số hình cơ bản (như Bài 10) và một số hình khối tương ứng. Ví dụ: hình vuông – khối lập phương; hình tròn – khối cầu; hình chữ nhật – khối trụ,... GV nêu vấn đề, kích thích HS có tâm thế khám phá bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

3.1.1. Nhận biết khối cơ bản

– Tổ chức HS quan sát hình ảnh trang 54 SGK (hoặc do GV chuẩn bị trình chiếu) kết hợp sử dụng các hình, khối (như Cách 2 ở hoạt động 2), yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi:

+ Em có biết tên của khối này không?

+ Mỗi khối đặc điểm gì?

+ Điểm khác nhau giữa các khối?

+ Những nét nào nổi bật ở mỗi khối?

– GV gợi nhắc:

+ Tên và đặc điểm các khối.

+ Gợi mở HS nhận ra khác nhau giữa các khối.

+ Liên hệ sự tương đồng của các khối với một số đồ vật dạng khối, ví dụ: quả địa cầu, hộp chè khô, chiếc nón lá, quả bóng, quả cam,...

3.1.2. Nhận biết khối cơ bản ở sản phẩm trong đời sống

– Tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trang 55 SGK (phần Quan sát, nhận biết). Gợi mở HS:

+ Nhận ra hình dạng của khối ở mỗi sản phẩm.

+ Sự kết hợp của các khối ở một số sản phẩm.

+ Liên hệ một số khối với các đồ vật xung quanh, như: bàn, ghế, hộp phấn, cốc/ca uống nước,...

– GV tóm tắt:

+ Khối lập phương, khối cầu, khối trụ là những khối cơ bản.

+ Trong thiên nhiên, trong cuộc sống có nhiều hình ảnh, đồ vật có hình dạng giống với các hình dạng của khối cơ bản.

– GV sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề,... để kích thích HS mong muốn thực hành sáng tạo với các khối cơ bản. Ví dụ: Các em có muốn tạo khối lập phương, khối trụ, khối cầu,... từ đất nặn? Em sẽ ghép khối nào với nhau để tạo sản phẩm theo ý thích? Làm cách nào để chúng ta tạo được các khối này? Em sẽ tạo ra sản phẩm nào từ các khối này?

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo và thảo luận

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành tạo khối

– GV tổ chức HS làm việc nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Quan sát hình minh họa trang 55 SGK, phần Cách tạo khối từ đất nặn.

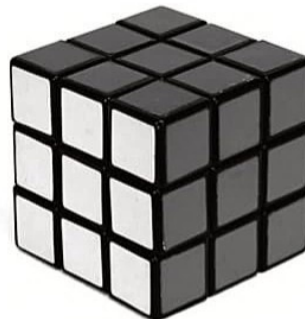
+ Nêu thứ tự các bước thực hành tạo khối cầu, khối lập phương, khối trụ từ đất nặn.

– GV giới thiệu minh họa các bước chính:

- Chọn đất, chọn màu đất để tạo màu cho mỗi khối.
- Thực hiện lần lượt các bước như hình minh họa ở mỗi khối trong trang 55 SGK.

Lưu ý: Trong hướng dẫn HS cách thực hành, GV cần tạo sự tương tác với HS, kết hợp giảng giải, phân tích một số thao tác cơ bản như: vẽ tròn, lăn dọc, ước lượng kích thước các cạnh của khối lập phương,...; cách sử dụng đất nặn, dao cắt đất,...

– GV có thể gợi mở HS ghép hai khối lập phương để tạo nên khối hình chữ nhật, ghép nhiều khối vuông các màu khác nhau tạo thành khối rubic,...



3.2.2. Thực hành, sáng tạo

a) Tổ chức HS tạo các khối cơ bản

– GV tổ chức HS theo nhóm học tập, yêu cầu:

+ HS thực hành cá nhân: Vận dụng cách tạo các khối cơ bản ở trang 55 SGK, để tạo các khối cơ bản cho riêng mình.

+ HS thảo luận nhóm: Mỗi HS quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi với bạn về quá trình thực hành, như: lựa chọn đất, màu đất, kích thước, đặc điểm của từng khối,...

– GV quan sát HS thực hành, nắm bắt các thông tin HS trao đổi, kỹ năng HS thực hành,... và gợi mở, nêu câu hỏi với HS (cá nhân/nhóm, toàn lớp) có thể hỗ trợ HS (nếu cần thiết); hướng dẫn HS cách bảo đảm vệ sinh trong thực hành, khích lệ HS tương tác với các bạn:

+ Quan sát các bạn trong nhóm, trong lớp thực hành.

+ Nêu câu hỏi hoặc tham vấn ý kiến của bạn: Các khối vừa tạo được có tên là gì? Màu sắc của khối đó?...

+ Đưa ra nhận xét/ý kiến, về màu sắc, hình dạng, kích thước,... đối với các sản phẩm trong nhóm/của bạn.

Lưu ý: Căn cứ thực tiễn hoạt động của HS, GV có thể vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo.

b) Tổ chức HS tạo sản phẩm nhóm và thảo luận

– GV gợi mở HS một số cách tạo sản phẩm nhóm từ khối của mỗi cá nhân HS thông qua hình ảnh trực quan SGK hoặc sản phẩm sưu tầm của GV, kết hợp gợi mở HS chia sẻ, lựa chọn. Ví dụ:

+ *Cách 1:* Ghép hai khối vuông để tạo khối hình chữ nhật.

+ *Cách 2:* Ghép khối trụ với khối cầu tạo hình cây (GV lưu ý HS màu sắc của hai khối sao cho gần với màu sắc của cây).

+ *Cách 3:* Ghép khối lập phương với khối trụ tạo chiếc bánh gato.

+ *Cách 4:* Ghép khối cầu, khối lập phương và khối trụ tạo chiếc ô tô tải (Hình minh hoạ trang 56 SGK).

+ *Cách 5:* Từ một khối thêm một số chi tiết tạo hình con vật, đồ vật, món ăn,... (Hình minh hoạ trang 56 SGK).

Một số hình ảnh sản phẩm cho HS tham khảo:



Cây



Gà trống



Đàn gà

– GV gọi mở các nhóm trao đổi, chia sẻ vận dụng sản phẩm. Ví dụ: Sản phẩm của nhóm em có thể trưng bày hoặc trang trí ở đâu?

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

– Tùy vào không gian lớp học, GV có thể tổ chức HS trưng bày sản phẩm trên bục bệ, mặt bàn hoặc cầm trên tay.

– GV tổ chức cho HS quan sát sản phẩm của các cá nhân/các nhóm, gọi mở HS nhớ lại quá trình thực hành như: tìm hiểu cách tạo khối, cách liên kết các khối trên từng sản phẩm của nhóm, tham gia thảo luận,...

– GV tổ chức cho HS trao đổi, chia sẻ cảm nhận dựa trên một số gợi ý sau:

- + Em thích sản phẩm của ai/nhóm nào?
- + Có những hình khối nào ở sản phẩm của nhóm em hoặc nhóm bạn?
- + Sản phẩm của em/nhóm em có gì khác với sản phẩm của các bạn/các nhóm khác?
- + Trong các sản phẩm trưng bày, khối nào nào do em tạo ra?
- + Để tạo thành sản phẩm của nhóm, em và các bạn đã làm như thế nào?
- + Em có cách nào khác để tạo thêm sản phẩm từ các khối cầu, khối lập phương, khối trụ?

– GV đánh giá kết quả thực hành sáng tạo, gọi mở HS liên hệ với thực tiễn và ý tưởng sáng tạo các sản phẩm mới bằng những cách khác.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

Gợi mở HS nhận ra cách tạo khối, cách liên kết khối tạo sản phẩm theo cách khác.

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh họa SGK phần *Vận dụng*, trang 56 SGK và gợi mở HS nêu cách tạo sản phẩm khác từ khối đất nặn.

– Nếu thời lượng cho phép, GV có thể giới thiệu cách thực hành và khuyến khích HS thực hiện ở nhà (nếu HS thích).

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học (đối chiếu với mục tiêu đã nêu):

+ Mỗi khối cơ bản như khối lập phương, khối cầu, khối trụ,... có hình dạng, cấu trúc khác nhau.

+ Có nhiều cách để tạo khối cơ bản từ đất nặn, có thể liên kết các khối cơ bản để tạo sản phẩm theo ý thích.

+ Từ các khối cơ bản có thể tạo ra nhiều khối khác.

– Nhận xét, đánh giá: ý thức học tập, sự chuẩn bị bài học và mức độ tham gia thảo luận, thực hành, của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

GV nhắc HS:

– Xem và tìm hiểu trước nội dung Bài 13 SGK.

– Chuẩn bị các đồ dùng, dụng cụ theo yêu cầu ở mục Chuẩn bị trong Bài 13 SGK: vật liệu có dạng khối, băng dính, hồ/keo dán,...

– Cần sưu tầm các vật liệu tái chế sẵn có ở gia đình, địa phương.

Bài 13. SÁNG TẠO CÙNG VẬT LIỆU TÁI CHẾ

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS những đức tính chăm chỉ, tiết kiệm, ý thức bảo vệ môi trường,... thông qua các hoạt động cụ thể sau:

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập, sáng tạo; biết sưu tầm một số đồ vật đã qua sử dụng có ở xung quanh để làm vật liệu và tái chế thành sản phẩm thẩm mỹ.
- Biết giữ vệ sinh trường lớp học, môi trường xung quanh như: gom nhặt giấy vụn bỏ vào thùng rác, không để hồ dán, băng keo dính trên bàn, ghế.
- Trân trọng sản phẩm mỹ thuật do mình, do bạn bè và người khác tạo ra; lắng nghe bạn chia sẻ và tôn trọng sự chia sẻ, cảm nhận về sản phẩm của bạn.
- Không tự tiện sử dụng đồ dùng, vật liệu của bạn/người khác, khi chưa được sự đồng ý.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được hình dạng khối cơ bản qua một số đồ vật đã qua sử dụng.
- Tạo được sản phẩm mỹ thuật theo ý thích từ những đồ vật đã qua sử dụng có dạng khối cơ bản. Bước đầu biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm như làm đồ dùng học tập, đồ chơi, đồ vật trang trí,...
- Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động sưu tầm, vật liệu để thực hành; tự lựa chọn cách để thực hành, sáng tạo sản phẩm theo ý thích.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn vật liệu, họa phẩm, công cụ để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét, ... sản phẩm rõ ràng.
- Năng lực tư duy khái quát: Khả năng nhận biết các hình khối cơ bản từ những đồ vật đã qua sử dụng, sản phẩm mỹ thuật.
- Năng lực thể chất: Sử dụng dụng cụ học tập khéo léo, linh hoạt và an toàn.
- Năng lực tính toán: Thể hiện khả năng nhận biết tỉ lệ cao, thấp, to, nhỏ, xa, gần,...

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; các vật liệu, công cụ,... như mục Chuẩn bị ở SGK. Đặc biệt cần có những vật liệu dạng khối sẵn có ở địa phương như GV đã hướng dẫn.

2. Giáo viên: Vật liệu đã qua sử dụng có dạng khối, giấy màu thủ công, kéo, bút chì, băng dính/hồ dán; sản phẩm mĩ thuật, hình ảnh minh họa nội dung bài học; máy tính, máy chiếu, ti vi (nên có nếu điều kiện cho phép).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, bể cá, động não, khăn phủ bàn,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua:

- GV kiểm tra sĩ số HS.
- Gợi mở HS giới thiệu những đồ dùng, vật liệu đã chuẩn bị.
- Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Có nhiều cách để GV giới thiệu bài: Giới thiệu bài bằng cách tích hợp kiến thức của môn học khác hoặc giới thiệu trực tiếp vào nội dung bài học thông qua tổ chức hoạt động trò chơi. GV tham khảo những gợi ý:

– *Cách 1:* GV nêu vấn đề dựa trên cách sử dụng sản phẩm mĩ thuật làm từ đồ vật, vật liệu đã qua sử dụng có dạng khối, GV thị phạm, trực quan sản phẩm, kết hợp gợi mở cho HS nêu tên sản phẩm; sản phẩm được làm từ vật liệu nào; khối nào có trên sản phẩm...; từ đó liên kết giới thiệu nội dung bài học.

– *Cách 2:* GV liên hệ với Bài 12, tổ chức cho HS hoạt động nhóm thông qua trò chơi “Điều em đã biết” GV đưa mỗi nhóm một sản phẩm và yêu cầu HS quan sát, tìm hiểu sản phẩm:

Lưu ý:

- Sản phẩm dạng khối, vật liệu/chất liệu mà HS đã biết.
- + Nhiệm vụ: HS trong nhóm thảo luận, viết tên của sản phẩm, tên loại vật liệu/chất liệu làm nên sản phẩm, tên khối và màu sắc trên sản phẩm.
- + Kết quả: Viết đúng, đủ các thông tin theo yêu cầu ở nhiệm vụ.
- + Đánh giá kết quả: Dựa trên kết quả, thời gian hoàn thành, phối hợp giữa các thành viên trong nhóm.

GV dựa trên kết quả của các nhóm và gợi mở vào bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Quan sát, nhận biết

3.1.1. Nhận biết vật liệu dạng khối

- GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh trang 57 SGK và vật liệu do GV chuẩn bị. Yêu cầu thảo luận, trả lời một số câu hỏi sau:
 - + Kể tên một số vật liệu/đồ vật ở hình ảnh hoặc (và) do GV, HS chuẩn bị.
 - + Vật liệu/đồ vật nào có dạng khối cầu, khối trụ, khối lập phương,...?
 - + Các vật liệu/đồ vật được làm bằng chất liệu gì?

3.1.2. Nhận biết sản phẩm tạo từ vật liệu dạng khối (trang 59 SGK) và hình ảnh sản phẩm hoặc vật thật do GV chuẩn bị



Vật liệu do GV chuẩn bị

- GV tổ chức cho HS quan sát, thảo luận và nêu vấn đề, gợi mở để giúp HS nhận ra vật liệu dạng khối cơ bản ở một số sản phẩm. Ví dụ:

- + Hãy kể tên một số sản phẩm.
- + Các sản phẩm có những dạng khối gì?

– GV giới thiệu rõ hơn một số sản phẩm cụ thể, liên hệ với các vật liệu dạng khối được sử dụng để tạo sản phẩm. Ví dụ: Hình dáng người trang 59 SGK được tạo nên từ vật liệu vỏ hộp sữa có dạng khối chữ nhật làm thân, khuôn mặt được tạo từ vật liệu có dạng khối lập phương, tay và chân được tạo từ ống hút nhựa dạng khối trụ;...

GV gợi nhắc:

- + Có nhiều vật liệu dạng khối.
 - + Các vật liệu/đồ vật dạng khối đã qua sử dụng dễ tìm thấy trong cuộc sống.
 - + Mỗi vật liệu đều có đặc điểm riêng.
 - + Có thể sử dụng các vật liệu dạng khối để sáng tạo sản phẩm mỹ thuật độc đáo.
- GV gợi mở HS chia sẻ ý tưởng tạo sản phẩm từ vật liệu và lựa chọn vật liệu để thực hành. Kích thích mong muốn thực hành của HS.

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo và thảo luận

3.2.1. Tìm hiểu cách tạo sản phẩm

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm và giao nhiệm vụ:
- + Quan sát hình minh họa trang 58 SGK (hoặc do GV chuẩn bị và trình chiếu).
- + Nêu thứ tự các bước tạo đồ chơi làm “búp bê” từ vật liệu tái chế.
- GV hướng dẫn, kết hợp giảng giải và tương tác với HS dựa trên các bước cơ bản sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- + Lựa chọn vật liệu chính (khối lập phương hoặc khối trụ,...).
- + Lựa chọn vật liệu khác phối hợp (sợi dây, vải, len, giấy màu, giấy báo,...).
- + Chọn công cụ thực hành (kéo, băng dính, hồ dán,...).

Bước 2: Tạo các chi tiết cho sản phẩm (Có thể vẽ kết hợp cắt, xé, uốn)

- + Tạo thân búp bê bằng lõi giấy vệ sinh có dạng hình trụ và giấy thủ công.
- + Tạo khuôn mặt búp bê bằng quả bóng có dạng hình cầu.
- + Tạo các bộ phận và chi tiết: tóc, mắt, mũi, miệng,... và trang trí bằng cắt dán giấy màu.

Lưu ý: Các chi tiết, bộ phận của búp bê có thể được làm trước hoặc sau. Ví dụ: có thể tạo thân búp bê trước rồi làm khuôn mặt hoặc ngược lại. Chú ý kích thước của phần đầu, phần thân và các chi tiết mắt, mũi miệng trên khuôn mặt; kiểu tóc, màu tóc theo ý thích,...

Bước 3: Chắp ghép các chi tiết, bộ phận để tạo hình dáng búp bê

- + Chắp ghép chi tiết chính trước (đầu, thân).
- + Chắp ghép các chi tiết phụ sau (mắt, mũi, miệng, tóc, trang trí....).

Bước 4: Hoàn thiện sản phẩm

- + Chỉnh sửa hình dáng sản phẩm cho cân đối, chắc chắn.
- + Loại bỏ những chi tiết không thích hoặc bổ sung, trang trí thêm cho sản phẩm.

Lưu ý:

+ GV nên giới thiệu thêm cách tạo hình sản phẩm khác ở trang 59 SGK (một số bước thực hiện chính).

+ GV có thể sử dụng trình chiếu các bước ở trên và giới thiệu, để dành lượng thời gian hướng dẫn một số cách tạo sản phẩm khác (ở trang 59 hoặc do GV chuẩn bị); giúp HS có tham khảo thêm ý tưởng thực hiện.

3.2.2. Thực hành và thảo luận

a) GV gợi mở cho HS hình thành ý tưởng ban đầu cho thực hành

– Sử dụng câu hỏi để HS chia sẻ ý tưởng về sản phẩm mong muốn thực hành. Ví dụ: Mục đích sử dụng, đặc điểm hình dạng, màu sắc, kích thước,...; lựa chọn vật liệu để thực hành,...

– Vận dụng một số hình ảnh sản phẩm ở trang 59 SGK, hoặc một số sản phẩm do GV chuẩn bị là vật thật có ở địa phương (nên có) để giúp HS liên tưởng thực hành.

Lưu ý: GV cần dựa vào khả năng của HS để có thể gợi mở HS lựa chọn ít hay nhiều vật liệu, làm ra sản phẩm có cấu trúc đơn giản hay phức tạp. Hoàn thiện ở mức đơn giản với ít loại vật liệu hoặc hoàn thiện sản phẩm có kết hợp một số loại vật liệu, hình khối khác nhau.

b) Tổ chức HS thực hành cá nhân và thảo luận nhóm với nhiệm vụ

– HS làm việc cá nhân: Tạo sản phẩm theo ý thích, có thể tham khảo:

+ Cách tạo hình búp bê ở trang 58 SGK hoặc cách tạo hình sản phẩm do GV giới thiệu.

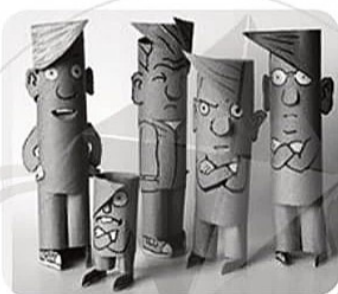
+ Một số sản phẩm ở trang 59 SGK và sản phẩm do GV chuẩn bị:



– HS thảo luận nhóm: Các thành viên thực hiện công việc của mình và quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi với bạn. Ví dụ: ý tưởng thể hiện, lựa chọn vật liệu, màu sắc, hình khối, mục đích sử dụng (dùng làm gì), đặt ở đâu,...

– GV quan sát HS thực hành, thảo luận; trao đổi với HS, nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời (phân tích giải thích, hướng dẫn hoặc hỗ trợ,...); khích lệ HS quan sát, trao đổi với các bạn trong nhóm, trong lớp và tự đưa ra nhận xét/ý kiến cho những lựa chọn của cá nhân/nhóm. Ví dụ: Tên sản phẩm, dạng khối của vật liệu sử dụng làm sản phẩm, những nét, chấm trang trí như thế nào?...

c) Tổ chức cho HS tạo sản phẩm nhóm (nếu thời gian cho phép thực hiện) thông qua thảo luận ý tưởng và sắp xếp các sản phẩm của cá nhân trong nhóm. Ví dụ tham khảo:



3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

– Sản phẩm sáng tạo từ vật liệu tái chế rất hấp dẫn và phù hợp với nhiều không gian, tùy vào lượng thời gian cho hoạt động, địa điểm trưng bày,... để GV tổ chức. Ví dụ tham khảo:

- + Trưng bày đơn sản phẩm/nhóm sản phẩm trên bàn, bục, bệ.
- + Trưng bày ở giữa lớp hoặc dùng dây treo sản phẩm bên cửa sổ, trên tường, hành lang,...
- + Trưng bày trong khuôn viên vườn trường theo chủ đề, hình thức thể hiện trên sản phẩm,...

– GV tổ chức cho HS quan sát toàn bộ các sản phẩm, từng sản phẩm cũng như các chi tiết chính/phụ trên sản phẩm. GV gợi mở để HS trao đổi, thảo luận, chia sẻ cảm nhận cá nhân trong nhóm và nhóm khác. Tùy vào khả năng cảm nhận của HS và thời lượng dành cho nội dung này, GV có thể định hướng phù hợp cho HS. GV có thể tham khảo một số câu hỏi có tính chất gợi mở sau:

- + Sản phẩm của em (hoặc nhóm em) có tên là gì?
- + Sản phẩm được tạo nên từ vật liệu hình khối nào?
- + Em thích sản phẩm của bạn nào/nhóm nào?
- + Sản phẩm của em/nhóm em có thể dùng để làm gì?

- + Để tạo thành sản phẩm của em/của nhóm, em và các bạn đã làm như thế nào?
- + Qua bài học em cần làm gì để bảo vệ môi trường?

– Dựa trên sự trao đổi, thảo luận và chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành sáng tạo, kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành tạo sản phẩm; kích thích HS có ý thức sáng tạo sản phẩm đơn giản từ vật liệu tái chế; kết hợp bồi dưỡng, giáo dục HS ý thức bảo vệ môi trường.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

- GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh họa SGK trang 60 SGK và gợi mở HS nhận ra có thể tạo nhiều sản phẩm từ những vật liệu dạng khối cơ bản.
- Nếu thời lượng cho phép, GV có thể giới thiệu cách thực hành và khuyến khích HS thực hiện ở nhà (nếu HS thích).

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

- Nhận xét, đánh giá: ý thức học tập, sự chuẩn bị vật liệu, mức độ tham gia thảo luận, thực hành, của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).
- GV tóm tắt nội dung chính của bài (đối chiếu với mục tiêu đã nêu):
- + Vật liệu tái chế luôn có sẵn ở xung quanh.
- + Có thể sử dụng vật liệu tái chế để sáng tạo sản phẩm mỹ thuật như làm đồ dùng, đồ chơi và góp phần bảo vệ môi trường.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

GV nhắc HS:

- Xem và tìm hiểu trước Bài 14 SGK.
- Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ theo yêu cầu ở mục Chuẩn bị trong Bài 14 SGK.
- Sưu tầm đồ dùng học tập được làm từ vật liệu sẵn có ở địa phương hoặc do gia đình, địa phương làm ra.

Chủ đề 7

TRƯỜNG HỌC YÊU THƯƠNG

Bài 14. ĐỒ DÙNG HỌC TẬP THÂN QUEN

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phẩm chất như: đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mỹ thuật,... thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, công cụ, vật liệu,... phục vụ học tập.
- Biết bảo quản và giữ gìn đồ dùng học tập sạch, đẹp.
- Có ý thức làm đẹp các đồ vật dùng trong sinh hoạt, học tập hằng ngày; tôn trọng sản phẩm do mình, bạn bè và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được hình dạng, đường nét của một số đồ dùng học tập quen thuộc.
- Tạo được hình đồ dùng học tập bằng cách in nét và biết vận dụng chấm, nét, màu sắc để trang trí đồ dùng học tập.
- Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động lựa chọn đồ dùng học tập để tiến hành thực hành sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ, trao đổi và cùng bạn tạo sản phẩm nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Biết trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.
- Năng lực thể chất: Vận dụng sự khéo léo của bàn tay trong các hoạt động với các thao tác: vẽ, cắt, dán,...

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1; Vở thực hành Mĩ thuật 1; giấy/bìa giấy, màu vẽ, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo,...

2. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; giấy/bìa giấy, kéo, bút chì; hình ảnh minh họa nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, trò chơi, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề, sử dụng tình huống có vấn đề, liên hệ thực tiễn,...

2. Kỹ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, động não, bể cá,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua một số gợi ý sau:

- GV kiểm tra sĩ số và chuẩn bị bài học của HS.
- Gợi mở để HS giới thiệu một số đồ dùng học tập của riêng mình.
- GV kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể lựa chọn, vận dụng một trong hai cách dưới đây:

Cách 1: Trò chơi “Hộp giấy bí mật”.

- Chuẩn bị: GV chuẩn bị một hộp giấy, trong đó có một số đồ dùng học tập quen thuộc như: hộp màu, thước kẻ, tẩy, kéo, băng dính, hồ dán, bút chì, bút mực,...
- Hộp giấy đóng kín, trên một bề mặt của hộp có một ô trống sao cho có thể đưa cánh tay HS vào trong hộp. Để cầm đồ dùng trong hộp và gọi tên đồ dùng đó.

– Cách chơi:

+ GV chia HS trong lớp thành 2 nhóm.

+ Nhiệm vụ: Một số thành viên trong nhóm tham gia chơi, các thành viên khác trong nhóm và nhóm còn lại quan sát, cổ vũ. Từng thành viên tham gia chơi lên gần với hộp giấy, đưa tay vào trong hộp qua ô trống, cầm một đồ dùng trong hộp, đoán tên đồ dùng đó, mắt không nhìn vào hộp. Sau khi nói xong, lấy đồ dùng ra khỏi hộp để cả lớp cùng chứng kiến và đánh giá.

Lưu ý: Chỉ được thay đổi nêu tên đồ dùng khi đồ dùng đó chưa cầm ra khỏi hộp giấy.

– Đánh giá: Kết thúc trò chơi, nhóm nào nói được đúng tên đồ dùng và số lượng đồ dùng lấy ra khỏi hộp nhiều hơn là nhóm đó được tích lũy vào thành tích học (hoặc có thể có phần thưởng tinh thần/vật chất mang tính động viên HS là chính).

GV gọi mở HS nêu tác dụng của mỗi đồ dùng học tập và giới thiệu bài học.

Cách 2: GV nêu vấn đề, gọi mở để HS kể tên, giới thiệu công dụng của một số đồ dùng học tập của mình. Từ những chia sẻ của HS, GV giới thiệu rõ hơn về công dụng, cách sử dụng một số đồ dùng trong học tập, kết hợp giới thiệu bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

– Tổ chức cho HS thảo luận nhóm, yêu cầu:

+ Mỗi cá nhân giới thiệu với các bạn trong nhóm một đồ dùng học tập.

+ Nội dung giới thiệu: tên đồ dùng, màu sắc, mô tả đường nét tạo hình dạng của đồ dùng.

– Tổ chức cho các nhóm giới thiệu một số đồ dùng của thành viên trong nhóm về hình dạng, đường nét, màu sắc,...

– GV nêu câu hỏi để HS mô tả các đồ dùng ở hình minh họa trang 61 SGK.

– GV tóm tắt, giới thiệu rõ hơn đặc điểm về hình, nét, màu sắc trang trí ở đồ dùng.

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành

– Tổ chức HS làm việc nhóm, yêu cầu:

+ Quan sát hình minh họa trang 62 SGK.

+ Nêu cách thực hành tạo hình và trang trí cái thước kẻ.

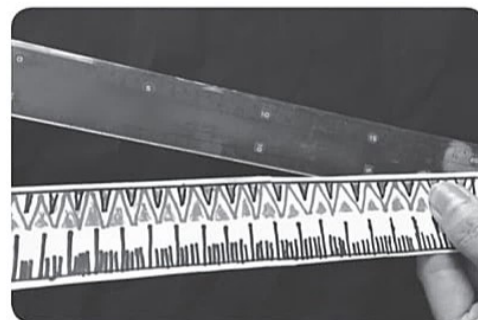
– GV tóm tắt lại các bước, kết hợp thị phạm minh họa một hoặc một số đồ dùng khác và giảng giải một số thao tác chính như: đặt thước trên giấy, in nét, vẽ nét, cắt,...

– GV lưu ý:

+ HS có thể thực hiện theo thứ tự sau:

- In hình đồ dùng học tập bằng nét.
- Cắt hình thước kẻ khỏi tờ giấy.
- Trang trí nét, chấm, màu sắc,... theo ý thích

và hoàn thành sản phẩm.



Lưu ý: GV cần gợi mở HS có thể thay đổi thứ tự thực hiện.

+ Có thể trang trí khác nhau cho hình một loại đồ dùng. Ví dụ:



In hình



Cắt hình đồ dùng khỏi giấy/bìa giấy



Vẽ trang trí nét, chấm, màu sắc

GV nêu câu hỏi để HS thảo luận, chia sẻ với bạn về sự lựa chọn đồ dùng để thực hành vẽ hình và trang trí. Ví dụ: Em sẽ chọn đồ dùng nào để vẽ hình và trang trí? Vì sao em chọn đồ dùng đó?

3.2.2. Thực hành, sáng tạo

a) Tổ chức cho HS làm việc cá nhân kết hợp thảo luận nhóm, nhiệm vụ

– Lựa chọn đồ dùng học tập sẵn có.

– Vận dụng cách thực hành ở hình minh họa trang 62 SGK để tạo sản phẩm.

– Quan sát các bạn trong nhóm; trao đổi, chia sẻ, nêu câu hỏi,... với bạn trong nhóm thực hành. Ví dụ:

- + Tại sao bạn chọn đồ dùng này để thực hành?
- + Bạn thích vẽ cho hình đồ dùng?
- + Bạn sẽ trang trí hình đồ dùng bằng chấm, nét, màu sắc như thế nào?
- + Bạn thích sản phẩm của bạn nào trong nhóm?
- GV quan sát, nắm bắt mức độ làm việc, tham gia trao đổi của HS thông qua các câu hỏi tương tác. Ví dụ:

- + Nhóm em đã tạo hình và trang trí được những đồ dùng học tập nào?
- + Các hình đồ dùng của các bạn trong nhóm có trang trí giống nhau không?
- + Em thích sản phẩm của bạn nào trong nhóm?
- + Em đã nói những gì về hình đồ dùng của mình với các bạn?
- GV khuyến khích HS có thể tạo thêm sản phẩm cho mình.

b) Tổ chức HS làm việc nhóm kết hợp thảo luận

- Nhiệm vụ: Sắp xếp sản phẩm của các cá nhân tạo sản phẩm nhóm. Ví dụ:
- + *Cách 1:* Sắp xếp sản phẩm của một loại đồ dùng.



- + *Cách 2:* Sắp xếp sản phẩm của các loại đồ dùng khác nhau.



- Gọi mở HS thảo luận. Ví dụ:
- + Tên đồ dùng các thành viên trong nhóm sử dụng để thực hành.
- + Các cá nhân đã tạo sản phẩm như thế nào?
- + Sản phẩm của nhóm đã tạo như thế nào, trong đó gồm sản phẩm nào, của ai?

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

- GV có thể tổ chức HS trưng bày với hình thức:
 - + Trưng bày sản phẩm trên bảng của lớp.
 - + Trưng bày sản phẩm tại nhóm học tập.
- Hướng dẫn HS quan sát và gợi mở cảm nhận, chia sẻ. Ví dụ:
 - + Sản phẩm của nhóm em/nhóm bạn có những hình đồ dùng nào?
 - + Em thích sản phẩm của nhóm nào? Vì sao?
 - + Hình đồ dùng nào do em tạo hình và trang trí?
 - + Sản phẩm của em tạo được có những màu sắc, đường nét nào?
- GV đánh giá kết quả thực hành, thảo luận; kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành và chia sẻ cùng các bạn; gợi mở chia sẻ về cách giữ gìn đồ dùng học tập sạch, đẹp.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

GV sưu tầm tranh vẽ, tranh xé dán hoặc sản phẩm nặn hình đồ dùng học tập (3D) và giới thiệu, gợi mở cho HS có nhiều cách tạo sản phẩm mỹ thuật với đồ dùng học tập sẵn có.

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

- Gợi mở HS tự đánh giá mức độ tham gia học tập.
- Nhận xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HS.
- Sử dụng nội dung tóm tắt cuối bài ở trang 64 SGK.
- Liên hệ với mục tiêu bồi dưỡng các phẩm chất: chăm chỉ, ý thức vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mỹ thuật,...

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

GV nhắc HS:

- Đọc nội dung Bài 15.
- Chuẩn bị đồ dùng, công cụ theo yêu cầu ở Bài 15.
- Hướng dẫn HS sưu tầm đồ dùng, vật liệu, chất liệu sẵn có ở địa phương phù hợp với nội dung bài học tiếp theo.

Bài 15. EM VẼ CHÂN DUNG BẠN

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phẩm chất như nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm,... thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Thể hiện sự thân thiện, hoà đồng với các bạn; yêu mến, quý trọng thầy cô; tôn trọng sự khác biệt giữa các bạn và mọi người.
- Biết chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập và tích cực tham gia các hoạt động của nhóm. Không tự tiện sử dụng màu sắc, hoạ phẩm và đồ dùng của bạn khi chưa được bạn đồng ý.
- Chia sẻ chân thực suy nghĩ, cảm nhận của mình, thể hiện sự trân trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật của mình, của bạn và người khác.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết hình dạng, đặc điểm khuôn mặt của các bạn trong nhóm/lớp.
- Vẽ được chân dung bạn bằng nét và màu sắc sẵn có, bước đầu biết thể hiện đặc điểm chân dung của bạn ở mức độ đơn giản.
- Chia sẻ được cảm nhận về bức tranh của mình, của bạn; biết trao đổi về ứng dụng của tranh chân dung vào cuộc sống.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết và chuẩn bị đủ đồ dùng, vật liệu để học tập, chủ động trong hoạt động học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét đặc điểm khuôn mặt và sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng được ngôn ngữ mô tả khuôn mặt bạn và trao đổi, chia sẻ trong học tập.

– Năng lực thể chất: biểu hiện ở hoạt động tay trong các ở kĩ năng thao tác vẽ nét, hình, màu,...

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh

- SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1, giấy vẽ, màu,...
- Tranh/ảnh chân dung của bạn hoặc người thân.
- Câu chuyện mô tả về khuôn mặt một người mà em ấn tượng.

2. Giáo viên

- Phương tiện, màu vẽ, giấy màu.
- Một số bức tranh chân dung rõ đặc điểm nhân vật. Lưu ý hình ảnh có yếu tố vùng miền, gần gũi với học sinh, đủ giới tính nam nữ.
- Minh họa giới thiệu cách vẽ một bức tranh chân dung bằng màu thông dụng với HS lớp 1. Chủ yếu là hướng HS đến các bước vẽ hợp lí nhưng tránh bị dập khuôn.



Nàng Mô-na-li-sa
– Tranh sơn dầu của
Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi

Lưu ý: Hình ảnh các nhân vật có đặc điểm nổi bật, dễ nhận ra.

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Quan sát, trực quan, vấn đáp, giải quyết vấn đề, hướng dẫn thực hành, gợi mở,...

2. Kĩ thuật dạy học: Động não, đặt câu hỏi, bể cá,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tham khảo một số hoạt động dưới đây để tạo tâm thế học tập cho HS:

- Nhắc HS ôn định trật tự.
- Kiểm tra sự chuẩn bị bài học của HS.
- Gọi mở HS mô tả về khuôn mặt của người mà HS yêu thích.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể tham khảo một số gợi ý sau:

– Có thể đưa ra một ảnh chân dung một nhân vật quen thuộc với HS để gây sự chú ý. Ví dụ: Nhân vật hoạt hình, người nổi tiếng, thầy cô, bạn bè,... có đặc điểm dễ nhận biết và hỏi HS.

– Có thể vào bài bằng cách kể về một nhân vật rất quen thuộc qua việc mô tả hình dáng, đặc điểm khuôn mặt.

– Hỏi HS: Thầy/Cô vừa mô tả về ai?

Kết luận: Mỗi người có một đặc điểm khuôn mặt riêng để chúng ta nhận diện và phân biệt người khác. Vậy hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu chân dung mỗi người thông qua việc vẽ lại các đặc điểm riêng của bạn trong lớp.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

3.1.1. Tìm hiểu hình dạng khuôn mặt người

– Giới thiệu và tổ chức cho HS quan sát một số ảnh chân dung có đặc điểm khuôn mặt và trạng thái cảm xúc khác nhau (gồm một số lứa tuổi, có thể sử dụng hình ảnh chân dung trang 66 SGK). Nếu ảnh của người trưởng thành nên lựa chọn ảnh chân dung của nhân vật có ảnh hưởng nhất định đến đời sống xã hội, truyền thống văn hoá của địa phương (nên tham khảo nội dung môn Tiếng Việt, môn Đạo đức,... lớp 1). Gọi mở HS nêu nhận xét về:

- + Hình dạng khuôn mặt người trong mỗi bức ảnh.
- + Nét mặt thể hiện vui hay buồn.
- + Liên hệ quan sát khuôn mặt các bạn trong lớp.
- GV tóm tắt nội dung HS đã thảo luận và chia sẻ.

Lưu ý: Mỗi người có khuôn mặt và đặc điểm riêng giúp chúng ta phân biệt được người này với người khác.

3.1.2. Tổ chức cho HS quan sát một số tranh chân dung giới thiệu trang 65, 68 trong SGK và tranh chân dung do GV chuẩn bị (nên có).

– Gọi mở nội dung cho HS thảo luận và chia sẻ:

+ Bức tranh vẽ về ai?

+ Kể tên một số màu sắc xuất hiện trong mỗi bức tranh?

+ Trong các bức tranh sử dụng những nét vẽ cong, thẳng như thế nào?

+ Kể một số hình ảnh thể hiện trong mỗi bức tranh, hình ảnh nào rõ nhất? Hình khuôn mặt trong bức tranh có gì đặc biệt?

+ Cảm nhận về bức tranh: Vui hay buồn, thích hay chưa thích, màu sắc,... Vì sao?

– GV tóm tắt nội dung thảo luận, chia sẻ của HS, kết hợp giới thiệu thêm một số thông tin về các bức tranh.

Em Thuý – Hoạ sĩ Trần Văn Cẩn quê ở Hải Phòng. – Bức tranh sơn dầu tả một bé gái có mái tóc đen dài, đôi mắt sáng và cái miệng rất xinh,... Bức tranh vẽ cả đôi bàn tay theo bố cục nửa người (giống bức Mô-na-li-sa).	Người đàn bà đội mũ nôi, mặc váy kẻ ô – Pi-cát-xô là hoạ sĩ người Tây Ban Nha. Ông là hoạ sĩ vẽ phong cách lập thể nổi tiếng. Bức tranh dùng nhiều màu sắc và mảng nét. Lối tạo hình gần với tư duy của HS. GV nên khai thác ý phù hợp với bài học.
Em gái Tranh màu sáp của Quang Vinh có nhiều màu rất đẹp, được vẽ với nền trang trí bằng các ô màu. Chú ý vào cái môi đỏ cười vui, áo hoa,...	Duy Anh và bóng bay Tranh màu sáp của Đào Trần Duy Anh có cách sáng tạo rất hay với chiếc áo kẻ ngang có nhiều màu. Vẽ màu nền rất khéo tạo ra hình tròn màu da cam. Miệng cười, má hồng, mái tóc ngắn,...

– GV nêu vấn đề, gọi mở HS mô tả về khuôn mặt của một người mà HS thích.

– GV giới thiệu thêm một số tranh chân dung do HS/thiếu nhi thể hiện cảm nhận.

Lưu ý sự phong phú về hình dạng khuôn mặt và màu sắc, cách sắp xếp bố cục,...

Lưu ý: Tranh chân dung chủ yếu vẽ khuôn mặt người.

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo và thảo luận

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo

– GV tổ chức cho HS quan sát SGK trang 66, 67 phần Cách vẽ chân dung bạn (hoặc hình ảnh minh hoạ do GV trình chiếu). Yêu cầu HS thảo luận, nêu cách tiến hành vẽ chân dung bạn.

– GV kết hợp nội dung HS chia sẻ với giới thiệu, giảng giải cách vẽ (nên thị phạm minh hoạ) và gợi mở, tương tác với HS dựa trên các bước thực hành được minh hoạ trong SGK:

+ Quan sát tìm đặc điểm của khuôn mặt bạn: Về hình dạng chung và đặc điểm một số bộ phận như: màu da, màu tóc, miệng, mũi, mắt, tóc, tai, trang phục,...

+ Vẽ hình khuôn mặt trên giấy: Kích thước hình khuôn mặt phù hợp với khổ giấy (hoặc trang vở thực hành), hình dạng khuôn mặt theo đặc điểm của khuôn mặt bạn.

+ Vẽ chi tiết cho khuôn mặt: dựa trên đặc điểm: mắt, mũi, miệng,... trên khuôn mặt bạn. Có thể kết hợp chú ý đến trang phục và các chi tiết khác như: vòng cổ, vòng tay, hoa tai, nơ tóc,... hoặc vẽ trang trí cho bức tranh như: vẽ hoa, vẽ bức tường, cửa sổ, con vật,... (liên hệ với tranh minh hoạ trang 68 SGK, phần Sáng tạo bức tranh chân dung).

+ Vẽ màu cho bức tranh: theo ý thích về màu da, màu tóc, trang phục, màu nền xung quanh,...

– GV cần kết hợp cho HS quan sát tranh minh hoạ trang 68 SGK, phần Sáng tạo bức tranh chân dung và có thể giới thiệu thêm một số hình ảnh chân dung sau:



Bố cục bức tranh với hai nửa trên, dưới rõ ràng.

*Chi Trang –
Tranh phần màu
của Phạm Đình Quang*



Hoạ sĩ chú trọng vào cái khăn và khuôn mặt.

*Chân dung tự hoạ –
Tranh sơn dầu của hoạ sĩ
Nguyễn Sáng*



Hoạ sĩ dùng diện tích lớn cho khuôn mặt và để ý trang phục.

*Chân dung tự hoạ –
Tranh bột màu của hoạ sĩ
Bùi Xuân Phái*

3.2.2. Thực hành, sáng tạo

– Tổ chức HS theo nhóm học tập. Nhiệm vụ:

Thực hành: Mỗi HS vẽ một bức tranh chân dung về người bạn của mình.

– GV gợi mở HS có thể lựa chọn vẽ theo cặp hoặc vẽ theo trí nhớ, tưởng tượng về một người bạn.

Thảo luận nhóm: Trong thực hành, HS trong nhóm cùng nhau chia sẻ, trao đổi về các nội dung như: đặc điểm và các bộ phận trên khuôn mặt; màu sắc và các chi tiết trang trí; vị trí và kích thước hình khuôn mặt; cách sử dụng màu vẽ,...

Một số nội dung cần gợi mở cho HS thảo luận, GV nên cụ thể bằng hệ thống câu hỏi phù hợp.

Lưu ý: Để HS thuận lợi trong thảo luận, trao đổi và nhận xét, góp ý cho nhau trong thực hành, GV cần căn cứ trên tiến trình và kết quả thực hành để sử dụng tình huống có vấn đề thông qua hệ thống câu hỏi một cách phù hợp, nhằm phát huy được khả năng làm việc độc lập và hợp tác ở HS.

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

– Tổ chức cho HS trưng bày bức tranh cần bảo đảm mọi HS đều có thể quan sát thuận lợi trong không gian lớp học. Ví dụ:

+ Trưng bày trên bảng cá nhân tại nhóm học tập.

+ Trưng bày theo nhóm trên bảng của lớp.

– Hướng dẫn HS quan sát các bức tranh và yêu cầu HS:

+ Nêu bức tranh thích nhất và chưa thích trong nhóm hoặc cả lớp. Nêu lí do.

+ Chia sẻ một số thông tin về bức tranh của mình. Ví dụ: tên bức tranh, tên người bạn được vẽ trong tranh, đặc điểm về hình dạng, màu sắc,... của khuôn mặt bạn, lí do vẽ bạn,...

– Tóm tắt nội dung chia sẻ của HS, nhận xét, đánh giá kết quả thực hành, thảo luận và ý thức học tập; động viên, khích lệ HS học tập.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

GV chỉ dẫn HS quan sát hình ảnh các bức tranh chân dung mục *Vận dụng* và bức tranh do GV chuẩn bị (nếu có), gợi mở giúp HS nhận ra: Có thể vẽ một hoặc nhiều khuôn mặt (người thân) trong bức tranh. (Có thể mở rộng thêm cách tạo bức tranh chân dung bằng cách xé dán hoặc nặn).

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

- Tóm tắt nội dung chính của bài học:
- + Khuôn mặt của mỗi người có đặc điểm riêng.
- + Màu sắc làm cho bức tranh chân dung hấp dẫn hơn.
- Đánh giá sự chuẩn bị, quá trình học tập bị của HS, liên hệ bồi dưỡng lòng nhân ái, sự tôn trọng và hoà đồng với các bạn, mọi người xung quanh.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

Gv nhắc HS:

- Xem trước nội dung Bài 16.
- Chuẩn bị các đồ dùng, công cụ theo yêu cầu ở mục Chuẩn bị trong Bài 16.

Bài 16. NGÔI TRƯỜNG EM YÊU

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phẩm chất như: đức tính chăm chỉ, tiết kiệm, có trách nhiệm với nhiệm vụ học tập; kính trọng thầy cô, yêu thương bạn bè,... thông qua một số biểu hiện và hoạt động chủ yếu sau:

- Yêu trường, lớp, thân thiện với bạn bè, quý mến, tôn trọng thầy cô.
- Tích cực tham gia hoạt động học tập, sáng tạo sản phẩm.
- Biết sưu tầm một số đồ vật đã qua sử dụng để tạo thành mô hình ngôi trường; giữ vệ sinh trường lớp và môi trường xung quanh.
- Trân trọng sản phẩm mỹ thuật do mình, do bạn và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được kiểu dáng, màu sắc của một số ngôi trường HS đến học tập, vui chơi.

– Biết cùng bạn tạo được mô hình ngôi trường bằng vật liệu, công cụ, hoạ phẩm sẵn có.

– Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của nhóm và của bạn bè.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập, sáng tạo mô hình. Chủ động thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhóm.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Cùng bạn thực hành, thảo luận và trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng dụng cụ, vật liệu, giấy màu, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Khả năng trao đổi, thảo luận và giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm một cách tự tin.

– Năng lực âm nhạc: Khả năng mô tả một số hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học ở tác phẩm âm nhạc do GV lựa chọn.

– Năng lực thể chất: Thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay.

– Năng lực tính toán: Thể hiện khả năng phân chia tỉ lệ các chi tiết cấu trúc ở mô hình ngôi trường.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành mĩ thuật 1; các vật liệu, công cụ,... như mục Chuẩn bị SGK và GV đã hướng dẫn ở bài học trước, đặc biệt các vật liệu đặc thù của địa phương.

2. Giáo viên: Vở hộp giấy carton, giấy màu, màu vẽ, bút chì, tẩy chì, dây chỉ, băng keo/hồ dán, kéo,...; hình ảnh/sản phẩm minh hoạ nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc tivi (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề,...

2. Kỹ thuật dạy học: Động não, sơ đồ tư duy, khăn phủ bàn,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV có thể tạo tâm thế học tập cho HS thông qua:

- GV kiểm tra sĩ số.
- Gọi mở HS giới thiệu những vật liệu, đồ dùng,... đã chuẩn bị.
- Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

– GV có thể giới thiệu bài học bằng cách tích hợp kiến thức của môn học khác hoặc giới thiệu trực tiếp vào nội dung bài học thông qua tổ chức hoạt động vui chơi,...

+ *Cách 1:* GV cho HS nghe bài hát “Em yêu trường em” của nhạc sĩ Hoàng Vân, GV gọi mở và yêu cầu HS nêu những hình ảnh về ngôi trường xuất hiện trong bài hát.

+ *Cách 2:* GV cho HS xem clip có cảnh quay về ngôi trường mà HS đang theo học; GV tổ chức HS hoạt động nhóm và yêu cầu các nhóm dùng phấn/bảng hoặc bút màu/giấy và viết tên những hình ảnh về ngôi trường xuất hiện ở trong clip.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

3.1.1. Nhận biết đặc điểm một số ngôi trường quen thuộc

– GV tổ chức học HS quan sát hình ảnh ở trang 69 SGK, yêu cầu HS thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ. Nội dung:

- + Trả lời câu hỏi: Hai ngôi trường dưới đây có điểm gì khác nhau.
- + Liên hệ hình ảnh hai ngôi trường trong hình ảnh với trường học của chính HS.

– GV tổ chức HS quan sát một số hình ảnh ngôi trường khác do GV chuẩn bị (nên có nếu điều kiện cho phép) và gọi mở HS nhận ra:

- + Kiểu dáng, kích thước, cảnh quan,... của mỗi ngôi trường.
- + Những điểm giống nhau của các ngôi trường.

3.1.2. Nhận biết kiểu dáng hình khối của một số ngôi trường (trang 70 SGK)

– GV sử dụng hình minh họa trang 70 SGK và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có).

+ GV tổ chức HS quan sát, thảo luận và nêu vấn đề, gọi mở, giúp HS liên hệ kiểu dáng của một số ngôi trường với hình, khối cơ bản.

+ GV gợi mở HS nhớ, nêu đặc điểm về hình, nét, màu sắc, vị trí,... của một số chi tiết ở ngôi trường, trong các lớp. Ví dụ: cửa ra vào lớp học, cửa sổ, nhiều tầng, ít tầng, kiểu mái, lá cờ Tổ quốc, trang trí trên các bức tường,...

– GV tóm tắt:

+ Có nhiều trường học dành cho HS đến học tập, vui chơi.

+ Các trường học thường có: cổng trường, sân trường, phòng học dành cho HS, phòng làm việc của thầy, cô giáo,...

+ Kiểu dáng, màu sắc, kích thước,... của các ngôi trường có thể giống nhau hoặc khác nhau.

– GV sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề,... để kích thích HS mong muốn thực hành sáng tạo mô hình ngôi trường từ vỏ hộp giấy.

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo và thảo luận

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành

– GV tổ chức HS thảo luận nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Quan sát hình minh họa trang 71 SGK (hoặc do GV chuẩn bị trình chiếu).

+ Nêu thứ tự các bước tạo mô hình từ vỏ hộp giấy/vỏ thùng bìa carton.

– GV hướng dẫn, thị phạm minh họa một số thao tác chính, kết hợp giảng giải, tương tác với HS và gợi mở cách thực hiện:

Cách 1: Tạo mô hình khối nhà lớp học cao tầng

+ Chuẩn bị: Lựa chọn vỏ hộp giấy carton có dạng hình khối chữ nhật và giấy báo/giấy gói hàng, bút màu, bút chì, kéo, sợi dây chỉ,...

+ Tạo “màu sơn” cho khối nhà lớp học của trường học: Sử dụng giấy màu (hoặc giấy báo, giấy gói hàng,...) dán trên bề mặt vỏ hộp/thùng bìa carton hoặc tô/vẽ màu. Hoặc sử dụng màu sẵn có của vỏ hộp giấy làm màu sơn cho khối nhà.

+ Tạo các tầng và các chi tiết cho khối nhà: Dùng bút chì/bút màu vẽ nét, phân chia chia tầng, ô cửa ra vào, ô cửa sổ và tô màu theo ý thích.

+ Trang trí và hoàn thiện mô hình khối nhà: Có thể vẽ, cắt dán các nét, hình (lá cờ, biển tên trường, tên lớp,...) để trang trí cho mô hình khối nhà lớp học.

Lưu ý:

+ Gợi mở HS có thể tạo số lượng các tầng khác nhau trên những kích thước khối hộp giấy bằng nhau.

+ GV có thể minh họa cách tạo mô hình trường học cao tầng theo cách khác nội dung đã cung cấp ở trang 72 SGK.

Cách 2: Tạo mô hình khối nhà lớp học một tầng (nhà cấp bốn)

+ Chuẩn bị: Chọn vỏ hộp giấy carton có dạng hình khối chữ nhật/vuông và vật liệu kết hợp, công cụ hỗ trợ.

+ Tạo hình các bộ phận chính của ngôi nhà: thân nhà, mái nhà.

+ Tạo “màu sơn” cho thân ngôi nhà: Như cách 1 ở trên.

+ Trang trí và hoàn thành mô hình khối nhà: vẽ hoặc cắt, dán giấy màu, trang trí hình ô cửa sổ, cửa ra vào, mái nhà theo ý thích. Có thể tạo thêm các hình lá cờ Tổ quốc, cờ tam giác, biển tên trường, tên lớp,... cho khối nhà tạo ngôi trường học của em.

+ Trang trí thêm một số hình chi tiết như lá cờ Tổ quốc, cờ tam giác, tên trường, tên lớp,...

Lưu ý: GV có thể minh họa cách tạo mô hình trường học nhà cấp 4 theo cách khác nội dung đã đề cập ở trang 72 SGK.

3.2.2. Thực hành, sáng tạo

a) Tổ chức HS thực hành tạo sản phẩm nhóm, kết hợp thảo luận

Lưu ý: Hoạt động này chủ yếu các thành viên cùng làm trên một khối hộp giấy, do vậy, số lượng HS trong nhóm cần phù hợp để mọi HS trong nhóm đều tham gia một cách thuận lợi.

– Giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm:

+ Thảo luận, trao đổi và thống nhất tạo mô hình khối nhà lớp học của ngôi trường (nhiều tầng hay ít tầng, có mái hay mái bằng,...).

+ Tự phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.

+ Mỗi thành viên vừa thực hiện nhiệm vụ của mình, vừa quan sát các bạn trong nhóm thực hành và trao đổi, nêu ý kiến với các bạn về phần việc của mình, của bạn, của nhóm. Ví dụ:

- Ô cửa sổ, cửa ra vào, có thể vẽ màu hay cắt dán giấy?
- Khối nhà lớp học của nhóm có gì đặc biệt?...

– GV quan sát HS thực hành, thảo luận; trao đổi với HS, nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời (phân tích giải thích, hướng dẫn, thị phạm hoặc hỗ trợ,...); có thể gọi mở các nhóm tạo thêm các hình ảnh khác cho mô hình khối nhà của trường học thêm sinh động. Ví dụ:

+ Đường đi, cổng trường.

+ Sân trường, cảnh quan xung quanh.

– Căn cứ trên thực tiễn hoạt động của HS, GV cần vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo.

b) Tổ chức các nhóm HS tạo sản phẩm chung của lớp hoặc của một số nhóm

– Gợi mở HS tập hợp sản phẩm của các nhóm hoặc một số nhóm để tạo mô hình ngôi trường học của chính nơi các em đang học hoặc ngôi trường theo ý thích. Gợi mở HS tham khảo cách “thiết kế” toàn cảnh ngôi trường ở trang 73 SGK và hình ảnh minh họa dưới đây:



– GV gợi mở các nhóm HS trao đổi cách vận dụng. Ví dụ: Sản phẩm mô hình trường học có thể trưng bày ở đâu? (trong lớp, trên thư viện, phòng truyền thống của nhà trường,...).

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

– Do mô hình trường học là sản phẩm dạng 3D, nên cần không gian nhất định để trưng bày, bảo đảm mọi HS đều quan sát, tiếp cận trực tiếp được các sản phẩm. Ví dụ:

+ Trưng bày trên bục đặt mẫu ở dưới bảng của lớp.

+ Trưng bày trên bàn/trên bục đặt mẫu ở giữa lớp học.

+ Trưng bày trên bàn, ở xung quanh lớp học.

– GV tổ chức cho HS quan sát, có thể định hướng các nhóm giới thiệu, chia sẻ bằng hình thức thuyết trình, kể chuyện,... dựa trên một số gợi ý sau:

+ Tên ngôi trường.

+ Quá trình thực hành (công việc cá nhân, trao đổi lựa chọn màu, vật liệu,... trong nhóm).

- + Mô tả đặc điểm hình khối, kích thước, màu sắc,... của ngôi trường.
- + Liên hệ với hình ảnh, không gian, cảnh quan của ngôi trường đang học.
- + Bày tỏ cảm xúc: Thích hay không thích? Vì sao?

– Dựa trên sự trao đổi, chia sẻ của HS, GV đánh giá kết quả thực hành, kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành tạo mô hình trường học từ vỏ hộp giấy carton; đồng thời liên hệ với thực tiễn, gợi mở HS liên tưởng và sáng tạo các mô hình trường học khác từ vật liệu vỏ hộp giấy hoặc vật liệu tương tự. Đồng thời, GV liên hệ nội dung *Vận dụng* trong SGK (có thể sưu tầm thêm hình thức tạo mô hình ngôi trường hình khối, chất liệu, vật liệu khác).

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung *Vận dụng*

– GV tổ chức HS quan sát hình ảnh minh họa trang 73 SGK và gợi mở HS nhận ra những cách khác để tạo mô hình ngôi trường như: xé, cắt giấy bìa hoặc sử dụng đất nặn,...

– Nếu thời lượng cho phép, GV có thể giới thiệu cách làm và khuyến khích HS làm ở nhà (nếu HS thích).

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

– GV tóm tắt nội dung chính của bài (đối chiếu với mục tiêu đã nêu):

- + Trường học là nơi vui chơi, học tập của tất cả HS.
- + Có nhiều trường học khác nhau; mỗi ngôi trường đều có kiểu dáng, kích thước, cảnh quan riêng.
- + Có rất nhiều cách để tạo mô hình trường học một tầng hay nhiều tầng từ vỏ hộp bìa giấy và các nguyên vật liệu sưu tầm khác nhau.

– Nhận xét, đánh giá: ý thức học tập, sự chuẩn bị vật liệu, mức độ tham gia thảo luận, thực hành, của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp). Liên hệ bồi dưỡng, giáo dục HS tình yêu thương bạn bè, thầy cô, người thân và mọi người xung quanh; ý thức vệ sinh trường học, sưu tầm vật liệu sẵn có để sáng tạo nhiều sản phẩm khác, góp phần bảo vệ môi trường.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

GV nhắc HS:

- Xem và tìm hiểu trước nội dung Bài 17.
- Tập hợp các sản phẩm đã tạo được trong các bài học của năm học/học kì 2 và mang đến lớp vào buổi học tiếp theo để cùng tổ chức buổi “triển lãm” ở lớp.

Bài 17. CÙNG NHAU ÔN TẬP HỌC KÌ 2

(1 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất sau: Chăm chỉ, tiết kiệm, có trách nhiệm với nhiệm vụ học tập, kính trọng thầy cô, yêu thương bạn bè.

2. Năng lực

2.2. Năng lực mỹ thuật

– Nhận ra hình, khối dễ tìm thấy trong tự nhiên, trong đời sống và có thể sử dụng để sáng tạo sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

2.1. Năng lực chung

– Trưng bày được sản phẩm đã tạo nên trong các bài học đã qua.
– Nêu được các yếu tố chấm, nét, hình, khối, màu sắc ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật và chia sẻ cảm nhận.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trưng bày, trao đổi và chia sẻ về những điều đã học.
– Năng lực ngôn ngữ: Biết sử dụng lời nói để chia sẻ cảm nhận về sản phẩm.
– Năng lực thể chất: Thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mỹ thuật 1; Vở thực hành Mỹ thuật 1; sản phẩm mỹ thuật đã tạo được trong các bài học.

2. Giáo viên: SGK Mỹ thuật 1; Vở thực hành Mỹ thuật 1; hình ảnh minh họa nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nên có nếu điều kiện cho phép).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, thảo luận, sử dụng tình huống có vấn đề, liên hệ thực tiễn, trò chơi,...

2. Kỹ thuật dạy học: Tia chớp, động não, đặt câu hỏi,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

- GV kiểm tra sĩ số HS.
- Gọi mở HS giới thiệu những bài học đã được học trong học kì 2 hoặc cả năm học.
- GV kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

GV có thể vận dụng hình ảnh hoạt động, sản phẩm của HS trong các bài học và nêu vấn đề, kích thích HS nhớ lại. Ví dụ:

- Kể tên một số sản phẩm mỹ thuật do mình đã tạo ra.
- Nêu cách đã tạo ra một/một số sản phẩm cá nhân (hoặc nhóm).

Hoạt động 3: Tổ chức HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

Cách 1:

- Tổ chức cho HS thảo luận nhiệm vụ:
 - + Quan sát các hình ảnh minh họa trang 74, 75 SGK và hình ảnh sản phẩm mỹ thuật do HS, GV chuẩn bị.
 - + Nêu tên/nội dung hình ảnh và sản phẩm/chủ đề.
 - + Nêu đặc điểm hình khối thể hiện ở ảnh trực quan (hình vuông, tròn, tam giác,... khối lập phương, khối cầu,...).
- GV tóm tắt: Các yếu tố hình, khối dễ tìm thấy trong tự nhiên, trong đời sống và có thể sử dụng để sáng tạo sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

Cách 2: GV có thể vận dụng kỹ thuật dạy học tia chớp để tổ chức cho HS nhận biết đặc điểm về hình, khối (có thể tham khảo Bài 9: Cùng nhau ôn tập học kì 1).

Hoạt động 4: Tổ chức HS trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

- GV có thể hướng dẫn hoặc trưng cầu ý kiến HS về cách trưng bày sản phẩm đã tạo nên ở các bài học. Ví dụ:

- + Trưng bày sản phẩm theo hình thức tạo hình 2D, 3D.
- + Trưng bày sản phẩm dựa trên các yếu tố: chấm, nét, hình, khối,...
- + Trưng bày sản phẩm theo chủ đề: thiên nhiên, đồ dùng, đồ chơi,...
- + Trưng bày sản phẩm theo nhóm học tập.
- GV tổ chức cho HS quan sát và thảo luận, cảm nhận, chia sẻ
- + Các sản phẩm trưng bày thể hiện những chủ đề gì?
- + Em thích sản phẩm nào nhất? Sản phẩm có hình, khối gì?
- + Các chấm, nét, màu sắc thể hiện ở sản phẩm (cụ thể) như thế nào?
- + Sản phẩm của em ở đâu? Em đã làm ra sản phẩm đó như thế nào?

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

- GV tổ chức một số HS chia sẻ cảm nhận và ý tưởng sử dụng sản phẩm vào đời sống.
- GV tổng kết (trang 76 SGK), liên hệ mỹ thuật với đời sống xung quanh.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo

Hướng dẫn HS tự học trong kì nghỉ hè.

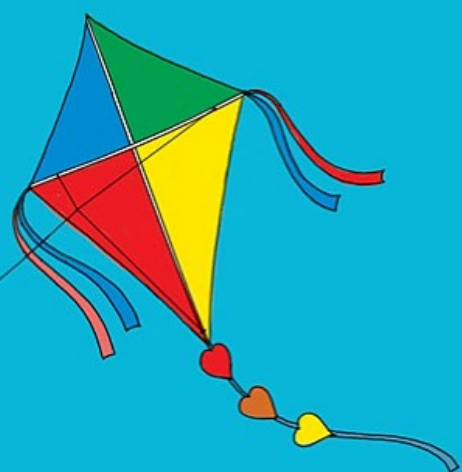
Cánh Diều

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1	5
PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1	25
CHỦ ĐỀ 1: MÔN MĨ THUẬT CỦA EM	
Bài 1 Môn Mĩ thuật của em	29
CHỦ ĐỀ 2: MÀU SẮC VÀ CHẤM	
Bài 2 Màu sắc quanh em	34
Bài 3 Chơi với chấm	39
CHỦ ĐỀ 3: SỰ THÚ VỊ CỦA NÉT	
Bài 4 Nét thẳng, nét cong	47
Bài 5 Nét gấp khúc, nét xoắn ốc	53
CHỦ ĐỀ 4: SÁNG TẠO VỚI CHẤM, NÉT, MÀU SẮC	
Bài 6 Bàn tay kì diệu	59
Bài 7 Trang trí bằng chấm và nét	65
Bài 8 Thiên nhiên quanh em	71
Bài 9 Cùng nhau ôn tập học kì 1	76
CHỦ ĐỀ 5: SÁNG TẠO VỚI CÁC HÌNH CƠ BẢN, LÁ CÂY	
Bài 10 Ngôi nhà thân quen	80
Bài 11 Tạo hình với lá cây	86
CHỦ ĐỀ 6: NHỮNG HÌNH KHỐI KHÁC NHAU	
Bài 12 Tạo khối cùng đất nặn	92
Bài 13 Sáng tạo cùng vật liệu tái chế	98
CHỦ ĐỀ 7: TRƯỜNG HỌC YÊU THƯƠNG	
Bài 14 Đồ dùng học tập thân quen	106
Bài 15 Em vẽ chân dung bạn	112
Bài 16 Ngôi trường em yêu	118
Bài 17 Cùng nhau ôn tập học kì 2	125

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1 **Cánh Diều**

1. Tiếng Việt 1 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 1
3. Đạo đức 1
4. Tự nhiên và Xã hội 1
5. Giáo dục thể chất 1
6. Âm nhạc 1
7. Mỹ thuật 1
8. Hoạt động trải nghiệm 1

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 1 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



SỬ DỤNG TEM CHỐNG GIẢ:

Dùng điện thoại, quét mã QR để thấy biểu tượng
“Cánh Diều”.

ISBN: 978-604-54-5928-7



9 786045 459287